

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Nguyễn Thị Thảo An (I)**

#### **Tiểu sử**

Sinh ngày 3.2.1959 tại Sài Gòn.

#### **Tác phẩm**

Tuyển tập (in chung với 4 tác giả khác)



## **Mục Lục**

**Những giòng sông không chảy – 2**  
**Tu giùm - 10**

### **Phụ đính:**

**Con bù nhìn - Quán gió đều hiu – Tình ca con dúit**  
**Tình cũ – Qua khe cửa – Trăng trên đồi ma**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Những giòng sông không chảy



Sequois là người da đỏ. Lần đầu, tôi gặp hắn trong nhóm bán dạo ở khu thương xá Portland, Oregon. Hắn mặc quần jeans bạc màu, lưng nhiều lỗ. Tóc dài, cột bằng sợi thun có kim tuyến. Họ trình diễn nhạc cổ truyền da đỏ trong một góc phố. Hắn thổi sáo ống sáo làm bằng nhánh cây hollow, đục sáu lỗ, có quần dây dạ. Những người khác đánh trống. Loại trống tay, tròn dẹt có quai xách, hai mặt bịt bằng da trâu rừng. Bên cạnh, một túi xách đựng toàn băng và đĩa. Tôi chăm chú nghe hồi lâu. Nhạc không hay. Âm thanh trầm và rền như bị dồn trong lòng núi. Vài người thấy lạ đứng lại xem, rồi bỏ đi. Không ai mua dù giá rẻ. Họ vẫn kiên nhẫn trình diễn. Động lòng, còn năm chục tôi đưa hết cho họ và lấy một băng nhạc. Đi được mười bước Sequois chạy theo, dúm cho mớ nữa. Tôi cười, lấy thêm một băng, rồi đi thẳng.

Đầu hè, sinh viên tứa ra kiếm việc chờ khóa mới. Một thằng bạn Tàu tên Lee rủ tôi về Boise, phụ việc nhà hàng của cha nó. Nó hứa, lương cao việc nhàn, bao ăn ở, hai đứa có thời gian học thêm. Nghe bùi tai, tôi theo nó về Boise. Mới hai hôm, nó lặn mất. Thường nhật, nhà hàng bán hai bữa chính: trưa và tối. Nhưng công việc dưới bếp quần quật suốt mười hai tiếng mỗi ngày. Hết làm cá, nhồi bột lại bằm hành, cay xé mắt. Chốc chốc, cha nó cứ chạy xuống góc chừng như canh kẻ trộm. Tôi hỏi, Lee đâu? Ông xua tay cự, làm việc đi, nó mắc học, không rảnh chơi với mày. Tôi cáu tiết, vung con dao to bản chặt phập vào thớt. Củ hành tây bị bửa đôi, lăn lông lốc. Quảng tạp dề, tôi đi một mạch ra cửa Đằng sau, lão chủ xía xói theo bằng tiếng Tàu.

Trên đường về phòng trọ, tôi tạt ngang thư viện. Trước sân, giữa lạch suối giả là pho tượng bán thân của đại văn hào Ernest Hemingway. Đầu tượng phủ đầy râu, mặt xanh lè. Lạch suối giả ngập lá khô, váng bọt. Tôi dừng lại ngắm ông. Đang ngắm nghĩ, không hiểu một người thành công và nổi tiếng vậy, sao lại tự tử? Bỗng phía sau, có người cất giọng chê bai, "Hm, ông ta viết Old Man and the Sea ca ngợi sự tranh đấu của con người trước thiên nhiên để sống còn hay lắm, nhưng chính mình thì lại tự tử." Tôi quay lại, thì ra Sequois. Hắn cũng nhận ra tôi. Chúng tôi chào lấy lệ rồi ra bãi đậu xe. Đó là lần thứ hai, tôi gặp hắn.

Hai tuần sau, ra bưu điện nhận thư. Ngạ Cô bạn gái báo tin lấy chồng. Thư có kèm thiệp cưới. Chú rể là thằng bạn ra trường trước đây một năm. Trên đường về, xe bị xẹp bánh. Tôi điên tiết nhảy xuống chửi ồm tỏi. Và, đá chiếc xe toi bời. Cái mâm bánh văng ra, lăn vùn vụt xuống dốc. Từ lè đường, một người chạy ra chụp lại. Đó là Sequois. Tôi không buồn chào, nhưng hắn tỏ vẻ hăm hở giúp. Chúng tôi đẩy xe lên lè, rồi thay bánh. Vừa làm vừa trò chuyện, nó rủ tôi lên nông trại làm việc. Buồn tình, tôi ừ đại. Hắn gửi chiếc xe cà tàng của tôi cho tiệm quen gần đó, rồi chạy đi lát sau, trở lại đón tôi trên chiếc xe Jeep đời mới, cẩu cạch. Thật không ngờ, hắn khá vậy. Tôi chột tiếc đã cho hắn năm chục đồng hôm trước.

Boise là thủ phủ Idaho Tiểu bang xứ lạnh, ít dân nên thành phố không lớn. Sequois ra xa lộ 95 lên hướng bắc. Ra khỏi thành phố, hai bên là nông trại Vào hè, cây cỏ xanh um. Một vài căn nhà kho bằng gỗ đỏ, mái dốc như kiểu nhà nguyện nằm trơ trọi giữa đồng. Xe chạy nhanh. Gió tạt hai má rất buốt. Những luống rau xanh vút chạy giạt lùi Được một đôi, nông trại thưa dần. Xe lọt vào hẻm núi Hai bên vách đá dựng đứng. Mặt trời chỉ rọi sáng lưng chừng đỉnh. Bên dưới, trời tối sầm. Phát hoảng, tôi hỏi còn bao xa Hấn bảo, độ bốn tiếng nữa Bây giờ, tôi đâm lo Hấn tự xưng là người da đỏ, nhưng trông màu nâu sậm. Thân hình vạm vỡ, rắn như một thỏi đồng. Mũi cao, cằm bạnh, mắt nhìn mạnh và sáng. Tóc dài, vẫn cột bằng sợi thun như lần trước. Kiểu tóc hệt như mấy tay anh chị trong phim làm tôi chột dạ. Muốn đổi ý quay về. nhưng sợ hấn chê, tôi gạ chuyện.

“Hey, làm nông trại không khá đâu Hay mình trở lại Boise kiếm việc khác?”

Hấn lắc đầu, “Mày đừng lo Đây là nông trại nhà.”

Tôi ngạc nhiên, “Mày khá vậy, sao còn đi bán dạo?”

“Bán dạo” Hấn trở mắt ngó tội Rồi gằn giọng giải thích, “Đó là trình diễn.” Hấn hất hàm, kiêu hãnh, “Tụi tao đi chứng minh cho thiên hạ thấy, văn hóa da đỏ vẫn còn.” Không đợi tôi trả lời, hấn nói một lè, “Đất này là của tụi tao Tổ tiên người da đỏ đã sống ở đây mười hai ngàn năm trước Tây lịch. Và, tụi tao sẽ có mặt cho tới ngày tận thế.” Bất ngờ, hấn hỏi, “Mày thấy có thằng da trắng nào dám đứng nghe không?” Tôi chưa kịp nói gì, hấn đắc chí tiếp, “Tao đi nhiều nơi, chưa thấy thằng nào dám đứng coi, chứ đừng nói mua Mày là thằng ngoại quốc đầu tiên mua nhạc da đỏ, nên tao thích mày.”

Hú hồn, tôi không dám giải thích, hôm đó tôi mua vì thương hại họ bán ế. Sợ hấn nổi sùng, tôi cười nịnh.

“Tao xem Poncahontas cả chục lần, vẫn thấy thích. Phim hay Truyện tình ngang trái vì màu da, cảm động lắm.” Trong trí tôi hình dung cảnh họ vẽ cô gái da đỏ chân trần xoa tóc, phóng như sóc lên mỏm đá cheo leo, cất tiếng hát lay động núi rừng.

Không ngờ, hấn sầm mặt. “Tổ tiên chúng tôi là những người thật thà lắm. Chất phác đến mức khờ dại” Bỗng hấn hạ giọng, “Người da đỏ không ai muốn xem Poncahontas. Đó là một dấu ấn buồn.”

Tôi thắc mắc, “Họ không thích cô ta sao Tao thấy, cô dễ thương lắm.”

Hấn lắc đầu, “Người trong phim là cô gái Phị Poncahontas thật đẹp hơn nhiều Nhưng truyện tình đơn giản.” Hấn kể, “Năm 1606, chiếc thuyền John Smith gặp bão nên đổ bộ vào Virginia Họ bị người da đỏ bắt. Lúc đó, Poncahontas mới mười hai tuổi, là con gái tù trưởng Powhatan, đã xin ân xá cho John Smith. Tám năm sau, cô lập gia đình với thuyền trưởng khác là John Rolfe Họ sang Anh, và có một con. ở London, người ta gọi cô là Lady Rebecca Poncahontas chết lúc mới hai mươi một tuổi, vì bệnh dịch.”

Xúc động, tôi chặc lưỡi, “Thật tội nghiệp.”

Sequois “hừ” bằng giọng mũi, “Chưa tội nghiệp bằng Powhatan. Mày có biết, sau khi kết thân với John Rolfe, họ đã giúp nhiều chiếc thuyền Châu Âu thực phẩm, thuốc lá. Về sau, đám di dân cật cổ sùng, bắt người da đỏ có nhiệm vụ cống nạp thực phẩm. Sự phẫn uất bùng nổ vào năm 1622. Những người da trắng bị giết cùng một kiểu: mồm nhét đầy thực phẩm trộn đất. Ý

nói, người da trắng tham lam muốn nuốt chửng đất đai của họ. Chiến tranh bắt đầu từ đó. Bộ lạc của họ chết gần hết.”

Tôi hỏi, “Bây giờ, người của Powhatan còn không?”

“Còn, nhưng ít lắm.” Hắn đáp. “Họ sống ở đặc khu Rancocas ở New Jersey.”

Tôi bùi ngùi, an ủi “Chính quyền giờ khác xưa Họ cũng dành cho người da đỏ nhiều đặc quyền hơn những giống dân khác.”

Hắn chép miệng, thở dài “Mày chỉ là khán giả, nên không thấy như kẻ đứng sau hậu trường.”

Tôi làm thinh. Mãi chuyện, xe vượt qua đường núi lúc nào không rõ. Bây giờ, trời quang hẳn. Xa lộ nằm dọc trên cao nguyên chạy về hướng bắc. Bên phải, thỉnh thoảng có nhiều hồ hoang đầy lau sậy. Xa xa đồi núi chập chùng. Một rừng rậm thông xanh rì che mờ chân núi. Bên trái, trên xa lộ nhìn xuống, một con sông hẹp, màu nước sáng như bạc. Bên kia bờ, nhiều dãy đồi trọc, trên vầng lớp cỏ thưa Càng lên bắc, đồi thoải dần rồi trở thành thung lũng.

Xế chiều, chúng tôi dừng lại đồ xăng. Tôi chạy qua quán kể mua hai phần ăn. Sequois chỉ uống nước, rồi ra ngoài Ăn xong, tôi đi kiếm hắn.

Tôi thấy Sequois ngồi nghiêm trên phiến đá sau quán. Mặt tư lự ngắm mặt trời dần ngã về tây. Vạn vật chìm ngập trong màu nắng vàng rực tỏa khắp núi đồi. Hồi lâu, tôi ngạc nhiên nhận ra, dường như nắng ở đây vàng hơn nơi khác. Hỏi Sequois, hắn trở tay xuống thung lũng: bên dưới một biển lúa rạp rờn như sóng. “Màu vàng từ lúa hắt lên, không phải trên trời dội xuống.” Tôi nhìn xuống. Đất trũng như lòng chảo. Chắc phải qua cả triệu năm, mưa bão mới cuốn trôi đất từ những rặng núi đá bên kia để hình thành thung lũng này.

Tôi hỏi, “Nông trại mày đất tốt như vậy không?”

Mắt nhìn xuống cánh đồng lúa, hắn đáp bằng giọng “Không, cần lắm.”

Tôi tài lanh, chỉ vẽ: “Hey, sao mày không bán đất xấu, xuống kia mua tốt hơn?”

Hắn lừ mắt nhìn tôi một hồi. Rồi phui đít đứng dậy, bảo “Hơn trăm năm trước, lãnh địa này là của tụi tao. Thung lũng Wallowa là căn nhà của người da đỏ. Bộ lạc mười mấy ngàn người, trải sống khắp thung lũng và vùng giữa lưu vực hai sông Salmon và Snake. Đánh cá và chăn nuôi là nghề chính. Đến năm 1877, người da trắng lừa chúng tôi lên ở Lapwai. Giờ là khu tự trị Nez Percé.” Hắn dăm chiêu nhìn xuống bên dưới “Mười mấy ngàn năm, bao nhiêu hài cốt tổ tiên, di sản thiêng liêng chôn dưới cánh đồng này.” Rồi thở dài, “Bây giờ là nơi người ta đào xới!”

Tôi chợt nhớ trong sử viết, người Pháp đầu tiên gặp bộ lạc Numipu, thấy nhiều người xỏ mũi bằng răng cá hay đeo khoen vỏ sò nên gọi họ là Nez Percé. Tôi lom lom nhìn mũi hắn. Chắc đoán được, hắn đập vai tôi đau điếng. “Bây giờ đồ mày kiếm ra người Nez nào xỏ mũi!”

Chúng tôi về tới đặc khu Nez Percé lúc trời chập tối. Khu nằm trên cao nguyên, lọt giữa vùng rừng già và núi cổ. Phía đông, giòng Clearwater trên ngàn chảy ngang. Qua chiếc cầu gỗ, xe chui dưới nhiều lớp cổng chào khắc những hình thù quái dị. Nhà cửa cất dọc ven sông. Kiểu đơn giản. Đa số ghép bằng cây lodgepines, loại thông thân thẳng và nhẵn. Có căn vách tô đất, mái lợp bằng cỏ đuôi chồn. Đó đây vài chiếc lều vải bạc dựng trước nhà.

Sequois lái chậm lại khi rẽ vào trong. Nhiều người chạy ra, vẫy chào Hình như hắn quen với tất cả mọi người. Xe ngừng lại trước một căn nhà gỗ hai gian, sau hè có cầu thang lên tầng trên. Trước nhà treo nhiều bộ sừng thú. Lớn nhất là đầu con nai già, sừng cao cả thướt, có nhiều nhánh chẻ. Cạnh bên, bộ sừng moose, thấp và bè. Kế là đầu trâu rừng có sừng cong vút, sừng sơn dương úp ngược như lợn tóc con gái. Tôi ngạc nhiên sao họ trưng đồ quý ở ngoài, không sợ mất. Sau này mới hiểu, đó là cách người da đỏ khoe chiến công. Không ai thấy vinh dự khi lấy cắp thành tích người khác.

Bên trong, nhà sạch và đơn giản. Một chiếc bàn viết kê sát vách, kệ kệ sách. Chính giữa trải một tấm da gấu đen mượt. Chung quanh, những chiếc gối màu mè dựng ngay ngắn. Ống điếu, tẩu thuốc xếp gọn trong góc nhà. Trên vách treo một tấm tranh, cảnh một gia đình da đỏ quây quần bên bếp lửa. Tôi để ý không thấy điện thoại, ti vi hay máy điện toán. Nghe đồn, người da đỏ từ chối những tiện nghi văn minh. Họ sống biệt lập, quay lưng với thế giới bên ngoài.

Nhà vắng. Sequois bảo tôi ngồi chờ, hắn đi kiếm ông Chief xin phép. Tôi lo lắng, lẽ ông không đồng ý thì sao. Hắn nhếch môi cười, ông Chief tức Tù Trưởng, là bác ruột, cha nuôi, và cũng là chủ nhà này. Hắn quảng túi đồ của tôi xuống đất, chỉ tay lên trần nhà, nói "Phòng máy trên lầu. Lên coi đi." Tôi chưa kịp hỏi thêm, hắn đã phóng ra xe, đóng mắt.

Căn phòng hắn chỉ bề bộn như một cái kho. Sàn nhà chất đầy những đồ vật đan thêu bằng những hạt chuỗi sắc sỡ như rổ, rá, túi xách và chăn. Trên vách treo nhiều mặt nạ gốm ghiếc. Tôi tò mò ngắm kỹ từng cái rồi chợt nhận ra, thật kỳ lạ, tôi phát giác. Trông mặt nạ mỗi chiếc mỗi khác, nhưng nét mặt đều chung một vẻ. Miệng méo lệch, mắt đứng trông như trông thấy điều gì kinh hãi. Rõ ràng nó đang sợ người, không phải làm người sợ nó.

Ngắm chán, tôi mở cửa phòng bên xem thử. Mùi nhựa gỗ hăng hắc. Bên trong có nhiều kệ, kê sát tường. Trên, trưng la liệt những vật dụng cổ xưa. Từ hài, ủng bằng da thỏ, túi đựng cung nỏ, gậy, nón của tù trưởng, nhiều hình nộm nhỏ và nhạc khí cổ. Lưng vách treo nhiều khung hình đen trắng. Đa số chụp từ thế kỷ mười tám. Hình một gia đình trong chiếc lều cỏ, đôi vợ chồng lem luốc đang ôm mấy đứa nhỏ trần truồng. Kế, ảnh chụp những người đàn bà da đỏ quấn khăn, chòm váy đứng chòm nhum ngó thợ chụp hình ngo ngoác. Hình khác, những người đàn ông thô kệch vận âu phục, trông ai nấy như Tarzan ra thành phố. Không có tấm nào thấy họ cười. Tôi dừng lại trước khung ảnh lớn, trang trọng đặt cuối phòng. Một người đàn ông tóc mái phát phơ như bờm ngựa, hai bên thả hai bím tóc mai. Gương mặt rắn rỏi, quả cảm. Mũi thẳng. Đôi mắt là hai vì sao không phát sáng. Một nỗi buồn như đội ngược trong lòng. Tôi đứng lặng, cuốn hút bởi cái nhìn của ông.

Có tiếng đàng đàng sau lưng, tôi giật mình quay lại. Một người đàn ông da sạm, cao lớn, tóc râu, đeo kính võ vai tôi, thân mật. "Nè, Bạn Nhỏ. Anh biết Tù Trưởng Joseph không? Đó là vị anh hùng của người da đỏ. Người da trắng gọi ông là Indians Napoleon." Tôi gật, ra vẻ hiểu biết, "Tôi học sử Mỹ, có nghe danh." Ông nhìn tôi, nghi ngờ, "Có phải họ dạy, người da đỏ quan niệm đất đai như không khí, là của chung mọi người?" Hay cho rằng, "Chúng tôi là những người man di may mắn sống trong thế giới văn minh của họ?" Tôi im lặng. Ông bật cười khan. "Đó là thứ sử một chiều." Rồi đàng giọng, chua cay. "Kẻ chiến thắng quơ trong không khí cũng ra chính nghĩa." Tôi chưa biết nói sao thì Sequois lên gọi ăn tối.

Ngày hôm sau vào nông trại. Thật ra gọi lâm trại đúng hơn. Một khoảng rừng cây lodgepines bị đốn nhẵn, gốc trơ giống những miếng gạch tròn. Công việc của đám thợ trẻ là nghiền gốc, xong trồng lớp cây mới. Sequois là trưởng nhóm tốp hai mươi người. Theo họ, tôi biết thêm nhiều điều. Tục da đỏ kiêng gọi tên. Họ dùng những biệt hiệu theo đặc điểm hay thành tích của từng người. Thí dụ Sequois là Sói xám, vì hắn từng bắt được sói rừng. Bighorn, tức Đại Tù Và là cha

nuôi của Sequois, vì ông thổi tù và trong các buổi lễ. Họ gọi tôi là Bạn Nhỏ, theo cách ông Chief gọi Những người khác đều có những tên dữ dội hoặc buồn cười như Ngựa Điên, Cục Đá Vàng, Que Lửa vừa nghe nhớ mãi

Sequois là người trưởng nhóm tốt. Hắn theo tôi chỉ vẽ tận tình. Đám thợ siêng năng làm việc cật lực. Đến trưa, một vùng rộng đã cào xong. Tôi mệt đừ, mồ hôi nhễ nhại đầm lưng. Đám thợ của Sequois tinh bơ, cởi áo cột áo ngang mình. Tôi ngắm từng tấm lưng trần lực lưỡng. Dưới những tia nắng lóa, màu da sạm của họ bỗng nhiên đỏ ửng.

Chúng tôi kéo vào ăn trưa dưới một mái lá. Bên ngoài, chỉ còn ông Chief căng dây làm mốc để trồng gốc mới Tôi ngạc nhiên hỏi, Sequois đáp, ông Chief của họ phải làm việc như mọi người Ngày xưa, Tù Trưởng thường là những người dũng mãnh, mưu trí nhất bộ lạc. Họ là người dẫn đầu trong những cuộc săn, trong chiến tranh. Chỉ khi già mới ở nhà. Chiến lợi phẩm thu được cũng phải chia cho kẻ nghèo, không giữ làm của riêng. Ngày nay cũng vậy Chỉ khác, họ có nhiều Chief, họ thành một ban Quản trị.

Một tuần sau, rừng cây non thẳng tắp. Chúng tôi bắt đầu chuyển trại Dọc theo con đường mòn dẫn ra rừng Whitebird có nhiều xương cựa Cây từ các lâm trại chuyển tới chờ xẻ gỗ. Tôi ngạc nhiên trước sự giàu có tương phản với nếp sống đạm bạc trong làng của họ.

Sau trại là vực. Bên kia, núi đứng chen chúc, che ánh mặt trời Sương len từ khe đá vừa tỏa lên đã ngưng đọng. Rừng thông Alpines đứng nghiêm, trông như những cổ tháp Đông phương. Giữa vực, một con đường mòn hun hút, không biết dẫn đi đâu Có lần rủ Sequois xuống đó săn. Hắn trừng mắt nhìn tôi, gằn giọng. “Đừng bao giờ có ý nghĩ săn bắn ở đây” Bình thường hắn ôn hòa, không hiểu sao bỗng dưng lại dữ vậy Sau này nghe ông Chief nói, đó là mộ địa của người da đỏ, họ đã từng bị truy sát tại đây”

Những buổi tối về làng, Sequois nhóm bạn đua ngựa hay tập bắn cung. Tôi ở nhà, quanh quẩn theo ông Chief. Ông dạy tôi nhặt và xắt lá thuốc trồng trong trại Dần dà, tôi cũng biết kéo tẩu Thuốc lá của họ đậm và nồng, khói nhạt, dễ vẽ thành những vòng tròn lơ lửng. Khi say thuốc, tâm trí mơ màng, ông thường kể chuyện. Lần nào mở đầu, ông cũng than, “Chúng tôi đúng là những kẻ lữ tẩu Này Bạn Nhỏ, anh xem. Trong lúc nhân loại bắt đầu phát minh ra điện, thì chúng tôi vẫn yên trí sống trong thời kỳ đồ đá.” Giơ cây tên bằng xương thú vẫn chực trong nhà, ông cười khất khưởng. “Và, lo bắn nhau bằng những mũi tên cùn.” Hồi sau, ông lắc đầu, thờ dài “Mảnh đất này cô lập chúng tôi với thế giới quá lâu Thật không thể tưởng tượng, mãi năm 1700 chúng tôi mới thấy được giống ngựa và đồ kim khí, như nồi niêu gương lược. Giống như con gấu ngủ suốt đông, khi tỉnh dậy trời đất đã đổi mùa” Ông chuyển giọng, trầm ngâm. “Người da đỏ vốn hiếu khách. Hơn nữa, muốn chìa tay bắt kịp đà văn minh con người Chúng tôi luôn luôn muốn học hỏi ở người da trắng về trồng trọt, chăn nuôi cho đến cả tôn giáo Nhưng đến năm 1836, khi mục sư Spalding đến cất nhà thờ trên đất người da đỏ, lại đuổi chúng tôi ra khỏi thánh đường, chỉ vì có người mặc khó đi lễ thì sự hiềm khích bắt đầu Mấy năm sau, người da trắng đến càng đông. Giống da đỏ tự dưng thành thiểu số. Họ cất nhà, lập nông trại trên cánh đồng của chúng tôi Năm 1850, khi mọi người đổ xô tìm vàng thì thảm kịch bắt đầu Đa số vàng được tìm thấy trên vùng da đỏ. Chính quyền vẽ ranh giới, tước đoạt đất đai, mồ mả chúng tôi Họ xua chúng tôi vào vùng đất này, chà đạp lên luật lệ.” Ông ngừng lại, hỏi “Anh bảo có học sử Mỹ, vậy có biết General Oliver Howard không?” Tôi gật. “Có, Oliver Otis Howard được ca ngợi là một anh hùng trong cuộc nội chiến.” Ông cười khẩy, “Anh đứng trước mặt nên chỉ thấy hào quang. Sau lưng, bóng họ và bóng ma không khác mấy” Tôi làm thinh. Bấy giờ, ông như tự nói với mình. “Tháng 5 năm 1877, chính Howard viết thư phản đối việc tước đoạt đất của bộ lạc Nez Perce lên Liên Bang. Nhưng chỉ tháng sau, ông trở mặt, ra lệnh buộc chúng tôi phải bỏ xứ ra đi trong thời hạn ba mươi ngày. Lúc đó là đầu xuân, tuyết trên núi

đang tan. Nước tràn xuống như cơn lũ dữ. Tất cả dạt dứu nhau lội qua sông Snake. Nhiều người và thú đã bị cuốn mất tăm trên giòng sông này. Khi lên bờ nghỉ, tình cờ có một thanh niên, phát giác trong số lính áp tải có kẻ giết cha mình. Một nhóm ba người da đỏ trẻ, rình rập và ám sát toán lính trong rừng. Khi sự việc xảy ra, Chief Joseph tránh cuộc chiến sẽ tiêu diệt hết bộ lạc nên gửi sáu người mang cờ trắng đi đến đồn. Nhưng chưa kịp nói, họ đã bị lính canh gác bắn chết. Tù trưởng Joseph vội vã dẫn cả bộ lạc mở đường máu, chạy theo con đường mòn sau núi Whitebird. Nhiều đội lính rượt theo Cuộc săn người diễn ra trong rừng. Vừa bảo vệ đàn bà và trẻ nít, vừa chống lại với lính có súng, bộ lạc mất dần những tay cung thủ gan dạ nhất. Trong gần bốn tháng, họ chạy lẩn trong rừng, vượt qua những hẻm núi, trèo lên rừng Bitterroot. Đoạn đường dài 2,720 cây số. Tới tháng Mười, trời đổ tuyết. Băng giá bắt đầu lấp dần những hẻm núi. Họ bị hai đội quân bao vây, đạn bắn xuống như mưa. Nhiều người chết vì lạnh và đói trong hang. Tù trưởng Joseph vì sự sống còn của bộ lạc, đã tuyên bố đầu hàng, tại núi Bear Paw, chỉ cách Canada 30 dặm.”

Tôi tặc lưỡi, tiếc rẻ. “Sau này, Tù trưởng Joseph ra sao?”

Ông đáp, “Chief Joseph và đa số đàn ông trong bộ lạc bị phân tán ở khắp các trại miền nam. Ở trại Kansas, đa số không chịu được khí hậu nóng ẩm nên chết rất nhiều. Hai mươi ba năm sau, ông mới được trở về bộ lạc ở Lapwai. Năm 1900, ông quay lại thung lũng Wallowa để mua một mảnh đất nhỏ, nhưng không ai chịu bán. Bốn năm sau, Joseph chết.”

Nói xong, ông rít một hơi dài. Những cọng thuốc cong queo, lóe ngời màu lửa. Tôi bùi ngùi nhìn. Mắt ông ướt, những ngón tay lọng cọng chực làm rơi chiếc tẩu.

Tôi an ủi, “Giờ, cuộc chiến đã qua, chắc họ cũng nhận thấy bất công nên đặc biệt dành nhiều ngân quỹ trợ cấp cho người da đỏ, như...”. Tôi chưa kịp dứt lời, ông ngắt. “Như quỹ bảo vệ thú rừng, quý vì hiếm đó hả?”

Xong, ông vỗ vai tôi. “Cuộc chiến của chúng tôi vẫn còn. Lớp trẻ vẫn phải tranh đấu với chính mình để không mất gốc. Điều đó không đơn giản đâu.” Hồi lâu, ông bảo “Dân Tàu đông, một mình anh thay đổi cũng không sao. Nhưng chúng tôi khác, phải quý từng người, nhất là phụ nữ.”

Tôi lắc đầu, phản đối. “Tôi là người Việt, không phải Tàu.” Ông ngạc nhiên, “Nước Việt ở đâu?” Tôi giải thích, “Việt Nam là nước nhỏ, ở miền nam giáp Tàu. Chúng tôi cũng từng bị Tàu đô hộ và đồng hóa cả ngàn năm, nhưng chúng tôi vẫn tồn tại.” Ông bật dậy, chú ý hỏi. Tôi cố nhớ đoạn sử thời Bắc thuộc tôi học hồi nhỏ để kể. Đại khái, người Việt tránh sự đồng hóa của người Tàu bằng tục ăn trầu, nhuộm răng và vấn tóc để nhận nhau. Họ còn dùng cách ăn mặc, ngôn ngữ, truyện cổ... để giữ gìn nguồn gốc. Tiếc, lúc nhỏ mê đá dế nên tôi lười học, chỉ nhớ được nhiều đó. Nhưng ông Chief nghe xong thích thú lắm.

Khuya, mưa rơi lộp độp trên mái nhà. Tôi ngủ mơ thấy ông Chief Joseph từ phòng bên bước ra, rủ đi theo Ông phi ngựa đến bờ sông Snake, chỉ giòng nước. “Này Bọn Nhỏ xem kia, nước dưới kia không chảy. Nó chỉ rút ra xa, rồi vỗ mạnh vào gènh. Sẽ có một ngày, sức nước làm tim đá vỡ.” Nói xong, người ngựa đều lao xuống vực. Tôi hét hồn tỉnh giấc. Ngoài kia, gió vẫn rít từng hồi.

Sáng cuối tuần, tôi dậy sớm. Dưới nhà có nhiều người trẻ. Họ đun nước, nướng bắp và bàn về ngày lễ Truyền Thống cuối hè. Ông Chief vào phòng lấy cho tôi chiếc áo khoác to như cái mền và mùi thơm. Tôi nhìn có ý hỏi Ông cười, rồi bỏ đi. Thấy tôi ngơ ngác, Sequois nắm tay chúc mừng. Đó là tục người da đỏ nhận bạn.

Sequois giới thiệu nhóm trẻ. Tôi chú ý cô gái nhỏ, cứ đứng trong góc nhà vuốt hai bím tóc. Hẳn bảo, đó là em họ, tên Ngải Cứu Tôi bật cười, tên chi lạ. Sau này, tôi biết cô là Yuma Không hiểu sao, họ quý phụ nữ nhưng hình như không thích Yuma Cô chỉ lắng nghe, không góp lời, còn họ cũng không hỏi tới!

Nhóm con trai chuẩn bị cây, lều và dọn bãi Xong, sẽ ra chuồng ngựa Đám con gái đi nhặt camas. Lần trước té ngựa, nên Sequois cho tôi theo phía nữ giúp họ khâu nông phẩm về trại

Tôi đẩy cáng xe theo nhóm con gái mang gùi về phía đông. Vượt quá rừng thưa, một thảm hoa dại trải rộng tận chân đồi Bọn họ tản ra, mỗi người mỗi hướng. Tôi cầm còng xe lờ ngó chưa biết đi đâu thì Yuma ngoắc. Tôi vừa đi vừa ngắt mấy nhánh hoa, đưa lên mũi ngửi “Hoa gì đẹp quá?” Yuma cười, “Ngải Cứu, giống tên em.” Cô chỉ ra xạ “Bên kia có màu tím đẹp hơn.” Xong, cô vệt cỏ, lựa búng những bụi cây, trông giống giò thủy tiên, nhưng hoa màu xanh nhạt, củ to như củ hành. Cô bảo, đó là camas, tựa khoai tây của người da trắng. Khi mài thành bột, dùng làm bánh kẹp thịt nướng, rất ngon. Tôi chùi một củ, cắn thử. Nhăn và ngọt như sắn ở quê mình. Cánh đồng còn có nhiều cây dại, như turnip, củ ngọt và dòn; các loại cherriers đỏ, tím dùng làm nhân bánh; Saskatoon, Pemmican màu vàng nâu để ướp thịt rừng. Cô nhỏ một giò camas trắng, dặn. “Chớ hái màu trắng, đây là hoa độc.” Tôi hoảng hốt, “Hoa độc mọc xen hoa xanh, ăn không sợ sao” Cô cười, “Giống như người hiền, người dữ sống chung mảnh đất vậy mà.”

Yuma học Mỹ thuật ở Boise Mùa hè, về sống với mẹ trong làng. Với tôi, cô hoạt bát và vui hẳn, không giống như khi đứng trước những người khác. Sau này nghe họ kể, cô từng có bạn trai người da trắng. Không hiểu sao, chuyện không thành.

Khi trở thành bạn thân, tôi theo cô dạo khắp cánh đồng. Yuma dạy tôi nói chuyện bằng thủ ngữ, đó là ngôn ngữ chung của tất cả các bộ lạc. Tôi cứ ra dấu lộn, nói ghét thành yêu, nói không thành có làm cô cười ngặt ngoẻo Nụ cười khoe hàm răng trong bóng như những hạt gạo đã sàng sây kỹ. Buổi tối, ra sau trại Hai bên núi đá đen chông chát. Chính giữa giòng Snake đang chảy, trông xa như con rắn trườn khoe những lớp vảy lấp lánh. Tôi kể về giấc mơ thấy ông Joseph. Cô nghe, rồi chấp tay nhìn trời khấn. Tôi hỏi, “Em tin đấng Great Spirit thật à?” Cô gật. “Nhưng, Thượng Đế của người da đỏ khờ lắm.” Cô cười buồn, “Ngài làm ngơ bỏ mặc con dân khổ.” Tôi ngửa cổ, neho mắt nhìn. “Anh không tin trên trời có Thượng Đế.” Yuma nằn nì, “Cứ tin đi, cho nó vui!” Cô chép miệng, thờ dãi “Nếu trên trời toàn là mây, chỉ e con chim cũng không buồn bay nữa”

Cuối hè, lễ Truyền Thống hàng năm bắt đầu Giống như hội Powwows hay Sun Dance miền Nam. Người từ các bộ lạc khác dự rất đông. Những con đường trong làng tấp nập. Gàn trăm chiếc lều dựng lên, trên vẽ những hình người và thú đuổi nhau Khán đài có mái che ở giữa bãi trống, chung quanh bày nhiều hàng ghế. Kế bên, là gian hàng bán đồ kỷ niệm hay trò chơi

Từ sớm, mọi người kéo ra bãi, chào nhau và ăn sáng. Họ đi thành từng hàng, mặc lễ phục đủ màu Đàn ông thắt bím tóc mai, vẽ mặt rằn rị Áo họ dài quá gối, trên có choàng yếm viền tua, ren sặc sỡ. Đầu quấn băng xanh đỏ, và gắn lông chim dài nhuộm màu Lưng và mông mang bộ cánh và đuôi giả giống con gà tây lớn. Đàn bà mặc áo choàng dài chấm gót. Trên có khăn khoác thêu sặc sỡ. Tóc chải ngược, bõ bím hai bên, giắt những lông ngỗng trắng phất phơ Ngực đeo đầy chuỗi hạt đủ màu Họ xếp hàng đi quanh khán đài nhiều vòng để thi sắc phục. Tới ngang lễ đài, đám đàn ông dừng lại phập phồng vỗ cánh, héch đuôi Một ban trống lễ, gồm toàn người già cầm dùi đen, gõ trống liên hồi

Tới trưa, cuộc thi nhảy bắt đầu Nhạc giữ nhịp là một giàn trống nước. Trống giống thùng rượu



thấp, làm bằng thân cây hollow có niên đại, mặt trên bịt dạ Khoảng giữa có ống chuyền nước vào đã được bịt chặt. Trống nước phát được những nốt cao Xen kẽ là chiếc trống đôi, có hai mặt, trên có căng dây treo mấy que gỗ nhỏ. Khi đánh nghe rất vui tại Ngoài ra còn có kèn, và nhiều loại sáo Họ biểu diễn đơn, hoặc từng cặp, cuối cùng xếp thành hàng. Tôi xem hồi lâu cảm thấy ù tai, chóng mặt. Trông lờ lợt như một đám hát bội

Buổi chiều, đám đàn ông đưa ngựa Những con ngựa lớn, khỏe, màu đỏ nâu phi nước đại Họ lướt qua cánh đồng, lội qua suối, rồi chạy dọc theo sông Clearwater. Tôi mừng tượng cảnh những người da đỏ mình trần, đóng khố, giương cung sải ngựa trong phim la hét vang trời Bây giờ, họ mặc quần jeans, áo jacket, có người đeo kính lão Chỉ đám trẻ như Sequois mới chơi trò phóng đôi lưng ngựa nhiều lần. Không may, khi băng qua cổng trại, hấn bị trặc chân, nên về nghỉ.

Tối đó, họ đốt lửa trại quanh lều Những người đàn bà treo nồi luộc bánh. Trẻ con xớ rớ lên nướng khoai Đám con trai tản ra trên con gái Những người già ngồi kể chuyện xưa Khi trăng lên cao, ông Chief lấy tù và ra thổi Âm thanh mạnh và rền, lan nhanh như luồng vào khe núi Đến quá khuya, tiếng tù rúc nghe như tiếng sói trúng thương.

Thấy bóng Yuma vụt qua sau lưng, tôi đuổi theo, bắt kịp Yuma ở ngay cánh đồng có nhiều hoa dại Tôi hỏi, “Chạy ra đây chi?” Cô đáp, “ở lại, hồi nữa sẽ nghe họ khóc đó.” Tôi ngẩn người, “Họ khóc thật à?” Cô gật. “ừ, nhưng anh không thấy đâu Lệ họ bốc thành hơi lâu rồi”

Chúng tôi đi bên nhau Cuối hè, hoa đã tàn. Có những cọng cỏ nhuốm vàng rất sớm. Tụ dưng, Yuma kể. Lúc nhỏ, cô thường ra cánh đồng này và ở lại tới khuya Tôi ngạc nhiên hỏi Cô cười, “Để nghe tiếng côn trùng rả rã.” Và, nói xa xôi “Thật ra, mỗi loài đều có những lời thở than riêng. Đừng chỉ nghe mỗi tiếng của mình.”

Hồi lâu, trên đường về, tôi vô ý sụp chân xuống hố. Không biết ai đào, miệng hố trơn lồi, không leo lên được. Yuma bổi rổi đi tìm cây sào Nhưng sức yếu, thay vì kéo tôi lên, cô lại ngã chúi xuống. Tôi loay hoay phát giác có một lỗ hang dưới đáy Cô lo sợ bảo, có thể là hang gấu hay sói rừng. Tôi nói, chắc không phải, nhưng trong lòng thầm lo

Khuya, sương xuống nhiều Lạnh và sợ, chúng tôi choàng chung cái áo to của ông Chief cho lúc trước. Một hồi, Yuma cười gương trấn an, kể tôi nghe truyền thuyết về loại sói rừng. Cô nói, vào thời hỗn mang, có con khủng long to nằm chắn giữa những dãy núi này Khi đói, nó ăn hết mọi sinh vật chung quanh. Cuối cùng chỉ còn lại con sói rừng. Sói tinh khôn biết trước sau gì cũng bị ăn thịt. Nó lấy dây rừng đánh thành sợi dài quấn ngang bụng. Khi bị nuốt, nó cột dây vào răng khủng long, và tuột vào trong. Đến nơi, nó rút dao cắt tim mãnh thú. Sợ khủng long sống lại, sói cắt thịt và xương thú làm nhiều mảnh, rồi quăng khắp nơi Người da đỏ tin, đó là điềm con cháu sau này tứ tán.

Nghe xong, tôi thở dài “Chúng tôi không có câu chuyện cổ nào như vậy, nhưng con cháu Việt sao cũng bị lưu lạc khắp nơi” Hình như Yuma xúc động, cô siết chặt tay tôi Một cơn gió lạnh tràn về, Yuma rùng mình, tôi ghi vai cô và nhẹ hôn trên tóc.

Trăng sáng vắng vặc. Bầu trời xanh trong không một vì sao Tôi tấm tắc, “Trăng đẹp quá. ở thành phố chưa bao giờ tôi thấy trăng sáng như vậy”. Yuma bảo, “Nếu anh thích, sau này về đây tha hồ ngắm.” Nghĩ sao, tôi lắc đầu, “Không, sẽ không có đêm nào trăng tròn hơn đêm nay”

Mùa thu đến, rừng đổi màu Lá aspen ngã vàng rồi chuyển sang nâu đỏ. Khi về Boise học lại, Yuma đã trở thành bạn gái của tôi Điều này Sequois không biết. Ban Quản trị đang dự tính mua

thêm lâm trại nên hấn bận. Yuma tiết lộ, những tài sản trên rừng mang tên cá nhân, nhưng thật ra của chung dân chúng. Mỗi một người họ đều tự nguyện góp vốn, mua lại phần đất đai đã mất. Những giọt mồ hôi đổ xuống ví như những giọt máu của người lính đi giành lại quê hương.

Chừng nửa niên học, Yuma báo tin có thại Tôi bàng hoàng cả tuần. Vào lớp, chẳng nhét nổi một chữ vào đầu. Tối nằm, tôi mơ thấy một thằng bé vẽ mặt rần rỉ, đầu giắt đầy lông chim, nhảy loi choi như con gà tây bị rượt. Sáng dậy, đầu óc lũng bùng. Yuma về trại tuần trước. Tôi dọ hỏi những căn chung cư ngoài để dọn ra riêng. Xong, sẽ về xin phép làm một lễ cưới nhỏ và dẫn Yuma đi cùng.

Mấy hôm sau tôi về trại Đường trong làng vắng ngắt. Ghé nhà Yuma không có ai. Tôi trở về căn gác cũ. Bọn Ngựa Điên, Cục Đá Vàng, Que Lửa thấy tôi mặt lấm lét, chuồn nhanh.

Buổi chiều, ông Chief về, bảo tôi theo Ra tới lều lớn của khu, mọi người đang chờ tôi ở đó. Yuma ngồi sau lưng mẹ, mắt đỏ hoe. Tôi lúng túng nói không ra lời, nhưng sau cùng cũng trình bày câu chuyện một cách trơn tru. Khi vừa dứt lời, trong lều ồn hấn, mỗi người một cặp Hình như ai nấy đều bất mãn. Ông Chief giơ hai tay ra hiệu im lặng, rồi nói, họ muốn bắt rết. Gia đình tôi sẽ ở lại trong làng, và trở thành thành viên trong tộc. Giấc mơ thấy thằng con da đỏ chạy lảng xảng trong làng tự dưng hiển hiện. Một đứa con chưa sinh ra, nhưng nỗi buồn vong quốc ngấm tẩm trong rừng núi đã định hình. Tôi cố trình bày cho họ hiểu, tục Việt Nam con gái phải theo chồng. Nhưng nói sao, họ cũng không nghe. Ông Chief nói, xưa bộ lạc họ đông hơn hai mươi ngàn người, hơn trăm năm sau chỉ còn mấy ngàn, đi người nào tiếc người đó.

Nghe vậy, tôi kiếm cớ đi ra ngoài. Vòng ra sau, không thấy ai. Tôi chạy ù về chỗ đậu xe. Mới mở máy, đã thấy Sequois kéo lữ bạn phóng tới. Tôi hoảng hốt, nhấn mạnh ga. Chiếc xe lồm lổm lên như con ngựa chững. Đám Sequois tức giận, vác cây đập chiếc xe tơi bời. Tôi tháo chạy ra cổng làng. Một hàng người dày đặc, đứng im chặn ngang cánh cổng. Tôi thảng, định quay lại. Nhưng phía sau, bọn Sequois đang la lối xông tới. Tôi bẻ lái, quẹo ngang. Không ngờ quên trả số, xe giật lụi. Đằng sau, có tiếng hét, một vật gì vừa ngã chúi. Nhìn lại, Yuma đang nằm sổng xoài trên đất. Tôi chạy tới, vực Yuma dậy. Một giòng máu đỏ ướt nhem dính tóc.

Chiếc xe cấp cứu đưa Yuma ra khỏi trại. Hai người cảnh sát dẫn tôi ra xe. Khi vừa qua cổng, tôi ngoái lại nhìn. Rừng núi bỗng dưng nhỏ lại.

Xe chạy qua dãy núi đen. Tôi như thấy Yuma vẫn còn đứng đó, chấp tay và cầu nguyện. Tự nhiên tôi tin chắc, Thượng Đế đang nấp sau mây. Có điều, lần này Ngài khờ hơn lần trước.

## Tu giùm

### Lời ngỏ

*Tu Giùm là một câu chuyện thiên. Đúng ra, nên kể nó là một công án thiên. Truyện dựa trên 50% chuyện thật<sup>1</sup> của Thiên Sư Muxatara<sup>2</sup>. Câu chuyện nhập môn của Thiên Sư Muxatara có phải là một công án thiên hay không? Nếu phải, dự định nó sẽ được kể trước ba ngàn chúng sinh. Nhưng tiếc thay, mới vừa kể thử với ba thỉnh chúng thân tín trong chùa thì đã xảy ra một cuộc khẩu chiến vô cùng dữ dội. Từ đó tới nay, một nửa thế kỷ đã trôi qua mà các cuộc tranh luận trong các thiền viện, chùa chiền vẫn còn đang tiếp diễn.*

*Câu chuyện nhập môn bắt đầu như sau.*

\*\*\*

Sau cả tháng ốm liệt giường, anh choàng dậy như người mới vực tỉnh sau một giấc mộng dài. Giấc mộng này cũng có thể ví như giấc Nam Kha của Thuần Vu Phân đời Đường. *Bưng con mắt dậy thấy mình tay không*. Anh tuyên bố, “Cuộc đời tui xưa nay, thuở nhỏ sống vì cha mẹ, lúc lớn vì vợ con, nhưng từ giờ trở đi tui phải sống cho tui. Cho tui. Cho tui. Cho tui,... Nghe chưa?” Anh gào lên như thế đến khản cổ, mới hạ giọng bảo vợ. Trăm Năm Cô Đơn<sup>3</sup> của anh không thể ngập lặn trong bốn chữ Cơm Áo Gạo Tiền. Rằng đời người phải có cái gì khác ở phía trước. Một cuộc đời sáng hơn. Vui hơn. Buồn hơn. Chán hơn,... Anh đều chấp nhận, miễn là thoát ra được cái cảm giác tù ngục của đời thường. Con người ta đến với thế gian này chỉ để sống một đời... One Life To Live<sup>4</sup>.

Nhìn anh đau khổ muốn chết đi, vợ bỗng thương hại quá đỗi, nhân yêu, “Mình còn bệnh thế, dậy làm gì? Ngủ đi. Ngủ nữa nhé.” Vừa nói, vợ vừa dìu anh trở về giường, dỗ dành. Anh nhìn vợ, uất nghẹn ngang trời. Rồi đột nhiên anh vùng dậy chạy thực mạng ra đường như bị ma rượt.

Vợ nhìn theo thở dài. Bệnh lâu ngày bị biến chứng thành mộng du thế đấy. Vợ không níu kéo, cũng không gọi về. Người mộng du bị đánh thức, giật mình dễ chết như chơi. Cứ để họ đi, chừng đụng cột đèn, hay đụng xe thì tức khắc biết đường về.

Thật may mắn, tai nạn đã không xảy ra. Hôm đó, anh chạy một mạch đụng ngôi chùa duy nhất ở cuối làng. Với lòng quyết tâm đoạn tuyệt với nửa đời thế tục, anh quỳ xuống thành khẩn xin nhập môn. Đúng ba ngày ba đêm, cuối cùng lòng thành cũng động tới trời, sư cụ trụ trì mới mở rộng cửa cho anh vào.

Thời gian thắm thoát, anh ở chùa lòng thanh tịnh dần. Buổi sáng anh thức sớm, tắm gội sạch trước giờ tụng niệm. Kinh kệ xong, anh quét lá. Trong lúc quét lá, tâm trí anh hiển hiện hình ảnh một chú tiểu nâu sồng cầm cây chổi vung vẩy giữa đám lá khô.

“*Con vua thì được làm vua,  
Con sãi ở chùa phải quét lá đa.*”

Quét lá đa không phải là một công việc cực nhọc. Trái lại, đôi khi nó đầy thi tính. Cứ thử ngắm một chiếc lá rơi mà xem, ai lại không nao lòng. Hễ nao lòng thì người ta thường thở dài. Khi thở dài thì anh lại nhớ vợ. Cứ mỗi khi anh làm việc gì, dù là việc tốt như cầm chổi quét sơ sân hàng xóm thì vợ cũng mắng, “Cái đồ khôn nhà dại chợ.” Vợ chẳng thêm ngó qua, hàng xóm nhà anh chỉ là một bà già. Vợ như thế thì tu là phải.

Tu tức là sửa mình. Buổi trưa, anh xung phong nấu cơm để tự sửa mình. Hồi còn ở nhà, vợ nấu. Cơm được bày trong mâm tươm tất. Mâm vợ bên phải, mâm con bên trái. Mâm chồng bên trên, mâm vợ bên dưới, đúng theo quy luật “chồng chúa vợ tôi.” Vợ chăm chút như thế làm anh bất giác thở dài. Phải đoạn tuyệt với nề nếp cũ thôi, anh tự nhủ. Đã sửa mình thì phải sửa cho rốt ráo. Nấu cơm chùa theo quy định của chùa, gạo đong dè sèn, chỉ thiếu chút không được đủ. Khi ăn đói, người ta ngộ ra lắm điều hay. Bây giờ anh ngửi thấy mùi thơm của cơm làm cồn cào gan ruột, mùi cà mùi tương khiến bụng dạ vẫn nôn nao dù mới ăn xong. Cái đói làm người ta bám chặt cuộc sống. Đột nhiên anh nhớ các con anh. Không có anh, chúng nó ăn cái gì? Trăm đường anh cũng không tưởng tượng ra được. Nghĩ ngợi *linh tinh* rồi thế nào anh cũng chặc lưỡi để tự kết luận, “Ôi, trời sinh voi sinh cỏ.” Nhưng đây chưa phải là vấn đề sinh tử của anh.

Buổi tối mới thật nan giải.

Đó là lúc anh đã lên giường. Mọi sinh hoạt trong chùa đều ngưng lại. Trong bóng đêm dày đặc, anh lắng nghe tiếng động chung quanh. Tiếng thờ đều đặn của sư cụ trụ trì, tiếng ngáy của các

hòa thượng phòng bên, tiếng u, ơ mớ ngủ của chú tiểu,... Và anh bắt đầu đếm tiếng trở mình của chính anh. Làm sao chìm vào giấc ngủ khi đầu óc còn tỉnh như sáo. Khi tỉnh táo, người ta nhớ rõ ràng đủ thứ, kể cả những điều không muốn nhớ. Cảm giác rõ nhất là cái giường ở chùa lạnh, nó khiến anh nhớ ra là mình chưa từng ngủ một mình. Hơi ấm của vợ, mùi thơm của da thịt, hơi thở nồng nàn cứ như tiếng ru rù quên bên tai. Chưa đụng tới vợ mà anh đã thấy ngây ngất, thân thể nhẹ tâng, bồng bênh trôi nổi trên mây. Mà mây là đông chần mềm mềm mai, ấm vào mùa Đông, mát lạnh mùa Hè. Mỗi sáng tỉnh giấc anh phải mất mấy phút định thần để biết mình đang ở trần gian. Còn bây giờ ngả lưng trên cái giường cây cứng ngắc của chùa làm anh đau đớn. Mỗi lần trở mình là từng khúc xương như muốn rớt ra. Khốn nạn hơn là cái mền. Cái mền cũ kỹ, mỏng te như một tờ giấy dó. Thu về, gió trời lồng lộng, quán chiếu mền này không khéo dễ trở thành cánh diều bay vút lên cao. Chỉ những lúc gần sáng, sau khi trần trở, cào cào, đánh vật với cái gối nhỏ xíu đến bờ hơi tai, mồ hôi ướt đầm, anh mới chợp mắt được. Ít lâu sau, cả chùa phát giác chiếc gối rách teng beng, gió thổi gòn bay tấp trắng cả một góc chùa. Vị chủ trì thương tình tặng anh chiếc gối mới bằng cây vuông vức.

Một đêm, trời trở Thu. Sao thưa. Trăng lạt nhạt. Trên cao lá vàng xao xác gọi. Mùa Thu, mùa nhớ, mùa thương, mùa của cảm xúc. Anh chạnh lòng nghĩ tới vợ. Đã lâu lắm rồi anh chưa nhìn thấy một thứ gì mềm mại. Cứ nhìn quanh quất trong chùa mà xem, toàn bằng đồng, bằng gỗ. Vải vóc, áo sớ cũng nhuộm đều một màu nâu đen lãnh cảm. Rèm trướng um mùi khói, mùi nhang, mùi trầm, cả chục năm không giặt trông xơ cứng như loại giấy dầu hoen gỉ. Cũng đã lâu lắm anh chưa nghe một lời nói ngọt, một ánh mắt dịu dàng, hay một suối tóc mềm mại. Ôi, suối tóc. Cả chùa không một ai có tóc. Một mái tóc bây giờ thật đáng quý biết bao. Anh ước sao được nhìn thấy một làn nửa mái tóc huyền của vợ. Mớ tóc như mây. Anh giơ bàn tay của mình trong bóng tối lờ mờ. Bàn tay anh thô ráp, lấm tẩm những lớp da khô bong vẩy trắng sùi. Những ngón tay càng thô, khi đưa vào tóc càng khoái. Anh lim dim tưởng tượng, những sợi tóc mượt rượt lửa vào từng kẽ ngón rồi rơi tuột khỏi lòng tay. Anh cố nắm lại, bắt chụp. Những cố công vô vọng. Chỉ cần một nhúm tóc mềm qua tay bây giờ cũng làm những lớp da khô sống lại.

Đêm đó, khi trời chưa sáng rõ, anh nhảy rào, phóng thẳng về nhà. Anh thề, anh chỉ muốn nhìn vợ một lần cuối rồi thôi. Hồi bỏ nhà ra đi anh đã chẳng có một lời từ biệt cho ra hồn. Nếu vợ khóc, có thể anh sẽ vuốt tóc vợ. Chỉ vuốt một cái duy nhất, anh nhủ lòng thề. Nhìn vợ một lần, vuốt tóc một lần thì chẳng phải tội vạ gì lớn cả. Anh đã suy xét kỹ. Về đến nhà, anh lên vào cổng sau. Anh không muốn gõ cửa, đánh thức vợ. Lên cửa sau, lú đầu vào phòng ngủ, thấy vợ ít phút rồi đi. Rồi mãi mãi anh sẽ không trở về. Nhưng vợ không ngủ trong phòng. Thấy ánh lửa dưới bếp lừng bùng, anh rào xuống. Nồi bánh còn sôi, nhưng lửa sắp tàn. Vợ nằm ngủ quên trên sàn bếp. Dáng nằm mềm mại như một dải lụa vắt ngang. Chiếc áo ngủ hồng lấm tẩm những hoa anh đào trắng trẽ xuống quá nửa vai. Hơi thở phập phồng nhịp theo ánh lửa lung linh hắt lên da thịt. Vé von xô lệch, ngực trần hở hênh. Gương mặt người đàn bà ngủ phảng phất nét trẻ con. Mi mắt vợ lúu rú. Môi hé nhẹ như một nụ đào mới búp. Từ bên khố miệng lóng lánh một giọt nước miếng ư ứ sắp nhểu. Nếu là lúc trước, thì anh đã đưa lưỡi lau ngang trước khi nó rơi xuống gối. Nhưng mà bây giờ,...

Bắt chợt anh đưa tay sờ rẫm cái đầu nhăn thín rồi ngẩn ngơ ngắm vợ. Trong tích tắc, anh chợt phát giác, đây chính là một sinh vật đẹp đẽ nhất trời đất. Một công trình sáng tạo thiêng liêng, có một không hai của Tạo Hóa. Vậy mà anh đã phụ ơn của trời đất. Anh đã,... Đúng lúc đó vợ bừng mắt. Bốn cánh tay xoắn xít, hai thân hình bện chặt vào nhau, quần áo rơi lả tả. Đó là sự cuồng nộ của hấp lực hai sức hút. Tất cả xảy ra đúng như quy luật âm dương của trời đất. Anh thề, anh là kẻ bị động, bị xô đẩy, bị hút vô. Anh hoàn toàn không chủ động. Có thể trong một sát-na nào đó, anh có nghiêng, có xéo lên vợ tí ti. Cứ tưởng tượng một sinh vật mềm mại, nõn nà, ấm áp và trơn tuột, dồn dập dưới thân mình. Không nghiêng, không kêu, không giãy, không xéo mà được ư? Đã có ai đi giăng một con giun, chặn một con trùng mà không lỡ tay xéo nó

bao giờ? *Con giun xéo mãi cũng oằn.* Đứng lúc oằn thì anh buông. Buông đúng lúc, không để vợ phải bật môi rên xiết. Sự tình khi cần tỉnh. Chẳng phải người xưa cũng nói, đó là kẻ thức thời đó sao?

Bận về, anh cũng leo cồng, nhảy rào nhưng tăng tốc gấp đôi trước khi trời sáng. Rón rén trở về giường anh cảm thấy đuối, chìm ngay vào giấc ngủ. Mãi đến giờ Ngọ Tụng, anh mới tỉnh dậy. Tiếng chuông cảnh tỉnh như động vào tâm thức. Lòng nặng trĩu những sám hối. Khi anh gõ mõ, từng tiếng lốc cốc như đập trúng trái tim mình. Anh hối hận và tự trừng phạt, tăng giờ tụng niệm, nấu cơm hai bữa, quét lá hai ca,...

Rồi thời gian cũng qua. Sự ăn năn cũng đã đầy. Mùa trăng sau đó anh lại mất ngủ. Suốt những đêm dài anh nằm trần trọc nhớ đến hình ảnh khúc vải lụa vắt ngang, nhớ ánh lửa bập bùng nhảy múa trong ánh mắt, trên màu da. Rồi anh lại nhảy rào, phóng thẳng một mạch bằng con đường tắt. Con đường này do anh nghiên cứu địa hình nhiều ngày mới tìm được. Nó thu ngắn thời gian đi và về. Lần này thì vợ chưa ngủ. Lửa cháy mạnh hơn. Vợ đã dọn sẵn một chút trà, một chút rượu. Nhưng anh chối rượu, nhận trà. Phạm một lần hai tội thì không tội nào có thể tha thứ được. Nghe anh nói, vợ im lặng không nói gì. Kê sát mặt anh, vợ giơ một ngón tay điểm giữa trán, ngón tay kéo qua mũi rồi xuống miệng vẽ thành một lằn ranh chia hai nửa gương mặt. Vợ nói, bên này là tội, bên kia là lỗi. Tội hay lỗi, vợ đều nhận cả. Nói xong, vợ kéo mặt anh úp vào ngực. Anh nhắm mắt mà thấy cả một vùng đồi núi sáng trắng. Tai lắng nghe tiếng tim đập rộn ràng, tiếng sữa sóng sánh chực tràn ra khỏi ngực.

Lần kế rồi lần nữa, nữa. Anh kéo những mùa trăng lại gần nhau. Mà mùa nào với anh cũng là mùa cuối. Lời thề nào cũng là lời thề cuối. Anh tự nguyện rửa mình. Tự sám hối trăm trăm, nghìn nghìn lần. Và rồi cuối cùng cũng tự tha thứ, tự thương thân. Con người là một sinh vật yếu đuối, dễ sa ngã. Đâu có ai cứ vấp mãi một cục đá trên đường? Anh cần phải đứng dậy. Đứng thẳng bằng mọi cách. Anh bỗng ước mình có được một phần mười dũng khí của các võ sĩ đạo samurai, rút kiếm ra mà chặt đứt tơ tình.

Một buổi sáng mùa Xuân, anh ôm bình bát đi khát thực. Anh đi chậm chậm. Anh đếm từng bước. Anh ghé từng nhà. Những nhà này từng biết, con đường này anh từng quen. Anh mường tượng vào những đêm trăng, anh phóng như bay như những hiệp khách phi hành qua lại quãng đường này. Buổi tối hân hoan bao nhiêu, bây giờ anh lại hổ thẹn bấy nhiêu. Có một con mắt vô hình nào đó ngày đêm cứ quan sát, theo anh như bóng với hình.

Con đường làng dẫn ngang qua chợ. Tới đầu chợ, anh ôm bình bát dừng lại, đứng im như một pho tượng cúi đầu. Tay lần tràng hạt, miệng lầm nhảm những câu kinh không đầu không đuôi, nhưng anh động tai nghe ngóng xung quanh. Chợ hôm nay náo nhiệt khác thường. Thiên hạ bu quanh một ông lang bán dạo, nhanh mồm mạnh miệng.

“Thuốc cao đây. Cao dán đây.” Có người mua nên ông dừng lại trao thuốc thối tiền, rồi rao tiếp.

“Cao thần, cao tiên. Đau đâu, dán đó đây.” Có người lại hỏi mua.

“Cao dán trị hết đau thật không ông?”

Thầy lang hơi cúi vì có người dám nghi ngờ cao dán của ông.

“Hiệu nghiệm như thần. Bảo đảm không hết đau, không lấy tiền.” Rồi ông giơ miếng thuốc dán lên cao, lại rao.

“Đau mà không dán, dán rồi không đau. Cao đây, cao đây.”

Chỉ có thể mà thiên hạ tin, đổ xô mua cao ào ào.

Mắt thấy, tai nghe làm anh hoài nghi quá đỗi. Có lẽ nào, người ta tin đại vào lời rao mà không đòi một nghiệm chứng nào cả? Anh muốn cất tiếng hỏi nhưng tay vẫn đang ôm bình bát, miệng lầm rầm, thiên hạ vẫn tưởng anh đang đọc kinh đầy chữ, bây giờ bỗng nhiên mở miệng thì kỳ.

Anh cố nhịn. Rồi tìm cách lẩn quần gài ông lang đến tàn buổi chợ. Chờ đến khi không còn ai đứng cạnh, anh mới hỏi nhỏ.

“Này, cao dán hay thật đấy à?”

“Thật.” Ông lang quả quyết. “Thầy đau chỗ nào, tôi dán chỗ ấy, bảo đảm hết ngay lập tức.” Nói xong, ông chia ra một miếng, sẵn tới định dán bừa.

“Ậy, Ậy,” Anh xua tay, “Thôi khỏi, hỏi cho có vậy chứ tôi tin ông.”

Thấy anh tin tưởng, ông lang *rờ rĩ thông tin*, “Cao này tên gọi là Tuyệt Tình Cao. Thiên hạ chỉ mong hết đau nhưng thật ra công dụng của nó còn trị đủ thứ, kể cả lục dục thất tình, hỉ nộ ái ố đều hết sạch sành sanh.”

“Thiệt à?” Mắt anh tròn xoe hết cỡ. “Trị cả lục dục thất tình à?”

“Phải, cao diệt cảm giác, trị bá chứng. Đau, dán. Hết đau. Mừng, dán. Hết mừng. Lo, dán. Hết lo. Sướng, dán. Hết sướng.”

Mừng rơn, anh chụp ngay thầy lang. “Sướng, dán cũng hết sướng thiệt à?”

Ông già gạt đầu cái rụp, “Sướng tới đâu cũng phải hết.”

Anh dốc ngược túi nải, lục cả túi trong túi ngoài, được bao nhiêu tiền đồ hết mua cao.

Kế hoạch thử nghiệm Tuyệt Tình Cao được *duyệt* ngay đêm đó. Khi tiếng thờ của mọi người trong chùa trở nên đều đặn, anh từ từ lấy từng miếng cao ra. Chỗ nào nhạy cảm nhất, dán ngay chỗ ấy. Rồi anh phóng như bay trên con đường trở về nhà.

Cửa sau nhà không cài then. Trong bóng tối, vợ nghe tiếng động đã cười tủm. “Đấy, biết ngay mà. Lại chịu không nổi chứ gì.” Chồng vừa ló đầu đã bị vợ lôi vào vật ngay xuống sàn. Thân thể người đàn bà mềm mại rướn quanh anh như một thứ dây leo đầy lá. Những chiếc lá mỏng mỏng như đôi bàn tay vuốt ve dạo trên da thịt những miền không định trước. Bên dưới anh, một sinh vật nóng hổi, hơi thở phập phồng đang cựa quậy. Như con cá quẫy mình dấy dựa đòi sức sống. Như một ngọn diêm sơn đang âm âm chuyển động trong lòng. Chỉ cần bàn tay anh chạm nhẹ, ngọn lửa sẽ phún lên, nham thạch sẽ tuôn trào. Nếu là mọi lần, chẳng kịp suy nghĩ, anh nhẩy ngay vô lửa. Dù sau có bị cháy thành tro cũng mặc. Nhẩy trước. Nhẩy cái đã. Nhưng đột nhiên anh phát giác, chưa cháy anh đã là một thứ tro tàn than lạnh. Thân thể anh cứng đờ như đá, không bắt nhiệt. Một sự nguội lạnh đông cứng toàn thân. Không có một cơ phận nào nhúc nhích. Kể cả những sợi lông măng trên tay, trên ngực cũng đứng im như những hàng phi lao rũ bóng. Những làn hơi cảm xúc nay đâu? Hãy thổi lên đi. Nhưng hình như những lỗ chân lông đã bị bịt chặt. Gió không còn hơi. Sông không còn chảy. Trái đất đã ngừng quay? Một sự vô cảm đang từ từ đông đặc hoàn toàn.

Bất giác, anh nhìn xuống sàn. Vợ anh trong tư thế nằm nghiêng, ngực hấy và chân cong. Môi hé mở, chờ đợi... Người đàn bà đang nỗ lực trong tuyệt vọng.

Anh điềm nhiên quay lưng, bỏ về.

Vợ bây giờ chỉ là một sinh vật biết thờ.

Đêm đó, anh không vội về chùa. Anh bước chân dõng dạc đường hoàng trên khắp mọi nẻo ngang lối dọc trong làng. Hương đêm trong lành, thơm ngát trời đất. Cái cảm giác hãnh diện của một kẻ không phạm tội lan tỏa mọi nơi. Từ bây giờ, anh đã có thể ưỡn ngực kiêu hãnh với đời. Lòng anh hoàn toàn khẩu phục, tâm phục, “Ồi, Tuyệt Tình Cao, trên cả tuyệt vời!”

Anh về chùa khi trời vừa sáng rõ. Bây giờ, anh không ngại bị chất vấn, bị tra hỏi hay bị nghi ngờ. Anh sẵn sàng giải thích. Hơn thế nữa, anh mong có cơ hội để giải thích. Nhưng cả chùa không ai hỏi, không ai hồ nghi điều gì, thậm chí người ta không biết đêm qua anh vắng mặt.

Từ đó, anh dốc lòng tu tập. Tụng niệm đúng giờ. Ngủ nghe đúng buổi. Cơm không lừa quá và. Nước không tộp quá hớp. Mọi việc nặng nhọc trong chùa anh tranh gánh vác, không đẩy đùn, kèn cựa cho ai. Những chuyện mừng lo vui buồn không làm mặt anh đổi sắc. Lúc nào anh cũng

tâm bình khí hòa y như những vị chân tu sắp đạt thành chánh quả. Toàn thể trong ngoài, đồng đạo và các vị phật tử khắp nơi đều nể vì sự giác ngộ của anh.

Một năm sau, vị sư cụ chủ trì cũng động lòng trao cho anh chiếc gối bông mới tinh để thay khúc gối cây cứng ngắc. Anh lắc đầu từ chối, gối cây với gối bông thì cũng để gối đầu thôi, không khác gì.

Sư cụ ngạc nhiên. Lạ, tu một năm, xuất sắc lắm thì chỉ đẩy được thất tình lục dục là cùng.

Không lẽ mới đó mà hấn đã đạt tới mức “Kim Cương Bất Hoại”<sup>5</sup> hay sao?

“Gối cây cứng. Gối bông mềm. Cứng, mềm thuộc về cảm giác. Nhà người có thể khống chế Tham Sân Si hay tẩy sạch thất tình lục dục, không lẽ người đã đạt tới mức loại trừ cả cảm giác nữa ư?”

Anh gật đầu. Phải, anh đã diệt tuyệt hết mọi cảm giác.

“Bằng cách nào?” Vị chủ trì ngạc nhiên quá đỗi.

Nghĩ rằng người tu hành không được nói dối, anh thành thực kể hết mọi chuyện từ đầu. Anh thú nhận, mỗi tối anh dán một miếng cao trên đầu nên gối đầu bằng thứ gì thì cũng như nhau.

Nhìn vẻ mặt *thành khẩn khai báo* của anh, vị cao tăng đột nhiên diên tiết. Sấn gậy trong tay, sư cụ giáng cho anh một hèo chí tử.

“Tu như vậy là tu ư? Đó là thầy lang tu, miếng cao tu, chứ đâu phải chính người tu.”

Nguyên ngày hôm đó anh không ăn vì bận nghe những bài thuyết pháp tràng giang đại hải. Sau khi giảng mệt, sư cụ lôi anh ra bờ rào, bắt anh ngồi đúng ngay cái chỗ anh từng phóng ra ngoài, để tham thiền và sám hối. Khi nào giác ngộ mới được đứng lên.

Ngồi đối mặt với bờ rào, anh ngắm hoa tươi và bướm lượn. Khi hoa héo, anh ngắm chim bay. Tỏi, chim về tổ, anh ngắm trăng sao. Cũng dưới ánh trăng này, anh nhớ những đêm phi hành, vụt đi rồi vụt về như một tên trộm đạo.

“Tu là sửa mình.” Anh nhủ thầm. Và nhắm mắt lại để nhìn thấy mình. Cứ nhắm mắt thế. Khi nhắm mắt đến một lúc nào đó tâm người ta tĩnh, mọi sự vật sẽ trở nên rõ hơn.

“Tu là sửa mình. Nhưng phải dùng chính nội lực của lý trí, của tâm thân để khống chế mọi dục vọng của con người. Nhưng khống chế để làm gì? Để giải thoát con người khỏi mọi đau khổ. Nhưng sự đau khổ bởi vì đâu? Sống trên đời để làm gì?”

Những câu hỏi liên tiếp nối đuôi nhau.

Mặt trời mọc rồi mặt trời lặn.

Trăng nhô lên rồi trăng rơi xuống.

Thời gian cứ trôi qua.

Một ngày nọ, anh đứng dậy. Rũ sạch hết ưu phiền.

Anh trở vào kiểm sư cụ.

Chú tiểu bảo, sư cụ đã bỏ đi từ ngày ấy.

“Đi đâu?”

“Đi kiểm thầy lang. Từ ấy đến nay chưa thấy trở về.”

Thiền sư Muxatara đã bỏ ra nhiều năm để tìm kiếm sư phụ. Thiền sư đi khắp nơi, viếng tất cả các chùa, không bỏ qua bất cứ một xóm xình nào, nhưng cũng hoài công. Sự tuyệt vọng đến nỗi đã có lần thiền sư phải nghi ngờ tự hỏi. Hay là vị hòa thượng trụ trì chưa từng đến thế gian này? Không lẽ quá khứ chỉ là một ảo giác, một cơn mơ? Nhưng đã ba mươi năm trôi qua, từ một người trần tục gõ cửa chùa bây giờ đã trở thành một thiền sư danh tiếng nhất nước, là có thật. Thì lẽ nào sư phụ lại hóa không. Làm thế nào để một người có thể tan biến trên thế gian này? Đó là câu hỏi lớn nhất trong cuộc đời hành đạo của thiền sư.

Có một mùa Xuân, không nhớ là năm nào. Theo thông lệ, thiền sư Muxatara dẫn các đệ tử đi thăm một thị trấn có nhiều hoa anh đào nhất. Đã nhiều năm mới trở lại nơi đây. Cảnh vật thay đổi đến lạ lùng. Họ nhìn thấy trên phố đông người qua, một tiệm Đông Y Dược Phòng thật *hoành tráng* với bảng hiệu sáng chói mới khai trương.

Thiền sư bước vào. Một vị lang y tiên phong đạo cốt bước ra. Thiền sư giật mình, sự cụ đây mà. Có lẽ nào, không thể lầm lẫn được. Thiền sư bước tới hỏi. Không nói rằng phải, cũng không chối rằng không. Vị lang y chỉ một mực chấp tay, cúi đầu.

“Thiện tai. Thiện tai.”

Dáng dấp, cử chỉ, tiếng kêu y hệt như “style” của các sư trưởng Thiếu Lâm (trong các truyện kiếm hiệp kỳ tình của Kim Dung), sau khi mở một trường đại khai sát giới.

*Viết dưới đỉnh Đại Hồng Chung – April /2011*

Chú thích của tác giả:

1. Dựa trên câu “*Một nửa sự thật không phải là sự thật.*”
2. Muxatara đọc là Mu-xa-ta-ra. Mu gốc từ chữ “move” tiếng Anh. Những chữ xa, ta, ra là những chữ thuần Việt.
3. Trăm Năm Cô Đơn tên cuốn tiểu thuyết đoạt giải Nobel Văn Chương 1982 của nhà văn Gabriel Garcia Márquez.
4. One Life To Live tên một vở nhạc kịch Opera nổi tiếng của Agnes Nixon (Mỹ), đoạt 6 giải Daytime Emmy Awards và một giải Outstanding Drama Series (Emmy)
5. Kim Cương Bất Hoại là tên một bộ tiểu thuyết võ hiệp Trung Hoa, cũng là tên của một pho võ công chính trong truyện.

\*\*\*

**Phụ đính:**

## Con bù nhìn

Tiếng chân chạy huỳnh huých trước nhà làm tôi tỉnh giấc. Nheo mắt qua khe sáo, ba đứa trẻ nhà bên đang chơi trò cút bắt. Hai đứa con gái: đứa lớn khoảng mười tuổi, đứa nhỏ chừng năm, sáu; thay phiên vây đứa con trai độ lên tám. Mỗi lần túng thế, thằng bé nhảy phóc qua lùm cherries sang sân tôi, rồi đứng lại vừa cười vừa thở dốc. Bên bờ giậu, hai con bé vừa nhứ tay vừa la ôm tôi. Tôi rửa mặt và thay áo. Pha một chút trà uống cho tỉnh táo, rồi bước ra ngoài. Mới dọn về tôi cũng nên chào hỏi láng giềng, sau nữa dặn bọn trẻ giữ yên tĩnh vì tôi làm ca đêm.

Bây giờ là đầu hè. Mặt trời dậy rất sớm. Ánh nắng chói chang dội từ trên cao xuống. Mọi vật như chìm trong biển nắng. Ban ngày, toàn khu trông cũ kỹ, tiêu điều. Nhà nào cũng xây một kiểu na ná như nhau: gạch đỏ, mái thấp, và một nhà xe nhỏ day mặt ra đường. Mỗi căn có một khoảng sân vuông vức bằng nhau, được ngăn bởi những lùm cây cherries, hay loại chùm nộm rậm lá làm rào. Trong sân cũng giống nhau có một chút cỏ xanh, một vài cây hoa làm kiếng. Chỉ khác nhà có bóng mát, vài nhà không.

Bên kia sân, rượt nhau chán, bọn trẻ kéo nhau ngồi dưới mái hiên và nói chuyện rầm rì. Thỉnh



thoảng chúng liếc sang, bắt chợt gặp ánh mắt tôi, liền chùng mặt xuống. Hai bên yên lặng quan sát nhau. Một chốc sau, con bé lớn đứng lên nhích chiếc ghế vải sau lưng nó xoay nghiêng phía trước. Xong, nó ngồi xuống cầm cuốn sách mỏng phe phẩy quạt cho một người nằm trên ghế. Bây giờ thì tôi mới để ý. Đó là người đàn bà đang nằm ngủ. Một chiếc nón vải rộng vành úp mặt để che ánh sáng. Cái áo đầm dài tay bằng vải jean xanh chùng quá gối. Chân mang sandals có vớ. Thân hình đầy và thấp, so với cái ghế hơi nhỏ. Người đàn bà đánh một giấc say sưa bên cạnh những đứa con ngoan.

Buổi sáng, tôi thường không ngon giấc vì tiếng trẻ nô đùa. Vào sở với đôi mắt cay sè, thật khó chịu. Tôi chờ, có dịp tôi sẽ nói với mẹ chúng. Ý định này khiến tôi cứ nhìn qua sân nhà họ. Ngẫu nhiên, tôi phát giác ra nhiều điều kỳ lạ. Người đàn bà lúc nào cũng ngủ. Mùa hè, bà ta cứ mặc những loại váy dài tay và lưng chùng quá gối. Loại vải dày và toàn là màu đậm. Chân luôn mang vớ. Đặc biệt, bà ta cứ thích ngủ dưới hiên. Một hôm, trong lúc đuổi nhau, con bé nhỏ vấp té kêu khóc inh ỏi. Hai đứa kia xúm vào dỗ em. Mặc chúng nó, bà vẫn nằm ngủ ngon lành. Tôi mang một chút ác cảm với bà, từ đấy.

Có một ngày nghỉ lễ, tôi mang những gốc hồng mới mua ra trồng. Mấy đứa trẻ cũng chạy ra xem tôi đào đất. Xấn mỗi tay mà vẫn còn nông, làm tôi ngao ngán. Hơi ngượng với lũ trẻ, tôi gắng gượng đào. Bỗng, thằng bé chỏ mồm vào nhà gọi mẹ. Một người đàn bà bước ra. Tôi kinh ngạc. Mẹ chúng trẻ. Vóc người gầy trong chiếc áo hở tay. Đôi chân dài như chân sếu ló ra từ chiếc quần short trắng. Mái tóc dài vàng hoe, lơ thơ vài cọng phủ trán. Gương mặt trẻ, dễ gây cảm tình. Cô mỉm cười, chào 'Hi', rồi ngỏ ý giúp tôi đào đất. Chúng tôi nói chuyện vui vẻ. Cô năng động, bật thiệp. Thoáng chốc, mười gốc hồng đã vùi xong. Bọn trẻ cũng xúm xít giúp tôi tưới nước, rồi gom lá vào một chỗ. Không khí sân nhà bỗng vui hẳn, nhưng lòng tôi vẫn loáng thoáng nhớ người đàn bà mặc váy xanh nằm ngủ. Bà ta là ai, cứ vừa ngủ vừa trông lũ trẻ. Mới quen, tôi không tiện hỏi. Nhớ là điều cấm kỵ của họ, thêm phiền.

Dần dà qua câu chuyện tôi biết, cô có hai đời chồng. Sau khi ly dị, họ mất tăm. Một mình cô phải nuôi ba đứa trẻ. Căn nhà đang ở là nhà thuê. Cảnh sống bốn mẹ con thanh bạch, tần tiện. Ngoài việc làm thường ngày, cuối tuần cô còn làm thuê ở trạm xăng đầu đường. Thời giờ dành cho lũ trẻ thật hiếm hoi.

Từ đó, tôi có thói quen thường hé màn nhìn qua nhà bên cạnh. Bọn trẻ hết nô đùa, lại chụm đầu vào nhau đọc sách. Trời vào trưa oi ả. Mấy con chim chuyền cành líu lo. Tôi khệ nệ bưng bình nước đá chanh mới khuấy và mở ly giấy sang làm quà cho tụi nhỏ. Một cơn gió bắt chợt tốc qua. Mấy cái ly giấy vượt khỏi tầm tay xoáy theo cơn gió. Ba đứa nhỏ thích chí hò hét đuổi theo sang tận bên kia đường. Tôi xoay người, định bước lên hàng hiên đặt bình nước xuống, rồi kêu chúng trở lại. Bất ngờ, tôi thấy cái nón vải bị gió bật nằm dưới chân. Ngẩng lên, tôi nhìn mặt người đàn bà trong khoảng cách thật gần. Gương mặt đẹp hồng hào, đôi mắt mở lớn nhìn lên trần vô hồn: gương mặt của một người giả làm bằng plastic mà tôi vẫn thấy họ để trong các tủ kính. Thân hình mập vì bị độn nhiều thứ quần áo bên trong. Trong khi tôi còn trở mắt quan sát, thì con bé lớn đã dẫn hai em trở về. Nó ngượng ngập không nói gì. Tôi trao cho nó bình nước, rồi lẳng lặng trở về.

Từ khi biết chắc không có người lớn ở nhà, tôi càng để ý chúng nó. Bệnh tật, tai nạn, hỏa hoạn, trộm cướp... đều có thể xảy ra bởi những sự bất ngờ. Lúc này, đầu óc tôi tự dưng hay liên tưởng tới những hoàn cảnh xấu. Khu này toàn là nhà rẻ tiền. Dân tạp nhạp lui tới biết đâu lường. Có thể đó là lý do xe cảnh sát thường tuần tiểu quanh đây. Mỗi sáng, con bé lớn vẫn ịch kéo chiếc ghế vải và đặt con bù nhìn nằm ngủ. Thấy người lạ đi ngang, nó lại cầm cái bìa phe phẩy quạt cho con bù nhìn.

Những lúc tỉnh giấc sau này, tôi thường đem sách vở ra ngoài hàng hiên nằm đọc trên chiếc ghế vải. Đôi khi mệt mỏi, tôi cũng úp sách lên mặt và ngủ quên trong tiếng nô đùa của trẻ. Có một hôm đang chìm trong một cơn mơ đẹp, những tiếng chân nặng huỳnh huých trong sân làm tôi tỉnh giấc. Bên kia sân, hai người cảnh sát: một người đang ẵm con bé nhỏ ra xe võ vè, người khác dẫn hai đứa lớn lên chiếc xe van màu trắng. Xong, họ quay lại ghim một tấm giấy màu vàng trên cánh cửa. Chiếc xe chạy ngang, tôi đọc bên hông xe hàng chữ ' Family and Children Department Services'. Quay vào nhà, theo thói quen tôi nhìn sang bên kia: chiếc sân vắng vè. Trên hàng hiên, con bù nhìn đã té xuống ghế tựa bao giờ.

(4/16/99)

## Quán gió đầu hiu

Thật ra, tên quán là Hương Việt. Nó cũng không phải tọa lạc ở một chỗ đầu hiu quanh quẽ, bốn mùa lộng gió như cái tên mà người ta đặt để. Đây là cái nhà hàng nằm giữa một khu phố Việt chỉ nhộn nhịp vào mỗi cuối tuần. Ngày thường vào quán, thực khách sẽ rất bối rối trong việc chọn thức ăn. Trong tấm thực đơn dài sọc, chỉ có vài món là có thể gọi được. Muốn dùng các món khác, thì phải đợi cuối tuần. Lý do? Trong khi chờ đợi, từ từ rồi ai cũng hiểu. Đúng bốn mươi lăm phút, món đầu tiên sẽ được dọn ra. Mỗi mười lăm phút sau, từng món khác cũng được mang ra như thế. Thời gian trống trải, dư giả để những câu chuyện khào nhạt dần. Người ta bắt đầu tò mò nhìn quanh quất. Từ cửa vào cho tới tận trong bếp, cũng chỉ có đúng một người. Đó là bà chủ, vừa làm bồi, vừa làm bếp...

Mùa đông, nhà hàng tiết kiệm thêm hơi sưởi. Thực khách lèo tèo thưa thớt, làm hàng quán ngày càng lạnh lẽo. Người tới một lần, không muốn đến lần thứ hai. Cái tên quán Gió để chỉ hơi lạnh thốc vào thổi khách. Đầu hiu là chỉ sự vắng vẻ lâu ngày. Không biết do ai đặt để. Bây giờ thì người thành phố chỉ gọi tắt nó là quán Gió.

Quán Gió đổi chủ theo kiểu xuân thu nhị kỳ. Sau cùng, nó trở thành một quán sách. Nhưng cái chữ " đầu hiu" giống như một lời trù ẻo, chưa chịu buông tha cho những người chủ mới. Một phần không may là ở đất không mấy ai sành văn chương chữ nghĩa, thế mà họ lại mở ngay một quán sách kang trang, phong phú.

Bà chủ, trạc sáu mươi, dáng người thấp bé và linh hoạt. Suốt ngày, hầu như không rời quầy sách, thế mà chuyện xa gần bà đều biết. Dừng lại trong quán đôi phút, khách có thể nghe ngóng được những tin đồn mới nhất trong ngày. Quán Gió, có thể coi là nơi lấy tin tức như các tẩu lẩu trong những truyện giang hồ kiếm hiệp. Chuyên trò dăm câu, người khách ghé quán lần đầu cũng cảm thấy quán hàng thân thuộc. Ngay cả những khách buồn chân tạt ngang quán, cũng khó lòng trở ra bằng tay không.

Ngoài tính bất thiệp, bà còn có tài giới thiệu sách. Không như những diễn giả trong những buổi ra mắt sách, bà có cách riêng của bà. Phương châm độc đáo là sách cần người mua. Bằng mọi cách, bà phải thuyết phục khách chịu bỏ tiền mua một món hàng mà không chắc mình thích. Và, hàng mua rồi, không được trả lại. Bằng vào kinh nghiệm không biết tích lũy từ đâu, bà chào hàng không mấy khi lầm lẫn. Khách là đàn ông đứng tuổi, da dẻ sạm màu bà kể cho một loạt hồi ký, hồi ký chiến tranh, hồi ký cải tạo, bút ký chiến trường... Khách là đàn bà, bà kể một hơi những truyện tình éo le mà tác giả là nhân vật chính. Nếu khách có dẫn theo mấy chú nhóc, bà vui vẻ chỉ cho xem các thứ sách dạy văn Việt ngữ, các loại video dạy những bài hát thiếu nhi... Khách là những ông bà già nhà quê, cổ quần khăn và chân còn kéo lê tiếng dép kêu lẹp xẹp, bà

lôi ra một mớ truyện Tàu diễn nghĩa... Nếu khách thuộc loại tuổi mới lớn, bà tận tay chỉ về cho các cuốn cẩm nang xử dụng vi tính, tự điển hay hướ ng nghiệp... Nếu gặp khách lơ tơ mơ hỏi, có sách nào hay. Bà không ngần ngại tán tụng những cuốn sách mà đang bị dư luận báo chí đều lên tiếng... chửi. Có người các cứ hỏi, tại sao? Bà lẳng lẳng mỉm cười không nói. Chỉ chỗ thân tình, bà mới than thở . Sách phát hành rồi, thiên hạ mới ồn ào phê phán. Không tìm cách bán gấp, có muốn cân giấy vụn cũng không biết chỗ nào. Nhưng không phải cứ giờ i thiếu hay, mà ai nấy cũng mua. Gặp khách không mấy nhân rồi, bà giới thiệu các loại báo chí. Nguyệt san, tuần san... dành cho mọi lứa tuổi. Túng cùng, gặp khách lười đọc bà mới trở tay vào tủ kính mời mua các loại CD ca nhạc. Vì thứ này, bà không cần tốn công phu cho lắm.

Đi vòng chung quanh quán, người ta chợt phát hiện Bà còn là người phân loại văn học không bẻ phải, và rất thực tế. Sách loại nào, xếp kệ nấy. Sách khảo cứu có nhiều kệ. Mỗi kệ là một ngành riêng biệt, như thể Hồi ký, Sử, Tôn giáo...à cho chí những ngành Nữ công gia chánh, Tử vi, Dịch lý được phân chia cẩn thận. Về tiểu thuyết cũng xếp thành nhiều kệ. Truyện Việt, truyện dịch, truyện đồng quê,... cũng đều đâu ra đấy. Hình như chỉ có một kệ, bà sắp xếp lộn xộn. Kệ cuối cùng, nằm nép trong một góc phòng. Trên, để những sách bọc cẩn thận bằng những tấm nhựa trong và hàng chữ "cấm vị thành niên. ... ". Dưới, là những cuốn tiểu thuyết như Yêu, Loạn. Vòng tay học trò...

Có người thắc mắc hỏi, đây là những cuốn tiểu thuyết được xem là the bestsellers ngày xưa, và có những nhà văn lớn đồng thời giải thích rằng tác giả của nó theo chủ nghĩa hiện sinh thịnh hành thời đó. Cứ sao, giờ nó lại nằm dưới những cuốn sách bọc nhựa vô danh tiểu tốt kia. Bà ngơ ngác, chủ nghĩa hiện sinh là cái quái quỷ gì. Không cần biết, nội dung giống nhau, bà xếp cùng một loại. Bà giải thích, bà phân loại dựa theo khuynh hướ ng chọn sách của khách hàng. Chỉ có vậy, mới giúp họ tìm ra loại sách họ thích.

Nếu ai các cứ hỏi thêm, bà trả lời ngang phè, chỉ cần một chai rượu nhiều người ở đây cũng trở thành nhà phê bình văn học ngang xương. Bà bán những tác phẩm văn chương, dễ hơn bán những cuốn phê bình nghị luận.

Cũng có nhiều người ngẫm nghĩ, như bà thế mà sướng. Bán sách, công việc nhẹ nhàng, lại rồi, tha hồ đọc sách. Làm. Làm to. Bà bảo thế. Không khi nào bà đọc sách. Bà chỉ ném sách thôi. Sách về, mở vài trang đọc thử để phân loại, để biết hay dở... Ném sách như ném cà phê vậy. Không cần uống hết tách, mới biết cà phê đậm nhạt, ngon hay không. Vả, nghề nào nghiệp nấy. Nghề bán sách cũng là một thứ làm đầu trăm họ. Khách vào quán cũng có nhiều hạng. Người bình dân, coi chữ nghĩa như món hàng phù phiếm. Ăn một tô phở , mua một vé hát không tiếc. Nhưng kỳ kèo từng đồng bạc khi chỉ mua một tờ báo để xem. Cũng có người, vào quán lật từng cuốn sách xem cả tiếng đồng hồ, gần hết sách mới dè bủ chê bai đủ thứ. Hạng làm dáng thì cầu kỳ hơn, cứ hỏi những sách mà quán không có. Đến khi sách về, thì cứ phớt lờ. Vốn liếng kẹt dần trong những khoản đó.

Nghề bán sách trong nước sau này, là một nghề khá giả. Ngoài số lượng độc giả đông đảo, còn có những yếu tố tâm lý và xã hội. Sách Việt cần độc giả Việt. Đọc sách là một nhu cầu mở mang kiến thức. Hơn nữa, nó vẫn còn được xem là một thú tiêu khiển thanh cao. Không như bên này, bà than thở, có quá nhiều trò giải trí, nên con người đâm lười đọc sách, lười suy nghĩ.

Đôi khi bà cũng có những niềm vui an ủi. Đây là khi tiếp xúc giới cầm viết, bà mới cảm thấy mình oai. Nhất là đối vớ i những người mới viết, tự in tác phẩm, mà lại là thơ. Bà bảo nhà thơ, thơ khó bán nhất, sao không viết văn. Bà lại bảo nhà văn, tiểu thuyết bán chậm lắm, sao không viết hồi ký, thiên hạ vẫn ưa biết chuyện thật hơn. Và bà tự hào, thời buổi lưu vong, những người đóng góp trong việc bảo tồn văn hóa dân tộc không chỉ ở những người viết và người

đọc. Nếu không có những người như bà, văn chương sao có thể tới tay người đọc. Mà bà, yêu người đọc có lẽ còn hơn người viết. Không ý tứ cao xa, đơn giản chỉ là người đọc là khách hàng. Những người này nuôi sống quán sách. Và chỉ có họ mới xóa được hai chữ "điều hiu" mà bà ghét cay, ghét đắng.

Tuy nhiên, có những người khách băng quơ trò chuyện, mà cứ như dẫn bà lạc vào một chân trời xa lạ. Khách bảo, văn chương bây giờ có nhiều cái mới lắm cơ. Bà ngạc nhiên. Khách kể lể, đường hướng mới bây giờ là ngắn và gọn. Một bài thơ có thể có vài chữ hay một chữ thôi, cũng đủ. Còn truyện, thì thật ngắn. Một trang có thể có ba truyện.

Bà bối rối, tỏ vẻ không hiểu. Khách thí dụ, thì giống như khi xây một căn nhà, người thợ sẽ trao cho bà cái cửa, phần còn lại là tùy bà.

Bà vẫn tỏ vẻ không hiểu. Người khách kiên nhẫn giải thích. Họ tiên đoán, trong thế kỷ tới, với sự phát triển kỹ thuật rất cao con người sẽ không có thời giờ đọc sách. Văn chương muốn sống còn, phải thật ngắn.

Người khách bỏ đi từ lâu, mà bà vẫn còn ngờ ngác. Bà nhìn cánh cửa. Cánh cửa vẫn đóng kín. Hình như nó vẫn nhốt hai chữ "điều hiu" còn nằm kín trên một trang sách nào trong quán.

## Tình ca con dú

Mấy năm trước, trong một trận football, khi cháu tôi đang ôm quả bóng cà-na chạy thụt mạng, đột nhiên có thằng xông tới cản đường. Không tránh kịp, nó té xấp. Lỡ trơn, đám cầu thủ đang rượt theo hết tốc lực cũng té dòn cục trên mình nó. Khi mọi người đã đứng dậy, thằng cháu vẫn không nhúc nhích. Tai nạn làm nó chấn thương mắt, lòi xương chân và khuỷu tay. Trải qua một thời gian dài trị liệu cả về tâm lý, gia đình chị tôi mới có cuộc sống bình thường. Sau, thằng cháu cũng trở lại trường với cái chân cà quỳnh. Tưởng đã yên, ai ngờ chuyện sóng gió mới bắt đầu khi nó biết yêu. Nhắm lúc chắc ăn, thằng cháu tôi tỏ tình. Không dè, con bạn học hàng ngày thân thiết như đôi tình nhân từ chối một cách thẳng thừng. Tuyệt vọng, nó như té thêm lần nữa, xem chừng còn nặng hơn lần trước. Nó không oán con bạn, cứ hận đôi chân tật nguyền. Đôi lúc quản trí, nó tự tử, may được người nhà phát hiện. Từ đó, nó bỏ học, ru rú trong nhà, chờ cơ hội. Khuyến giải mấy cũng không được, chị họ tôi đành nghỉ làm, ở nhà canh chừng con.

Khi biết tôi sắp về nước, chị gửi gắm, gắng mua cho được mật gấu, thứ này trị trật khớp xương rất công hiệu. Chị nói, loài gấu trèo cây ăn cắp mật, bị ong đánh té từ trên cao vẫn không sao, vì mật gấu tan rồi có thể tự lại làm nó tỉnh dậy như thường. Chị căn dặn, muốn biết mật gấu thật giả, chỉ cần xoa một ít lên lưng bàn tay, xong xoay lòng tay lại liếm, nếu thấy đắng là thứ thật. Tôi hỏi, đắng cỡ nào? Chị nhún vai, chỉ nghe nói vậy, đâu đã thử.

Tôi nghi ngờ niềm tin của chị. Ngoại trừ uống, may ra mật gấu giúp nó can đảm chấp nhận số phận. Còn thất tình, là chuyện mưa nắng của đời người. Thuốc chữa chính là thời gian, đâu cần mật gấu.

Vừa bước xuống phi trường, tôi quên phút chuyện này. Niềm vui đoàn tụ chen lẫn nỗi xót xa khi điếm lại những người thân còn, mất. Mười tám năm, thời gian đủ biến tôi thành kẻ lạ. Cái quê hương tôi hoài niệm bấy lâu, giờ chỉ là ảnh ảo. Dù ở trong ngôi nhà cũ, hay đang lang thang trên hè phố, tôi vẫn như một cánh chuồn là đà, không chỗ đậu.

Khi niềm vui lắng xuống, tôi thực hiện một chuyến đi dài. Tour du lịch sẽ dừng ở những nơi như Đà Lạt, Tháp Chàm Phan Rang, ghé Tháp Đồi ở Quy Nhơn, viếng mộ Hàn Mặc Tử, đến Hội An, lên Ngũ Hành Sơn, rồi dừng ở Lăng Cô trước khi vào Huế. Nhưng vừa đến Mộ Đức đã nghe đang lụt ở Huế, sắp bão ở Hội An. Cả đoàn ngừng lại bàn tán. Cuối cùng, anh tài xế cũng là hướng dẫn viên đề nghị đổi hướng vào khu du lịch Đak Tre ở huyện Kon Plong, và thăm suối nước nóng Đak To. Anh nói, Kon Tum có nhiều thắng cảnh, thịt rừng và đồ mỹ nghệ đẹp, rẻ. Nếu quay về, công ty cũng không hoàn lại tiền bao chuyến. Nghe vậy, chúng tôi gật đầu.

Xe queo qua đường 628, hai bên là vườn cây, lá bám đầy bụi đỏ. Càng về hướng Tây, độ dốc càng cao, cây thưa dần. Xa xa, nhiều đồi đất đỏ chênh vênh, sau lưng những dãy núi xanh mờ ẩn hiện. Gần vào xã Hiếu, nhà cửa san sát. Đa số xây gạch, mái ngói, sân tráng xi măng, rào cổng ngăn nắp. Nếu không thấy những nhà Rông, loại nhà khách, không ai biết đó là những làng Thượng. Tôi ngạc nhiên, nhà Rông có nhiều kiểu. Anh tài xế bảo, huyện có nhiều làng, mỗi làng là một sắc tộc. Rồi anh chỉ, loại sàn nửa, vách dài, mái dốc đứng như hai bàn tay chấp lạy, cửa người Tơ Drá; loại bằng tranh, đầu mái tròn và thấp của người Cơ Tu; loại bằng cây, cửa trổ, có lan can đằng trước là làng người Bà Na; loại có gắn sừng thú trên mái của nhóm Hré; mái có đòn gát chéo là nhà người Cadong.

Gần tới huyện, dọc đường có nhiều người gửi hàng đi ngược về làng. Họ nép sát lề mỗi khi xe vụt qua. Đàn bà mặc áo bà ba, quần váy Thượng. Đàn ông, quần tây, áo sơ mi. Anh tài xế bảo, đó là những người trong buôn đem hàng ra chợ, không phải dân của huyện. Một người khác hỏi, trông họ giống nhau, sao phân biệt được. Anh tài chỉ, trông cách ăn mặc, điệu con thì biết. Người Gia Rai mặc váy chàm, tua trắng; váy người Cơ Ho viền đỏ; dân Hré quần váy hai tầng, người Gié Triêng mặc váy ống, dài từ ngực. Đàn bà Chu Ru điệu con đằng trước, trong khi Bà Na lại điệu phía sau. Thiếu nữ Ê Đê đeo vòng thành râu, con gái Rơ Măm chỉ thích lục lạc trừ ma trên đầu.

Tới xế, xe vào huyện. Sắp xếp phòng trọ xong, chúng tôi theo nhau ra ngoài. Trời còn sớm. Nắng chiều hắt qua phố, bên trong lồng chợ tối om. Bên ngoài, những người Thượng gửi mặng rảo bán dọc đường, gặp khách không buồn hỏi. Lang thang hồi lâu, chúng tôi tới khu du lịch lúc nào không biết. Nghe nói, buổi tối có nhiều tiết mục đặc sắc. Trước cổng, người đông như chợ. Người lớn bán hàng lưu niệm như gửi, giỏ, rá, lò, lọ, ché,... và có cả những nhà sàn tí hon làm bằng mây tre lá. Đám con nít gửi những giỏ lan to tướng, ý ạch đuổi theo du khách. Một ông già ăn vận nửa Thượng nửa Kinh, nói sõi tiếng Việt, gạ tôi mua thuốc. Ông lôi trong nải xách nhiều thứ giới thiệu. Ông nói, xương cọp, nấu cao hồ cốt; vượt cọp chữa mắc xương cổ; mật gấu trị trật khớp xương, bong gân, nhức xương; mật cây giống chữa hậu sản; mật kỳ đà trị phong thấp; thịt tắc kè chữa hen suyễn; nhung nai, gạc hươu có đủ. Ông móc trong túi vải đen, khoe. Đây, còn có Hồ gió, Cạp nong, rắn Ráo, bộ ba ngâm Tam Xà Bửu, rất quý. Nghe vậy, tôi nhảy nhồm. Nhìn kỹ, ba con rắn khô queo giống y rắn nhựa. Chợt nhớ thằng cháu ở Mỹ, tôi hỏi mật gấu. Ông kể, buôn làng ở tuốt trong rừng sâu, săn được thú xẻ phơi khô, lâu mới có dịp xuống đây bán đem về cho cả bản. Nghe vậy, tôi ưng mua, không trả giá, cũng không thử.

Khi tôi vào trung tâm, người trong đoàn đã tản đi đâu mất. Trước mặt, một khu nhà sàn lọt thỏm trong rừng cây, toàn là đại thụ. Nhà cất nhiều kiểu, tượng trưng cho mỗi sắc tộc. Chính giữa là ngôi nhà Rông, mái có nhiều hoa văn, trông xa như ai giăng chiếc chiếu khổng lồ. Bên dưới, vách là những tấm phen đánh vec-ni, nối nhau bằng những hình khối đẹp mắt. Đằng sau là kho chứa thóc, giống hệt chuồng bò câu cao vượt lùm cây. Chân sàn có mắc những tấm thớt to bản, chống sóc, chuột.

Cuối kho thóc là bến sông. Dọc bờ có dãy chòi tranh, nóc tròn. Vòm nóc treo những lồng chim:

chim trả, chim sâu, chích chòe, chèo bẻo, chào mào, chim sáo, gõ mõ, cú vọ, cu xanh,... Dưới có bày bàn ghế cho khách nghỉ ngơi, uống nước, nghe chim ríu rít. Khách buồn chân, có thể sang sông. Người Thượng dùng voi thay đò. Hai con voi ốm, tai nhỏ, được trang điểm như voi đoàn xiếc. Lưng phủ thảm đỏ, tua vàng, trên đặt chiếc ghế bành sặc sỡ giống chiếc ngai vua. Khi voi lội nước, chiếc ghế lắc lư trông như ngai vàng sắp đổ.

Buổi tối, mọi người tập trung trước nhà Rông xem văn nghệ. Một toán đàn ông cầm giáo chạy ra nổi lửa. Đống củi phụt cháy. Một toán khác ở trên, quần khổ rằn mang dàn chiêng. Mỗi dàn có bảy chiếc lồng vào nhau theo thứ tự lớn nhỏ, gọi là chiêng bằng. Người Ê Đê diễn tấu đàn cing. Nghệ nhân ngồi trên ghế gỗ hình con thuyền. Chiêng lớn treo lên xà nhà, đặt úp lên mặt ghế, các chiêng khác đặt chéch. Dùi gỗ bằng gỗ, đánh vào mặt lõm của chiêng. Tiếng đập vang xa. Tiếng hồi âm vọng về mạnh mẽ, hòa lẫn những âm thanh mới phát nghe dữ dội. Khi ngọn lửa bập bùng bốc cao, tiết tấu càng nhanh, âm thanh càng độc đáo. Những người đàn ông cầm giáo bước ra, nháy quanh đống lửa.

Tiếng đàn cing vừa dứt, một nhóm thiếu nữ Bà Na tiến ra trước sân nhà Rông. Họ hợp tấu đàn Đing But. Những cô gái luân phiên vỗ tay vào những ống nứa dài ngắn. Hơi luồn vào ống, tạo thành những cung bậc thăng trầm. Tiếng vỗ đều luyện hòa tiếng trống, tạo thành những âm thanh man dại, mê hoặc của rừng khuya.

Nghe hồi lâu, tôi lảng ra tìm nước uống. Rải rác trong khu có vài đống lửa nhỏ, cạnh là ông Già Làng ngồi cời than, kể chuyện. Tiếng Kinh, tiếng Thượng lẫn lộn, nghe không hiểu. Tôi đứng dậy bỏ đi. Được vài bước thấy có đám chụp hình. Người mẫu là một thanh niên trẻ, trang bị kiêu đi rừng. Trên quần hai chéo vải, dưới vận quần rằn ri. Chân đất, đầu trần, tay phải chống chiếc nỏ mun xuống đất, tay trái cầm mõ cung tên. Nhiều người xúm lại chụp hình. Tôi đứng lại ngắm, trông hấn rần như một lõi lim. Được một lúc, khách tản dần. Hấn nhìn tôi, có ý hỏi. Tôi chỉ đồng lửa nói, muốn chụp chung với cả Già Làng. Hấn nhếch môi, cười khinh mạn, nhưng sau cũng bước tới. Chụp hình xong, hấn bảo, đó là Già già, không phải Già Làng. Thấy tôi ngạc nhiên, hấn giải thích, Già Làng là chủ làng, đâu đi kiếm tiền kiêu đó. Tôi phản đối, cũng có người đi buôn cho làng như ông già bán thuốc hồi nãy. Thấy hấn nghi ngờ, tôi lôi túi mật mới mua làm chứng. Không dè, hấn nhìn túi mật cười ngất. Rồi nói, xưa nay chỉ thấy người Kinh gạt người Thượng, chưa từng có Thượng gạt Kinh. Đây mật con gì, có trời mới biết. Coi chán, rồi hỏi tôi muốn mua, nhà hấn có thứ thật. Mật lấy từ bụng gấu, chính mắt tôi thấy, không thể giả được. Đang tức mình, tôi ửng dại. Hấn hẹn, ngày mai về làng sẽ đón tôi đi chung.

Hôm sau, tôi tách đoàn theo hấn, quá giang xe Kiểm Lâm, về làng. Điều không ngờ, làng rất xa. Mỗi lần hỏi, hấn đều bảo sắp đến. Xe gần đến Dak To đã rẽ qua Toumorrong, địa thế cheo leo, tôi phóng mắt nhìn ra. Núi chập chùng, đồi chênh vênh, không biết ngọn nào là Charlie, nơi những người lính xưa bỏ sinh mạng để giữ từng tấc đất, giờ hoang vu heo hút ở thời bình. Trong đầu, bùi ngùi nhớ mấy câu thơ, "Dấu binh lửa cỏ cây xơ xác. Kẻ hành nhân qua đó chạnh thương."

Đoán tôi không vui, A Mang cười gọi chuyện. Không ngờ, hấn cười hiền như đứa trẻ. Tôi ngo phía trước, hỏi tên những dãy đèo chênh chênh. Hấn lắc đầu, đồi núi không có tên. Thấy tôi lo ra, hấn trấn an, từ khoảng đèo Mang đến Dak Rú là nơi quen thuộc, hấn đi rừng rành như người Kinh đi chợ. Rồi nói thêm, đèo Mang là nơi sinh, tên hấn là tên đèo, không lạc được.

Xe lên càng cao, cảnh sắc càng hùng vĩ. Nhìn xuống, thăm rừng bạt ngàn. Xa xa, đỉnh Ngọc Linh tím ngắt, một dải mây trắng vắt ngang, vẻ như núi đứng trên trời. Hồi lâu, xe bắt đầu xuống dốc. Bên kia triền núi, nhiều loại hoa dại bám đầy, lấm tấm như bày bướm đậu. Bên này là thung lũng, thấp thoáng có bóng làng mạc xen lẫn rừng cây. A Mang bảo, đó là những làng

anh em sắc tộc Sédang: nhóm Tơ Drá, Xơ Teng, ở vùng cao; nhóm Mơ Nâm, Ha Lăng, Ca Dong, ở vùng thấp. Tôi để ý, nhiều làng nhỏ, chỉ lều tều dăm nóc nhà dài.

Đến trưa, xe rẽ vào đường đất đỏ xuống hẻm núi. Buôn làng nằm cạnh con suối, kế là rừng thưa. Xung quanh, nhiều chỗ chân núi xếp nếp, nhìn lên trông như khúc thang đứt giữa lưng trời. Gần vào làng, xe chậm lại. Một đám con nít mừng rỡ, túa ra. Đến cổng tre, xe ngừng hẳn. A Mang liệng túi hành lý, rồi nhảy xuống đất. Mấy đứa nhỏ xúm lại, giành quây túi đồ. Tôi trả tiền xe. Người tài xế dặn, trạm Kiểm Lâm gần buôn, khi cần xe cứ qua đó.

Buôn Thượng không hẻo lánh như tôi tưởng. Bên trong, nhiều dãy nhà sàn, đa số nóc dài. Đầu làng có sân rộng, trên có hai nhà Rông. Cái cũ, theo kiểu truyền thống, mái tranh vàng óng, nóc trang trí hoa văn cầu kỳ, vách đan bằng nứa, có bôi sáp ong bóng lưỡng, đẹp như đánh véc ni. Nhà mới, lợp tôn, vách ván. Trưa nóng, mái tôn mới toanh phản chiếu ánh nắng chói chang, trông xa như lưới riu sáng loáng cắm ngược lên trời. Thấy tôi ngạc nhiên, A Mang nói, cái mới của chính quyền dùng làm lớp học, không phải nhà làng.

Chúng tôi đi qua sân vào nhà Rông cũ, xin phép nhập làng. Trong khi chờ đợi, tôi nhìn quanh. Bên trong, sân nhà rộng. Trần mái cao vút, giàn kèo cột bằng dây mây. Chung quanh, tám cây cột to, loại gỗ đỏ, hơi nổi vân đen, có chạm trổ hình mặt trời, người, thú. Kệ vách, giắt nhiều xương sọ, sừng trâu, vớ những đồ trang trí trong buổi tế thần. Bên dưới, còn chưng những bộ công, chiêng, trống và các nhạc cụ như đàn brang, đàn brú, đàn brooc,..... thân làm bằng nứa, hộp âm là những vỏ bầu khô, xem rất lạ mắt. Sân nhà trống trơn, không có bàn ghế, chỉ để những ché rượu bằng sành, chạm hình rồng rắn.

Xem chán, tôi nhìn ra. Đám con nít vẫn còn lóng ngóng dưới cầu thang. Con trai mặc quần cụt áo thun giống con nít thành phố. Con gái, áo kiểu quần dài. Có đứa mặc áo khính rộng thùng thình, trong ở trường. Cả đám lem luốc, nhìn tôi cười toe. Chừng chút sau, Già Làng tới. Tôi hơi bất ngờ, ông mặc áo thun, không giống hình ảnh ông già đóng khổ cời than, ngồi bên đống lửa. Vừa gặp, ông cho biết, những người thợ rừng đã sẵn được gấu lớn, đang kéo về. Rồi mời tôi ở lại. Ông bảo, có mấy lái thuốc người Kinh cũng đang trong làng chờ. Không còn cách nào, tôi nhận lời. Có thể, ông tưởng tôi là tay mua chuyên nghiệp. A Mang thuật lại chuyện gặp tôi bằng tiếng Thượng. Ông phá ra cười. Chúng tôi trò chuyện vui vẻ. Tôi chia mấy tấm hình chụp hôm qua. Rồi nói, ông không giống Già Làng ngoài Dak Tre. Ông ngắm hình thờ dài, thời đại đã thay đổi. Xong nhìn ra ngoài, mặt buồn thiu.

Tôi xách hành lý, theo A Mang về nhà. Đường làng rộng, nhiều mô gò. Hai bên là những nóc nhà dài, loại dành cho cả họ hàng, gồm mấy thế hệ già trẻ sống chung. Cũng có nhiều nhà nhỏ, sống biệt lập từng tiểu gia đình. Nhìn quanh, nhà nào cũng nghèo, vách thưa mái thấp. Trên đất, vương vãi những cành khô. Mấy con gà thả rong, lang thang mổ đất. Lâu lâu mới thấy vài căn, trước sân có cột trâu, A Mang bảo, đó là tài sản lớn. Đi một lúc, bắt gặp trên vạt cỏ thưa, mấy người đàn bà ở trần ngồi cho con bú. Những cặp vú rậm, nong sữa, nặng trĩu như hai trái bầu núng nính trên da. A Mang đi trước, ngó thản nhiên, chừng như quen mắt. Đến cuối làng gần tới nhà, đã thấy mẹ hắn chạy ra, chân trần tóc rối, mặt mũi lợ lem như người vừa thoát ra từ trong đám cháy.

A Mang mồ côi cha. Từ nhỏ, thường theo Già Làng tập làm người lớn, sau này lại thích rày đây mai đó. Khi về, theo lệ làng, mỗi tối trai chưa vợ đều ra ngủ tại nhà Rông, nên khi nghe tôi ở trọ, mẹ hắn mừng lắm. Bà lằng xằng trải chiếu mời ngồi. Căn nhà nhỏ, giữa là bếp lửa, lúc nào cũng đỏ ngọn. Hai mẹ con ngồi xuống gọt sắn. Loại sắn rừng, lá vằn, nhiều củ đẹt. A Mang cười gượng, bảo tôi đến không đúng lúc. Tháng này mới trỉa lúa, không nhà nào còn thóc, cả buôn ăn củ trừ cơm. Rồi hắn nói về những tháng "ning nong" sau mùa gặt, khoảng cuối năm

cũ, đầu năm mới. Đó là thời gian nghỉ ngơi, dân làng tổ chức tế lễ, ăn mừng. Họ kéo nhau vào rừng sống lại thời hoang sơ, hái lượm và săn bắt, rồi hú gọi Giàng và tổ tiên cùng về ăn cỗ. Cuộc vui kéo dài, hết nhà này tới nhà khác, mọi người chè chén say sưa, bỏ công vất vả. Đó cũng là mùa cưới. Tôi ở hờ nghe, mắt nhìn quanh. Trên vách, treo nhiều sừng và da thú. Một đầu nai khô, có đôi mắt cứ mãi miết trông ra cửa. Đang cao hứng kể, khi nhắc đến mùa cưới thì hẳn ngưng bật. Rồi ngồi thu gối, mắt đăm đăm nhìn củi cháy, nhưng trong con người không hề thấy bóng lửa.

Buổi chiều, A Mang đưa tôi dạo quanh. Khi ra tới sân làng đã thấy một đám trẻ nhóm vòng tròn, ca hát trước nhà Rông mới. Một cô váy quần, áo chèn, đứng giữa vỗ tay bắt nhịp, mấy đứa trẻ đồng ca. Tiếng Thượng líu lo. A Mang đứng lại chăm chú nghe. Tôi bỏ lên thang, thăm nhà Rông mới. Vừa bước vào, tôi chóa mắt. Một rừng biểu ngữ giăng đầy. Tám cây cột lớn và trên xà nhà đều treo cờ, ảnh, khẩu hiệu. "Kính Thượng một nhà.", "Đảng Cộng Sản Việt Nam quang vinh muôn năm." Cuối nhà có mấy dãy bàn kê theo kiểu lớp học. Tôi lần theo vách tò mò đọc, những bản thông báo chính sách bảo vệ rừng, cấm đốt gỗ, cấm săn thú, xen lẫn thời khóa biểu lớp học tiếng Việt. Trên tấm bảng, có những dòng chữ nắn nót:

"Rừng Việt Nam xanh xanh,  
Đất Việt Nam đỏ đỏ  
Hiu quạnh giữa rừng dày  
Người lính Mỹ phơi thây."

Khi tôi trở xuống, đám hát đã vãn, chỉ một mình A Mang còn ngồi đó. Chúng tôi im lặng ngắm buổi chiều. Khi mặt trời chìm sau ngọn núi, A Mang thở dài, chừng mười năm nữa, người Thượng sẽ không còn. Cả đám con nít, chưa có đứa nào bén mảng tới nhà Rông.

Tối đó, tôi đến thăm Già Làng, gặp lại Y Sao, cô gái dạy hát hồi chiều. Nhiều người tề tựu bên bếp lửa giữa nhà. Đàn ông đan gùi, đàn bà đan rá, có kẻ mang khoai tới vùi cho bữa tối. Họ quây quần, tiếng trò chuyện râm ran. Một hồi, khi ngớt chuyện, Y Sao cất tiếng ca. Có người lấy tre gõ nhịp, tất cả im lặng lắng tai.

"Mơ Năm xoong rang,  
Xơ Teng xoong rế,  
Tơ Drá xoong linh lăng. (\*)

Thấy tôi không hiểu, Già Làng ngồi kể bên dịch. Bài hát nói, người Mơ Năm làm ruộng, người Xơ Teng trồng đay dệt vải, người Tơ Drá lượm sắt để rèn.

"Buôn làng ơi, Dậy đi trồng quế.  
Trồng quế chặt cả rừng, ta trồng.  
Chiêng sẽ biết về, ché biết nhảy múa.  
Vải, muối đầy nhà vì ta có quế trồng." (\*)

Dưới ánh lửa bập bùng, khoe mắt Y Sao long lanh, miệng luôn nở những nụ cười rạng rỡ. Hết bài này tới bài kia. Tiếng hát dồn dập, thúc giục như tiếng chày giã gạo giữa đêm khuya. Khi ngọn lửa sắp tàn, Y Sao đổi giọng, hát tình ca.

"Xà nhà chàng giặt đầy đầu thú,  
Bếp nhà chàng chát đầy xương cá to.  
Đồ sắt chàng rèn, cuốc bèn, rựa sắc.  
Dao bén có mắt, rựa như có mũi.



Ngón tay chàng mòn vì đan gùi lưng em.  
...Đôi ta, sẽ ăn chung rá, ngủ chung sàn.  
Suốt đời như cá rô lặn dưới suối  
Chồng là nhà, vợ là cửa.",...(\*)

Nghe một hồi, tôi ngờ cô ám chỉ A Mang. Tôi dáo dác kiếm, bắt gặp hần nhìn trộm Y Sao, đôi mắt giống mắt con nai tới chết vẫn trông về núi.

Tới khuya, gió lớn, A Mang đưa tôi về. Người mẹ đứng tại cầu thang lóng ngóng chờ. Bà lần thẩn dạn, dừng để tôi đi lang thang, ngày xưa các bộ tộc vẫn có tục bắt người đổi trâu. A Mang nói thêm với tôi, đàn bà được năm trâu, đàn ông hai. Rồi hần cười lớn, bây giờ trâu quý hơn người, đâu ai đổi.

Đêm rừng núi, tôi không ngủ. Mắt thao láo, nhìn mấy bộ xương thú, nhưng tâm trí lan man tuốt ở rừng sâu. Trong đêm tối, những con thú này từng mò mẫm rình mồi. Giờ nằm đây, đành chết khô trên vách. Gần sáng, trời nổi giông. Trên không, gió rít ngọn từng hồi, khi sà xuống như muốn cào rừng sạch lá. Chút sau, mưa lác rác. Tới sáng, hóa thành sương, rồi ngưng hần.

Tiếng gà rừng eo óc làm tôi thức giấc. A Mang đã về tự bao giờ. Hần soạn gùi, chuẩn bị đi rừng. A Mang khoe, đan gùi là một kỹ xảo nhà nghề, không đơn giản như đan rổ, rá. Đa số dùng lồ ồ, nứa, tre xa -mlú, loại thân dẻo, không máu, cột bằng dây mây. Hần lôi ra nhiều loại. Gùi thấp, miệng loe, để tuốt lúa. Gùi cao, đáy vuông, mang đi chợ, đi rừng. Gùi có nắp, chung quanh viền những hoa văn màu mè, dùng như cái tủ, đựng đồ quý trong nhà. Cuối cùng, A Mang lấy cái ba chân, có ngăn, gùi của thợ săn. Hần đem mớ dao ra, ngắm ngía từng con, chọn để đi rừng. Dao nhọn giống hình lá dứa để thủ thân, đầu dao quắm có cù ngoéo như cán dù dùng cắt dây rừng, lưới và cán dao xà gạc để chặt cây, phát rừng. Tôi ngạc nhiên, những loại dao hình dáng lạ. A Mang bảo, tất cả dao cuốc đều rèn trong buôn. Trước, họ vẫn sản xuất để sang Lào đổi trâu. Giờ đã nghỉ, vì không cạnh tranh nổi với hàng công nghiệp miền xuôi. Nói xong, hần bắc nồi kê chín mời tôi lót dạ, ăn kèm với món măng nướng. Tôi bắt chước, chọn những mẩu măng sặt nhỏ cho vào lửa, đợi vỏ ngoài cháy trụi mới lột dần. Măng chাম với gói chাম cheo, gồm muối, ớt, lá gừng, mắc khén, củ tỏi giã nhỏ, pha chút nước chua. Tôi cắn một miếng. Vị đắng của măng, chát mặn từ muối, vị cay xé của ớt, cay ấm của gừng, cay tê của mắc khén, cay nồng của tỏi, tất cả hòa lại xông lên mũi làm tôi sặc sụa, chảy nước mắt. A Mang thấy vậy cười lẩn.

Chúng tôi ra ngoài nhà Rông khi trời sáng rõ. Kề dao, người rựa chờ nhau trước sân làng. Kề cả con nít cũng cầm rổ rá, lẳng xẵng chạy theo cha mẹ. Mọi người lên rừng, kiếm củ. Nhìn một hồi, tôi phát giác, đa số là đàn bà, trẻ con.

A Mang dẫn tôi ra suối chỉ chỗ dùng nước. Ngọn suối róc rách, nước trong, nom tận đáy. Tắm giặt ở bờ, nhưng nước ăn uống phải dẫn từ mạch về. Một hệ thống máng nước nối nhau bằng những thân lồ ồ dài mút mắt. A Mang dặn, máng nước là chỗ thiêng, không phạm được. Trước khi sửa hay thay máng, làng phải tế thần Nước long trọng lắm. Nói xong, hần chuyền chân trên đá để men theo suối, vừa đi vừa ca om sòm. Tôi nhớ ra, toàn là những bài Y Sao hát. Chắc mềm, hần có tình. Tôi mỉm cười nghĩ, họ xứng đôi.

Đang vui chân sáo, bỗng hần lom lom nhìn vào khe, rồi trông lên trời. Nước sủi bọt. Hần nhảy phóc lên mấy tảng đá khác xem, đâu cũng vậy. Rồi buông giọng lo, chắc sẽ có mưa. Tôi nhìn lên, trời quang, nắng ban mai vàng hoe. Chưa kịp nói gì, đã thấy A Mang trên bờ, bứt mấy cọng cỏ gà, giơ cho tôi xem. Bông cỏ trắng phau như bạc. Giọng hần chắc nịch, trời sẽ mưa lớn lắm. Người Thượng xem thời tiết bằng kinh nghiệm. Như, thấy con chim kling klang lượn thì biết

mùa mưa đến, nghe chim ngói hót là mùa cơm mới, thấy côn trùng dòi tổ là có lụt.

A Mang đổi ý không đi rừng. Hấn thăm ruộng. Ruộng miền cao kiểu nấc thang, mỗi bậc nhỏ chỉ bằng ba sải chân, nằm chồng chất từ chân núi. Bờ giữ nước thấp, chỉ cao tới cổ chân. Trên mỗi bậc, họ gắn một ống lồ ô ngắn. Khi mưa lớn, nước từ trên chảy chuyền xuống dưới, tránh ngập úng. Trong khi A Mang đi gắn lại mấy ống lồ ô, tôi nhìn quanh. Rừng mờ mờ. Buôn làng lọt giữa mấy quả đồi trọc, mọc đầy cỏ tranh. Xa xa, ẩn hiện mấy dãy nhà tôn, chắc đó là trại Kiểm Lâm. Gần trưa xong việc, A Mang đến ngồi kể thử phào. Tôi ngạc nhiên, ruộng có nhiều vậy, sao còn đi chụp hình. Hấn cười hiền khô, ruộng nhà chỉ được mười bậc, còn lại làm đùm cho làng. Truyền thống trong buôn, ai rảnh thì làm, không nệ hà. Tôi trông lên mười bậc, chịu không sao ước lượng. A Mang bảo, mỗi vụ chỉ được dăm gùi lúa, không đủ cho cả năm, nên phải trồng thêm khoai, bắp trong nương rẫy, hoặc đào củ rừng. Chỉ khá khi may mắn săn được thú quý. Rồi đột nhiên, hấn thờ dài, giờ thú quý rất hiếm lại được bảo vệ, có săn cũng là săn lậu. Tôi thắc mắc, lợi tức kém vậy, làm sao sống nổi. Hấn nói, nghề lâu dài là trồng quế. Trước hết, phải biết lựa thế quay về hướng mặt trời mọc, quế mới tốt và nhiều tinh dầu. Quế trồng bằng hạt, mười lăm năm mới lột. Vỏ đem về dầm sương hay ngâm nước, rồi hong khô cho hết nhựa, xong ủ mấy ngày mới bán được. Người trong buôn, cứ cha trồng con hưởng. Hấn cũng được mười cây gậy vốn để sau này lập gia đình. Nghe vậy tôi cười trêu, xứ này con gái cưới chồng, lo chi. Hấn mắc cỡ, đỏ bừng tai, chỉ ước sao giống trai Kinh, được quyền yêu ai cưới nấy.

Trên đường về, A Mang nói, thời tiết ở đây khắc nghiệt lắm. Mùa Hè, có những cơn mưa xối xả phủ trắng đất trời. Mưa dầm dề, dai dẳng, với những cơn lốc sục đất, lở rừng. Đến mùa khô thì nắng chói chang, thiêu đốt. Mặt trời như muốn hút cạn những giọt nước cuối cùng của đất. Những con đường nóng ran, bụi nhẹ tênh, bay hờ trong không, nhuộm đỏ lá rừng. Xong, hấn kể, mấy năm trước, Già Làng thường xuống miền xuôi. Mỗi tối, nhà Rông thiếu người kể chuyện. Rượu nhạt, lửa reo cũng không vui. Những chiếc gùi đan ra đều méo. Đêm mưa dài, Y Sao buồn tình cất tiếng hát. Khi mưa dứt, giọng ca còn rớt trong lòng. Nói tới đây, hấn nhìn trời đất mờ lung. Thấy A Mang buồn, tôi xúi, cứ bắt chước con trai Kinh, thương ai phải tỏ ý trước. Hấn then, nhưng cũng hỏi, tỏ như thế nào? Tôi nói đại, nắm tay, hay hôn, đều được cả. Nghe vậy, hấn rụt đầu, le lưỡi, đi một mạch xuống làng.

Già làng nghe chúng tôi báo, vội sai đánh cồng. Tiếng cồng hối hả, nghe nóng ruột. Nhịp điệu có tín hiệu riêng, thúc giục mọi người đi xa trở về. Và, báo tin cho những buôn lân cận. Ông chặc lưỡi lo, chỉ có trại Kiểm Lâm chắc nghe không hiểu.

Tới chiều, trời bãng lãng, vẫn chưa mưa. Nhiều người lùa trâu, lợn xuống sà. Trên người, dưới thú, bây giờ tôi mới hiểu thêm công dụng của nhà sà. A Mang cũng chạy về, giúp mẹ khâu củi. Cảnh làng tấp nập, chỉ mình tôi đứng xó rợ giữa sân.

Đầu hôm, trời đổ mưa. Ban đầu còn nặng hạt, sau như trút nước. Già Làng giữ tôi ở nhà Rông ăn tối. Xong bữa, chúng tôi quây quần bên ché rượu. Già Làng khoe, rượu cần trong buôn đặc biệt nấu bằng kê chân vịt, ngon không đâu bằng. Rượu được ủ bằng lá rừng làm men, đựng trong ché đậy kín, không chưng cất qua lửa. <sup>TM</sup> càng lâu, rượu càng nồng và ngọt. Già Làng múc nước suối trong đổ vào. Ché rượu giống bình bông, cao năm tấc, ngoài có chạm hình một con rồng uốn khúc màu da lươn. Cẩn hút là ống cây kxia, tựa như ống trúc nhỏ, hơi cong, trong ruột rỗng thông lòng, đầu dưới có máu và lỗ khoét ngang. Trên miệng bình có đeo một khúc gỗ gác ngang, gọi là cang đo rượu. Mỗi khi rượu cạn, ông lấy khúc sừng trâu, phía chót sừng có lỗ thủng để châm thêm nước. Già Làng nhấm chút rượu rồi gác cần mời. Tôi lúng túng. Tưởng tôi sợ say, ông đưa một khúc măng nướng bảo, ăn măng le uống rượu cần không say đâu, đừng sợ. Nghe nói, vào buôn không uống rượu mời, người Thượng sẽ giận. Tôi bối rối, đang tìm lời chối khéo thì Già Làng đã khoát tay, đàn bà Kinh không biết uống rượu là thường.

Bên ngoài, càng lúc mưa càng lớn. Thỉnh thoảng, sấm rền trời, nghe như tiếng nổ ngay trên mặt đất. Rồi chớp lóe, những tia sáng run rẩy, sáng lòe. Chúng tôi lo lắng nhìn ra. Tôi liên tưởng ngoài ruộng rẫy, giờ này chắc mấy thằng bù nhìn đan bằng nứa té ngã nghiêng, dàn mớ gỗ đuổi chim đứt dây, bay tứ tán. Hồi sau, liếp nhà Rông bị gió đập cũng run lên bần bật. Già Làng chép miệng, lo cho cả những làng hẻo lánh, neo người. Tôi bâng quơ hỏi, cũng cùng sắc tộc, sống giữa rừng núi sao không hợp lại thành một buôn. Già Làng lắc đầu, không ai hiểu được. Truyền thuyết chúng tôi chỉ kể, ngày xưa có hai anh em mồ côi. Nhà nghèo, thường bị đói. Một hôm hai anh em bắt được một con dúi. Người anh bảo người em nướng cùng ăn, còn mình ra ngoài kiếm thêm. Nướng xong, người em chờ lâu mệt, ngủ quên. Bất ngờ, một con chó rừng đi qua ngoạm mất con dúi. Khi anh về, tưởng em tham ăn nên giận dữ, mắng cho thậm tệ. Tủi thân, người em bỏ đi. Ngày nay, con cháu họ rải rác đó đây. Tới giờ vẫn chưa về chung với nhau được. Câu chuyện buồn làm tôi ngùi giọng, thở dài. Hồi lâu, Già Làng tò mò hỏi, còn người Kinh oán hận chi mà hòa bình rồi lại kéo nhau bỏ xứ ra đi? Tôi nhìn ra màn mưa, đáp bâng quơ, người Kinh chưa ai bắt được con dúi. Chúng tôi chỉ mới đuổi theo. Điều buồn là, ai cũng cho đường mình đi chính là đường con dúi chạy, nên tới giờ cũng chưa sống chung với nhau được. Nghe xong, Già Làng làm thình, rồi kéo cần, ghé môi hút. Tôi mơ hồ thấy, vũ trụ như thu vào trong chén, tiếng rượu reo nghe như tiếng mưa réo bên ngoài.

Đêm sau, trời ngớt mưa. Không gian ướt sũng. Hơi ẩm bốc ra từ mái nhà, xó bếp len tạt trong da. Nhiều người ngồi nhà buồn, mặc áo toại, đợi mưa tạnh. Đàn ông hút thuốc. Tôi ngạc nhiên, có những chiếc tẩu, cán dài quá ngực. Đàn bà ăn trầu như người Việt. Chỉ khác, họ dùng vôi bằng vỏ ốc bắt ở suối, mài nhuyễn rồi đem nung. Có bà không nhai trầu lại nghiện thuốc. Họ không hút, chỉ ngậm bột thuốc lá trong kẽ răng. Mọi người quây quần bên chén rượu, vừa nhâm nhi vừa tán đủ thứ chuyện trên đời.

Đêm dài, chuyện nhặt, tôi bỗng nhớ tiếng hát Y Sao. Hỏi về cô, Già Làng cười, đó là cây quế của rừng, trai làng ai cũng thích. Con gái ở đây hấp dẫn không tùy nhan sắc, hơn thua nhau ở đôi tay giỏi việc nhà. Ông chỉ, hể thấy nhà nào trước có chất nhiều củi, con gái nhà đó có giá, cưới ai họ cũng ưng.

Chúng tôi ngồi nghe mưa. Một hồi, khi Già Làng ngà hơi men thì A Mang tới. Hắn lảng lạng kiếm chỗ ngồi, không buồn chào tôi một tiếng. Tiếp theo, Y Sao kéo một đám thanh niên ồn ào bước vào. Tôi ngạc nhiên, có một người không giống Thượng. Chỉ chút sau, tôi biết anh ta là cán bộ của trại Kiểm Lâm. Họ hát hò rồi trêu nhau. Anh cán bộ cời than. Y Sao ngồi kế bên, rất đằm thắm. Lửa bập bùng, màu da cô bóng như màu gỗ non lên nước. Thỉnh thoảng, họ liếc nhau, cười rất tinh.

Trong câu chuyện, anh cán bộ là tay lanh lợi, khéo đưa đẩy, hay pha trò. Chủ yếu, anh ca ngợi những sắc tộc thiểu số, những anh hùng người Thượng như anh A Núp, chị Y Một. Sau cùng, anh nhắc nhở, họ đang sống trên rừng vàng. Dãy Trường Sơn được đánh giá là loại rừng Cúc Phương, gồm năm tầng địa sinh, có nhiều gỗ và thú quý. Rồi anh kết luận, vì vậy phải bảo vệ thật nghiêm ngặt. Mà người Thượng, chính là vệ sĩ của rừng.

Đến nửa khuya, lửa tàn, mưa cũng tạnh. Cuộc vui vẫn dần. Nhìn quanh căn nhà chỉ còn mươi người say, nằm chèo queo bên chén rượu. Già Làng đi ngủ từ lâu. Tôi tìm A Mang, định bụng bảo sáng tôi về, không chờ nữa. Nhưng bắt gặp hắn ngồi bất động, mặt eo xèo như kẻ sa cơ, tôi lại chùng lòng, không nói được.

Tới gần sáng, gió trên núi thốc về, tốc vào mái tranh. Tiếng rừng hú âm u, nao nạt. Trời lạnh, sương từ hốc núi men ra, len vào liếp cửa. Vài người lui cui dậy, gầy lại bếp. Già Làng pha

nước muông, người Thượng gọi đó là cà phê rừng. Tôi nhấp thử. Nước màu nâu nhạt, hơi giống thứ cà phê giã của người nghèo.

Trời còn mờ, có một tốp thanh niên ghé qua xin nước uống. Họ mặc đồ ka ki, vác rựa sắp ra khỏi làng. Hỏi, Già Làng bảo, đó là những người thợ cưa của trại Kiểm Lâm. Tôi thắc mắc, trong buồn có việc, sao A Mang lại đi làm tuốt ở Dak Tre. Chỉ chút sau, tôi vỡ lẽ. Chiếc xe cây chở công nhân vừa đậu trước sân, đã nghe tiếng anh cán bộ gọi người ơi.

Sực nhớ câu chuyện đêm qua, tôi hỏi, anh A Núp, chị Y Một là ai. Già Làng lắc đầu, cũng không biết. ông nói, những anh hùng được người Thượng sùng bái là các vị Tù Trưởng như ông Ngeuh, ông Kon Klot, ông Y Thu K'nul, nhưng nổi tiếng nhất vẫn là Pou Trang Lung. Nói tới đây, ông kiêu hãnh bảo, miền xuôi đất rộng phì nhiêu, người Kinh có nhiều đường lui. Còn chúng tôi ở trên đỉnh núi, vào thế liệu. Tò mò về Pou Trang Lung, tôi giục Già Làng kể tiếp. ông nói, Pou Trang Lung chỉ là một người nhỏ bé, khổ mặt lớn, có tiếng nói đặc biệt. Người Biệt truyền rằng, mỗi khi Tù Trưởng Lung thét lên, thú rừng cũng phải lẩn trốn. Ngoài ra, ông còn vẽ mặt ngựa trang như mặt hươu để cướp tinh thần quân địch. Vào lúc quân Pháp đã chiếm hết miền xuôi, họ bắt đầu đưa quân đánh đất cao nguyên. Người Thượng cùng đường nên chống trả kịch liệt. Tuy võ khí thô sơ, nhưng cuộc khởi nghĩa chưa bao giờ ngừng. Một người chỉ huy danh tiếng của Pháp là Henri Maitre nhận lệnh cai trị vùng này. Khi H. Maitre đi vắng, lính trong đồn xông ra cướp bóc của cải, đập phá các ghè rượu và giết chết cả nhà Pou Trang Lung. Tù Trưởng Lung liền kêu gọi các bộ lạc xung quanh đến diệt nguyên đồn Pháp. Từ đó Pou Trang Lung đi khắp nơi, thành lập liên minh các bộ lạc, tổ chức tấn công ngăn chặn đoàn quân viễn chinh. Hai năm sau, ông dùng mưu trá hàng và giết chết H. Maitre cùng lính trong đồn. Người Pháp kinh hãi gọi xứ này là địa ngục treo, và triệt thoái ra khỏi cao nguyên. Hơn hai mươi năm, Pou Trang Lung đã bảo vệ đời sống tự do cho người Thượng. Mãi sau khi ông chết, người Pháp mới đưa quân trở lại cao nguyên.

Buổi sáng, trong lúc mọi người thăm ruộng, tôi trở về nhà A Mang. Dọc đường, bắt gặp một nha,ụ trước sân chất cả trăm đồng củi. Nhớ lời Già Làng, tôi đứng lại nhìn. Đang ngó dáo dác, bất ngờ thấy Y Sao đi ra. Gặp tôi, cô mừng rỡ, kéo vào chơi.

Nhà Y Sao rộng, ngăn nắp. Trên giường, có căng một khúc hàng thổ cẩm đang dệt dở. Khung cửi đơn sơ, gồm hai thanh tre lớn, cột những sợi lanh đen. Cách dệt đơn giản, người ta luồn những sợi lanh màu nằm ngang, rồi dùng những thanh tre nhỏ căng cho thẳng. Thấy tôi xem chăm chú, Y Sao nói, chỉ dệt lấy từ sợi gai đầu, tức là cây lanh mán, rồi nhuộm bằng lá rừng như lá cây Chàm cho màu xanh, rễ cây Vàng nhuộm màu vàng, rễ Sim màu tím, cây củ Nâu nhuộm màu đỏ nâu,..... Vải cô dệt nhiều màu sắc, ai cũng thích. Tôi lắc đầu đùa, "Thích vải đẹp dễ, tìm đâu cũng được, nhưng làng chỉ có một Y Sao." Cô cười, khoe mắt kiêu hãnh, "Trai làng thích trăm đồng củi, chắc gì họ thích Y Sao?" Tôi ngó ra sân, bật cười. Cô tò mò hỏi, "Không biết trai Kinh thích gì?" Tôi nhún vai bỡn, "Họ không thích củi, nhưng thích trăm thứ khác." Cô lại gạn, "Là những thứ gì?" Tôi lắc đầu, không biết. Một hồi, cô nói, "Con gái Kinh khờ, sao cứ ngồi chờ con trai tới rước?" Tôi nghĩ, rõ ràng cô định cưới chồng Kinh.

Ban ngày, mặt Y Sao hơi tái. Tôi rủ sang nhà A Mang, sẽ cho cô mớ phần sơn để dùng. Vừa ra khỏi sân, chúng tôi đi ngang một chuồng trâu lớn. Tôi thắc mắc, ruộng ít sao trâu lại nhiều? Y Sao cười ngật ngoẻo, tục Thượng nuôi trâu tế thần, không phải để cày bừa. Người ta làm ruộng bằng cách giẫm chân sục bùn, rồi dùng gậy chọc lỗ tra hạt giống, gọi là trĩa lúa. Người Thượng không dám thay đổi cách sống vì sợ xúc phạm Thần Lúa, Thần Đất, Thần Nước. Rồi cô chau mày, đó là lối suy nghĩ của những người già. Lớp trẻ ngày nay học trường Việt, thích đời sống miền xuôi hơn. Nghe vậy, tôi mời cô xuống thành phố chơi. Y Sao rụt vai nói, người Kinh lên rừng nhìn chiếc lá nào cũng giống nhau; người Thượng xuống thành thấy cái nhà nào

cũng giống nhau. Dễ lạc lắm.

Buổi tối, trời lại nổi giông. Đêm rừng núi, đầy bắt trắc. Tôi ngồi đẩy củi vào lò, nhưng cảm giác đang ngồi giữa trời không. Chẳng khéo, kẹt một đám mưa nữa thêm phiền. Tôi định cáo từ thì nghe Già Làng nói, thật ra, người Thượng thường vào rừng tìm mật ong để bán. Khi kiếm được tổ ong rất dễ tìm ra gấu. Gấu leo cây, sục mõm vào tổ hút mật. Hết mật thì gấu say, bị ong đánh té nhào chết giấc. Họ chỉ việc lấy dây trói gấu, cột chặt mõm khiêng về. Đợi khi gấu tỉnh mỡ thì mật mới còn nguyên. Cái khó là đoạn đem gấu về. Gấu nặng mấy trăm ký, khiêng trên đường gai góc chằng chịt, vừa đi vừa mở lối, không phải dễ.

Sáng hôm sau, có tin nhóm thợ săn đã khiêng gấu về tới bìa rừng. Nhiều người nhón nháo ra xem. A Mang phóng như bay, chạy trước. Tôi theo sau, cũng vui lây.

Khi tôi tới, không thấy gấu. Một đám đông bu quanh mấy nhân viên Kiểm Lâm. Một người cầm củi viết biên bản. Nghe nói, gấu đã bị tịch thu, chở về trại. Tôi ngờ ngác ngó quanh, không biết A Mang biến đâu mất.

Xế trưa, hấn từ rừng lò cò về. Mình mấy bị gai cào xước, một chân trật khớp, đi cà nhấc. Mật còn tái, A Mang kể, hấn mới ghé vai khiêng phụ thì đội Kiểm Lâm trở tới. Sợ bị bắt, hấn lủi vào rừng. Tôi chọn những quả Dành Dành nhiều cánh đâm dập, đập vào những chỗ sưng. Bà mẹ A Mang lấy tay nặn những vết máu bầm còn ứ. Hấn cắn răng, nén cơn đau. Tôi ngồi bên cũng xuýt xoa. Thấy vậy, hấn bật cười, "Nghe nói, người Kinh can đảm lắm, đau chân thì chặt chân, phải không?" Tôi trở mắt, ngạc nhiên, nhưng chợt hiểu. Chắc hấn thấy mấy người thương tật, bị cưa chân. Tôi giải thích, "Trong trường hợp vì muốn giữ tính mạng, đôi khi người ta phải quyết định cắt bỏ một phần nào đó trong cơ thể." Hấn nghiêm giọng hỏi, "Đau đâu, chặt đó. Vậy nếu đau ở đây," hấn đưa tay lên ngực, "Thì chặt ở đâu?" Tôi giả lơ, không đáp.

Hồi lâu, hấn thiu thiu ngủ, tôi lững thững ra ngoài dạo chơi. Vừa tới cửa nhà Rông, đã thấy anh cán bộ chờ tôi ở đó. Anh trao cho túi vải. Tôi mở ra, giật mình. Một trái mật tươi còn hâm hấp nóng. Anh cán bộ nói, về lấy dao trích nhẹ, trong giọt mật đen có nhiều hạt màu vàng óng ánh, bỏ vào nước, sẽ chảy thành những sợi chỉ vàng dài xuống tận đáy ly. Cứ việc thử để mua không sợ làm. Sau cùng anh dặn, ngày mai có xe của công ty chế biến gỗ về thành phố, tôi có thể đi cùng.

Buổi chiều, tôi chực nhớ, chưa hỏi mấy giờ chuyến xe khởi hành. Sắp xếp hành lý xong, thấy còn sớm, tôi rủ đám trẻ thả bộ qua trại Kiểm Lâm. Mấy đứa nhỏ vừa đi vừa đuổi nhau, qua một con đồi phút chốc đã tới trại. Thấy không ai ở ngoài, tôi đẩy cửa vào. Phòng khách vắng hoe. Tôi nhón chân qua khe cửa nhìn vào trong. Dưới sàn, một tấm vải thổ cẩm màu mè động đậy. Bên dưới, có người đang giã dứa, có cả tiếng cười thầm.

Qua một đêm, A Mang hỏi phục hấn. Hấn hăng hái vác hành lý đưa tôi qua trại. Dọc đường, A Mang bảo, từ nay sẽ ở lại làng. Tục Thượng, con gái chưa chồng thất tiết bị coi là tội loạn luân, làng phạt vạ rất nặng. Tôi hỏi, phạt thế nào? Hấn nói, có thể bị đèn trầu. Người con gái phải làm lễ nhập gia, nghĩa là phải lấy máu trộn gan lợn bôi lên đầu tất cả mọi người trong gia đình. Đó là nỗi nhục lớn, không rửa được. Nói tới đây, A Mang đành giọng, phải ở lại để giúp Y Sao. Thì ra, hấn biết hết mọi chuyện. Gần tới nơi, A Mang đứng lại, trao hành lý rồi ù té chạy. Tôi ngó theo. Sức hấn dai như con thú, mang vết thương mà sống giữa đời?

(trích Văn, Xuân Tân Ty 2001)

(\*) Dân ca Tây Nguyên

## Tình cũ



*Nguyễn Thị Thảo An sinh ngày 03 tháng 2 năm 1960 tại Sài Gòn, tốt nghiệp đại học sư phạm Sài Gòn, hiện định cư tại Kennesaw Georgia, USA .*

*Tác phẩm :*

*Tuyển Tập (in chung với 4 tác giả khác)*

*Bức Phù điêu Khắc Cạn (tập truyện, Văn Mới 2001)*

Thụy nhảy chồm về phía điện thoại nhưng phải đợi chuông reo đến lần thứ năm nàng mới nhắc ống nghe. Giọng nói đầu giây bên kia trầm ấm, “Anh đang trên đường đi, kẹt xe lắm, khoảng sáu giờ, sẽ đến.” Thụy nhẩm tính - Sáu giờ, bây giờ mới có bốn giờ, còn những hai tiếng nữa. Dễ chừng, nàng đã chờ anh bao nhiêu lâu rồi nhỉ? Hai mươi năm? Hơn thế chứ. Hai mươi năm và sáu tháng. Thụy còn nhớ như in, lúc ấy là mùa Hè, vừa tốt nghiệp Cao Đẳng xong, Thụy đã lo được một chân nhân viên ở Sở Du Lịch. Thời đó, bán căng-tin cho Sở thôi cũng kể là “chuột sa hũ nếp”. Còn Phong thì khá hơn, không biết bằng ngõ ngách nào mà lọt được vào Công Ty Giao Thông Đường Sông. Từ sông ra biển chỉ có 3 tháng, anh vượt biên. Đêm chia tay mà Thụy cũng chưa biết, họ quấn vào nhau như những con sâu cuộn mình trong lá. Sáng ra, trước khi đi anh vẫn không nói gì, chỉ trang trọng đeo cho Thụy một xâu chuỗi bằng những hạt đá li ti kết lại. Tuy không phải là vật đính hôn nhưng đã làm Thụy đinh ninh đó là lời hứa hẹn. Bẵng đi hai tuần thì có điện tín, anh đang ở Bi-dong, trại tỵ nạn Mã Lai. Vậy là Thụy hận. Hận thâm xương. Hận thấu tủy. Bao nhiêu thư từ gửi về Thụy xé hết. Không đọc, Thụy thề, cũng không nghe thêm bất cứ một câu nào. Ai đòi, cùng chìm trong bể khổ mà khi thoát thì chỉ tính thoát thân lấy một mình. Bạn bè an ủi, thì Phong là gió mà, đến rồi đi, ai biết được. Nhưng mà Thụy biết, và Phong biết, anh đã mang đi cái quý giá nhất của một người con gái. Sự mất mát làm Thụy hụt hẫng như bị người ta giật nợ. Mấy năm sau, tin tức bật tầm, nỗi hận cũng nguôi ngoai, Thụy mới tự cứu mình. Nhờ xinh đẹp nên nhiều người theo, nhưng Thụy không chọn người, nàng chọn tiền. Sau khi ông chủ trường tặng Thụy hai đứa con và cả cơ ngơi ông tích lũy một đời thì mất. Không thề thốt nhưng Thụy vẫn tiết phụ nuôi con. Sống một mình, Thụy trở nên đảm đang, nhất là mấy năm sau này kinh tế xoay chiều, Thụy đầu tư vào bất động sản, mua một bán mười. Hai đứa lớn đang tạm ở riêng để giữ hai căn nhà đang rao bán. Những lúc như bây giờ căn nhà này trở nên tịch mịch lạ thường. Thụy biết, không bao lâu con cái sẽ lập gia đình, chỉ còn một mình nàng trợ trợ. Nàng bỗng yêu tiếng động, yêu cả những tiếng lép lép xẹp kéo lê ngoài đầu ngõ, tiếng xe nổ, tiếng hàng xóm cãi cọ ngoài kia. Nàng mở radio, mở phim bộ suốt ngày là vì thế. Nhiều lúc, Thụy sực nhớ những mỹ nhân trong lịch sử bị biếm mình trong cung cấm, họ giống như những đóa hoa hương sắc đặt trong bốn bức tường. Tàn tạ rồi chết. Thụy rùng mình khi mừng tượng ra chẳng bao lâu rồi mình cũng sẽ biến thành một bà

già lộ khuy, tóc bạc da nhăn, tay chân lầy bầy, mắt mờ nhìn không qua ngưỡng cửa. Không lẽ đó là một kết thúc khuôn mẫu đã định sẵn. Không, không đời nào để mình như vậy. Cái chết của nàng ước chi là một cái chết êm như giấc ngủ, chết giữa lúc đương nhan sắc như ánh chiều đỏ ửng rực chợt tắt ở lưng đồi.

“Mỹ nhân tự cổ như danh tướng,  
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu.”

Hồi nhỏ đọc hai câu này Thụy vô cảm. Cứ tưởng tượng Dương Quý Phi chóng gậy, mắt mũi lem nhem thì chết là phải. Cũng có lúc Thụy linh cảm, hai câu thơ giống như một lời nguyện. Nhưng từ khi nhận được điện thoại của Phong thì khác, Thụy thấy lời nguyện trở nên vô nghĩa và có phần buồn cười. Tình cảm bỗng nghiêng về Phong, nhất là nghe tin mấy lần về nước anh đều tìm nàng trong đám bạn cũ. Thụy hình dung ra Phong ngày trước, dáng dấp thư sinh và mái tóc bồng. Nàng nhủ thầm, nhất định phải cho thấy mình đẹp như lúc anh chàng mới bỏ đi mới được. Không thể để lộ những nếp nhăn hay dấu vết của tuổi tác. Trước hết phải tắm cái đã. Thụy gọi cô bé giúp việc pha nước rồi đi lấy áo.

Thụy đóng đúng hai nắp dầu hoa bưởi vào bồn tắm rồi khuấy đều. Vừa để thân mình ngấm từ từ trong làn nước ấm vừa tát nước nhẹ lên cổ, vai rồi chụm hai tay đắp nước vỗ lên má nhiều lần. Trời tháng Bảy gió hâm hấp, mồ hôi vã nhiều, Thụy muốn ngâm mình lâu hơn. Phải canh sao cho khi Phong đến, da dẻ vẫn còn tươi mát và chưa có một giọt mồ hôi nào. Mỗi lần đi đâu, Thụy vẫn ghét chen lán trong đám đông và khó chịu khi người thấy mùi mồ hôi nhễ nhại, mùi da thịt hăng nồng của thiên hạ.

Thụy duỗi hai chân, cặp giò dài và trắng, lộ những đường gân xanh nổi rõ dưới da. Nàng xoa mạnh tay để đánh tan những mạch máu ngấm, rồi gấp gối lại, tát nước vào chỗ hũng giữa bụng và đùi để nhìn thấy nước được giữ lại và thích thú vì thân thể mình vẫn còn săn chắc. Mỗi lần tắm, trong đầu Thụy đầy dẫy những thân hình bụi bặm, mồm mím trong những bức tranh lỏa thể thời Phục Hưng, nàng chú ý tới những mạng mỡ dư thừa mà không hiểu sao thời xưa họ lại thích. Nghĩ đến đây bất chợt Thụy luồn tay vào đùi, vừa vuốt ve vừa tưởng tượng đây là bàn tay của một người nào khác. Nàng thích thú thấy da thịt mình vẫn còn mềm mại và láng lẩy, êm ái cứ như đang vuốt lên một tấm da gấu.

Tắm xong, Thụy bắt đầu trang điểm. Nàng lấy nước đá đập nhỏ, quấn vào khăn mỏng rồi chà lên hai má. Cái lạnh làm đôi má ửng đỏ một cách tự nhiên mà không cần dùng tới phấn hồng. Sau đó nàng đánh một lớp phấn lót rồi thoa một lớp kem ngoại có pha glycerine, da mặt trở nên mượt mà, tươi tắn. Kề sát mặt gương, Thụy bặm chặt cho môi mềm ra xong dùng chì màu viền rồi thoa đều trên dưới. Không bao giờ Thụy dùng son, nhất là những màu đỏ chói, chỉ tổ tổ thêm tuổi già. Thụy cũng không sơn móng tay, chỉ cắt da, dũa tròn móng rồi chà chanh cho kỹ, điệu dàng lấm thì phủ một lớp sơn bóng là cùng. Xong xuôi, Thụy thoa một ít nước hoa lên cổ, vai và mu bàn tay, nơi người nước ngoài thường cầm hoặc hôn tay người phụ nữ.

Phải hơn năm giờ Thụy mới thay áo. Nàng chọn một cái váy nhạt và một chiếc áo cổ bẹt màu hồng có thêu những chùm hoa trắng li ti, trang nhã và thanh tao. Những năm sau này Thụy tránh mặc những màu sậm hay hoa hòe sặc sỡ. Không bao giờ sắm những chiếc áo dài thêu rồng phượng dát đầy kim tuyến và cũng chớ hề rờ tới những bộ âu phục nội hóa rẻ tiền. Nàng chọn sợi dây chuyền có đính hạt xoàn, kinh nghiệm cho biết đeo hạt xoàn làm người ta chú ý cái vùng ngực của mình hơn. Ở cổ tay trống trải, Thụy chọn một chiếc lắc có gắn hai cái chuông vàng, khi cử động chuông sẽ phát ra tiếng nhạc. Có tiếng nhạc câu chuyện sẽ rôm rả hơn. Phải tạo một bầu không khí thân mật, dễ thương, làm sao thu ngắn cái khoảng thời gian xa cách. Để khi Phong về vẫn còn luyện tiếc những cảm giác lãng mạn và sống lại trong kỷ niệm xưa của “hai đứa”. Xong đâu đấy, Thụy hớp một chút rượu nhẹ rồi đi súc miệng thật kỹ. Kinh nghiệm của người đàn bà cho biết, rượu quý gấp mười lần bất kỳ một thứ mỹ phẩm nào, nó làm cho mắt người ta phớt một màu hồng và mở to một cách long lanh.

Xoay mình trước gương mấy lần Thụy mới ra ngoài. Thụy lướt mắt nhìn quanh, trên bàn đã dọn sẵn một bình hồng đỏ thắm. Buổi sáng nàng đã chọn sẵn một chậu lan, nhưng mà nghĩ lại

hoa hồng hay hơn, dù sao nó cũng biểu tượng cho tình yêu. Từ khi liên lạc với Phong, lòng Thụy bỗng dưng rung động. Mọi vật chung quanh đều trở nên sáng sủa và dễ thương. Chắc chắn là Phong muốn tìm về dĩ vãng. Hẳn Phong vẫn nhớ nàng. Bất chợt trong phút chốc những kỷ niệm xa xưa chợt dội về ào ào như sóng vỗ. Miên man với những hồi tưởng, Thụy linh cảm cuộc đời nàng có thể sẽ thay đổi, nhất là qua bạn bè, biết Phong đã ly dị, thành công trong kinh doanh, nhưng rất cô đơn trên xứ người. Nếu tái hợp, những ngày tháng sau này của cả hai sẽ là một màu hồng, nàng có nơi nương tựa, hai đứa con sẽ tiếp tục học ở nước ngoài. Thụy nhăm nhính, cho tới bây giờ nàng đã mất khá nhiều cho các trung tâm tư vấn du học mà cũng chưa có đứa nào đi được.

Gần bảy giờ Phong mới đến. Cô bé giúp việc ra mở cổng. Từ trong nhà, Thụy hơi ngạc nhiên khi thấy Phong dẫn chiếc xe Dylan loay hoay tìm chỗ đậu. Thông thường Việt kiều sợ đi xe gắn máy, sợ cái lối chạy xe hỗn loạn của dân trong nước nên đa số đều dùng taxi. Nhưng Thụy đã không kịp hỏi khi Phong ngược mặt nhìn nàng. Tuy đã thấy Phong trong hình trước đây, giờ đối diện cũng làm Thụy ngỡ ngàng, Phong thay đổi nhiều, như là một người khác. Trong lúc đó Phong chỉ hơi bối rối, rồi anh chàng bắt đầu tự nhiên cứ như là mới xa Thụy hôm qua.

“Nhìn ra chưa?” Thấy Thụy chưa trả lời, anh lại cười cười, “Nè, không đến nỗi hỏi, anh tên gì chứ?”

“Anh thay đổi nhiều quá.” Thụy chơm chớp mắt.

Phong đứng trước mặt nàng, nghiêm trang đưa mắt ngắm từ đầu tới chân như người ta ngắm một con búp bê, “Còn em vẫn đẹp như xưa, không khác mấy.” Rồi anh chàng lấy tay vỗ trán, vờ như thật, “Mình chia tay mới hai tháng thôi, phải không? Vậy mà anh cứ tưởng 20 năm rồi chứ.” Miệng vẫn giữ nụ cười trêu.

Thụy nhủ thầm, không biết đây là một câu đùa hay là một câu tán. Và nàng chợt nhận ra, Phong thay đổi không phải chỉ bên ngoài.

Phong lễ mễ mang nhiều quà từ trên xe xuống. Một chai rượu nho, mấy hộp chocolates, phô mai và bánh ngọt. Đến chiếc ghế bành, anh buông mình xuống một cái phịch. Mặt ghế lõm xuống lòi ra những đường nhăn. Trông Phong bây giờ cao lớn, mập mạp, bệ vệ ra vẻ một thương gia. Áo sơ-mi trắng nếp, quần tây xám phẳng phiu, đôi giày đen bóng lưỡng. Hai má phính làm gương mặt hơi tròn, cái cằm liền với cổ nhờ một mạng mỡ thừa. Nổi bật nhất là cặp kính mát hiệu Giorgio Armani và bộ ria mép được cắt tỉa cẩn thận làm Phong giống hệt như một đại gia. Đấy, chữ nghĩa báo chí bây giờ thường gọi. Nhìn Phong, Thụy ngờ ngợ, nàng thường gặp những mẫu người như vậy ở đâu đấy nhỉ?

“Em khỏe không? Chồng con sao rồi?” Giọng Phong trầm ấm.

“Em khỏe. Mấy mẹ con vẫn sống với nhau.” Nàng hỏi lại, “Còn anh?”

“Anh ly dị, hiện đang sống một mình.”

“Tại sao?”

“Tại trời.” Phong nhún vai, “Sống ở Mỹ, đàn bà Việt cũng thành đàn bà Mỹ thôi.”

“Vậy sao?” Thụy rút trà ra tách, nàng nhoèn miệng cười, “Em không tin đâu. Có thể, anh khó tính quá chăng?”

“Cũng mong như vậy.” Phong cười, rồi bỏ ngang câu chuyện, chàng bắt đầu xoay chân, lưng dựa hẳn vào thành ghế và đưa mắt quan sát mọi vật. Căn nhà thiết kế theo kiểu ngoại, có quạt trần, cầu thang xoắn, cửa trong ăn thông với những phòng riêng.

“Wow, căn nhà này đẹp thật, không thua chi ở nước ngoài.” Phong trầm nghĩ, không biết hiện thời nhà như vậy giá bao nhiêu, chắc là không rẻ.

“Không bao nhiêu, đây là nhà hóa giá, sau đó mới tân trang lại.”

Thụy nhớ, chồng nàng đã phải vất vả chạy chọt cả năm trời mới giữ được căn nhà này. Chính sách hóa giá những căn nhà tịch thu của chế độ cũ là một cái phép màu biến của công thành của tư. Sau khi tân trang, giá nhà tăng gấp hai trăm lần, Thụy đem thế chấp để làm vốn kinh doanh.

“Làm sao bì được nhà anh bên đó.” Thụy hỏi dò.

“Nhà ở Mỹ là nhà của ngân hàng, có phải của mình đâu.”



Lúc đó, cô bé giúp việc mang một cái khay có hai cái ly và một đĩa bánh ngọt để lẫn với chocolates ra bàn. Phong vói tay lấy một cái ly cao đựng rượu rồi xoa xoa trong lòng bàn tay.

“Em sống thoải mái quá hả?”

“Đâu có.” Thụy phân bua, “Cũng ‘tay làm hàm nhai’ như ai đó chứ.”

“Chối chi vậy? Không có ai hỏi tiền đâu?” Phong khui rượu, rồi rót một chút ra hai cái ly, nâng lên mời mọc.

“Nè, cạn ly.” Chàng trấn an, “Rượu này là rượu nho, ngọt lắm.”

“Nhưng em không biết uống rượu.”

“Không biết cũng phải uống, nhấp một chút cũng được, mừng tụi mình tái ngộ.” Để làm gương, Phong nâng ly uống một hơi, rồi chúc ngược cái ly, không một giọt rượu nào rơi xuống.

Thụy cũng nâng ly và nhấp một chút, một mùi men hăng nồng xông tràn lên khoang mũi. Thụy sặc sụa, nước mắt chực trào ra. Trong thoáng chốc, bỗng dưng Thụy nhớ ra, cặp kính đen, cái bụng phệ, bộ ria mép cắt tỉa tỉ mỉ, mẫu người của Phong nàng thấy nhiều trên sàn giao dịch, trong những buổi đấu thầu, ở những câu lạc bộ chuyên ngành, ở những quán cà phê sang trọng, ở bar biếc, và cả những tụ điểm karaoke tối mò. Cái thói quen uống rượu ực một cái rồi giơ ly chúc ngược xuống, Thụy vẫn thấy người ta biểu diễn hoài. Mẫu số chung của họ là khả năng đánh hơi về tiền bạc và đàn bà rất nhạy.

“Em khá lắm.” Tự nhiên, Phong buột miệng. “Giỏi thật đó.”

“Giỏi cái gì?” Thụy hơi ngạc nhiên.

“Ngoài đời biết bao nhiêu người đói khổ mà ở đây vẫn đầy đủ, sung túc như thường.” Chàng nhìn Thụy vẻ giễu cợt, “Hay có ông nào take care em rồi, chứ gì?”

Thụy đoán, ý Phong muốn hỏi đến bạn trai, bồ bịch. Đa số Việt kiều đều nói độn, Thụy không lạ.

“Ai mà thích em chứ?”

“Nói dối.”

“Thật mà.”

“Anh không tin.”

Thụy ghét kiểu nói chuyện dăm dớ như vậy, nó giống như một cuộc tra hỏi, mà nàng là kẻ bị tình nghi. Nhưng mà làm sao để khơi chuyện xưa? Làm sao lôi Phong về khung trời kỷ niệm, thời của hai đứa, thời đồng cam cộng khổ? Cũng có thể Phong nhớ cái ngày chia tay, anh chàng khó nói vì bỏ đi một mình.

Rượu đã vơi nửa chai, mà Phong cứ tự rót lấy một mình. Hết ly này tới ly khác, nhẩn nha như người đọc ẩm. Hình như giữa hai người có một khoảng cách. Phong ước, chàng có cách xóa bỏ thời gian. Làm thế nào để chặt đứt cái khoảng hai mươi năm đi. Không có khoảng thời gian đó, chàng sẽ giống như xưa, đi mấy bữa trở về, rồi hai đứa dạo chơi và chia sẻ với nhau bất kể là chuyện gì. Nhưng bây giờ mới vài ba câu đã hết chuyện. Một sự im lặng ngọt ngào, giống như cò bị dòn vào thế bí. Không biết làm thế nào để hỏi mà không đường đột, tò mò quá. Thật ra, Phong rất muốn biết nhiều thứ về Thụy. Nghe bạn bè nói, mấy năm nay nàng phát lên nhờ địa ốc, nhưng đầu tư thế nào, nguồn vốn từ đâu, và có những dự tính chi, không ai biết. Tốt nhất, tìm cách nào để Thụy tự kể, như vậy tự nhiên hơn.

“Nè, anh đang uống rượu, không phải uống nước đâu?” Thụy gõ gõ mặt bàn, cười mỉm.

“Thượng Đế tạo ra cây nho.

Phải chăng đó là một tội?

Con người chế ra rượu nho

Để chôn nỗi buồn trong đó.”\*

Phong cất tiếng ngâm nga, tay vò vò cái ly không, miệng nở một nụ cười. Mắt chàng ướt, long lanh, cứ nhìn nàng không chớp.

“Anh nghĩ gì vậy?”

“Nghĩ tới ngày xưa.”

Phong đứng dậy, vươn vai, đi qua lại vài bước để lấy cơ ngơi xuống cùng một chiếc ghế dài

với Thụy. Phong nghĩ ra một thế gỡ, gọi chuyện với phụ nữ, không gì bằng đánh mạnh vào tình cảm.

“Em còn nhớ Thanh Đa không?”

“Cà phê Thanh Đa?”

“Ừ, bây giờ họ mở rộng, có hồ bơi và sân golf nữa.”

“Hồi xưa em hay ngồi ngắm những đám lục bình.”

Phong nhắc thêm, “Lúc đó, không có tiền, tội mình chỉ mua nổi một ly chanh muối uống chung. Nhớ không?”

Thụy chớp chớp mắt, cười. Phong thấy khi cười, đuôi mắt Thụy có dấu chân chim.

“Hôm nào có dịp mình lại đi nữa nha?” Phong rủ.

Thụy gật, “Anh thường ra đó à?”

“Mỗi lần về, anh đều tới đó.” Phong rút một điếu thuốc, gắn lên môi, “Mà tới cũng chỉ để ngắm lục bình thôi.” Mới nói, Phong đã thấy mình hớ, nghe nói sau này có nhiều ghe hút cát lậu dưới đáy sông làm vỡ kè, người ta đã kéo lục bình đi đâu mất.

“Thật ư?”

Trong lúc cảm động, Thụy sực nghĩ ra, phải khơi cho Phong nhớ về ngày xưa, nàng cố đánh thức một mối tình đang ngủ kỹ. Đây là lúc nổi lại sợi dây tình cảm. Nếu khéo léo, ít nhất cũng có thể nhờ Phong bảo trợ cho hai đứa nhỏ đi du học. Chắc chàng sẽ không từ chối. Thụy đứng lên đi về phía cuối phòng đến bên một chiếc tủ bằng gỗ trầm hương, bên ngoài chạm trổ thật tỉ mỉ. Thụy dừng lại mở tủ, rồi mang ra một xâu chuỗi có kết đá li ti, đã trở màu đưa cho Phong.

“Anh có còn nhớ cái này không?”

“À há?” Phong nhíu mày, nghĩ ngợi. “Nhớ chứ. Không ngờ em còn giữ tới bây giờ.” Chàng đoán mò, đây chắc là kỷ vật của hai người, nhưng tặng lúc nào thì không nhớ nổi. Chàng vội lái câu chuyện sang hướng khác.

“Về lần này, may nhất là gặp lại em.”

“Anh thường về nước lắm à?” Thụy lại hỏi. “Về mấy lần rồi?”

“Lần này là lần thứ năm.”

Thụy hơi thất vọng, về nước năm lần, bây giờ mới tới thăm mình. Nàng nghe người ta chế Việt kiều về quê, lần thứ nhất thăm mẹ, lần thứ nhì thăm cha, lần thứ ba thăm những người chưa từng gặp qua. Chắc bên này, anh chàng cũng có khối cô trẻ đẹp đang vây quanh.

“Bên này thay đổi nhiều, về xem coi có làm ăn gì được không?” Phong nói thêm.

“Anh có tính làm gì chưa?”

“Định làm địa ốc đây. Em có kinh nghiệm hay mối mang gì chỉ cho anh với.”

“Ồi chào! Nhà cửa đang tuột dưới giá vốn. Thị trường đóng băng, bây giờ anh nhảy vào làm gì?” Thụy ngạc nhiên.

Phong không trả lời mà hỏi tiếp, “Giá thấp là lúc mua vào, em có mua thêm căn nào chưa?”

“Có. Kẹt hai căn, từ đầu năm tới giờ vẫn chưa bán được.” Thụy chép miệng, thở dài.

“Hai căn giá bao nhiêu?”

“Anh hỏi làm chi?” Thụy nghi ngờ. Những người hỏi giá, mười người chưa có một người mua. Họ chỉ đi thăm dò.

“À, hóa ra anh đến thăm dò chứ đâu phải thăm em.”

“Không, không. Đến thăm thật mà. Hỏi cho biết vậy thôi.” Phong phân bua, “Nghe nói, bây giờ người ta mua nhà trên giấy, chỉ đặt tiền cọc rồi sang tay, vốn ít mà lời nhiều.”

“Xưa rồi, đấy là thời của mấy năm trước. Từ khi xăng tăng giá, cái gì cũng tăng theo nên nhà xây chậm mà lãi suất đến 19, 20 phần trăm. Bây giờ nhiều người còn phải bỏ cọc, chạy nợ đấy.”

Phong làm thinh, chàng nhắm tính. Hai căn nhà đã tân trang, cộng thêm cái nhà này. Đột nhiên Phong ngược mặt lên trần, chàng nghĩ ngợi. Với tình trạng này xoay một, hai trăm ngàn đô, với Thụy chắc không khó.

Thấy Phong có vẻ suy tính, Thụy khuyên.

“Thị trường ở đây bất ổn, nạn bê phái khiếp lắm, anh tính cho kỹ, đừng bước vào chốn ‘gió

tanh mưa máu' làm gì."

Phong gắn điều thứ hai lên môi, chàng rít một hơi dài, rồi chu miệng thổi những lọn khói tròn thành những chữ O đuổi nhau trong không khí. Chàng có cảm giác Thụy đang đề phòng. Có lẽ những người có tiền đều cẩn thận như thế cả, nhất là khi đề cập những chuyện liên quan. Một, hai trăm ngàn đô, một con số lớn hơn sự tưởng tượng. Ở nước ngoài, kiếm vài ngàn đô còn khó nữa là. Phong nhớ lại cái phòng trọ nhỏ xíu của mình bên Mỹ, những việc làm tạm bợ bấp bênh, những thất bại liên miên trong cuộc sống. Tất cả chỉ vì một chút sơ xuất, chàng uống rượu lái xe. Phong nghĩ, cái thằng cảnh sát cho chàng cái ticket DUI\*\* ắt cũng sẽ hối hận nếu biết chàng ra nông nổi. Ở Mỹ, không có hãng xưởng, cơ quan nào chấp nhận người từng say rượu lái xe. Càng không có người đàn bà nào chấp nhận người chồng triền miên thất nghiệp. Sau khi kiếm việc một thời gian, Phong nghiệm ra, có một người đàn bà là có tất cả. Muốn chinh phục họ, trước hết cần phải có bề ngoài.

Phong nhìn Thụy, chàng đang cố hình dung ra hình ảnh Thụy ngày trước để so sánh. Nhưng kỷ niệm ngày xưa đã chìm sâu đâu mất, không hiểu sao trong đầu chàng chỉ hiện hiện những bờ vai tròn trịa, những gương mặt búng sữa ở mấy cái quán karaoke. Dù sao người đàn bà này là người đầu tiên trong đời, vậy mà bao nhiêu năm chàng quên lửng. Bây giờ, trông Thụy già dặn và kín đáo, nhưng đường nét vẫn còn gọn, điều quan trọng là không biết tình cảm của Thụy thế nào. Nếu chàng nắm tay, không biết Thụy phản ứng ra sao. Dù gì, cũng phải thử. Chàng tin, với bản chất yếu đuối, không có người đàn bà nào không cần nơi nương tựa. Và lại, chồng mất đã lâu, chắc là Thụy cô đơn lắm. Nếu tái hợp thì khác nào 'nắng hạn gặp mưa rào'. Bạn bè chàng nhiều tên cũng đã lập 'phòng nhì' ở bên này. Nhưng mà bọn chúng đại, cặp với mấy cô trẻ đẹp giống như sắm một cái máy xay tiền, chỉ tổ mệt. Phong nhớ một câu đã đọc ở đâu đó, "Đàn bà chỉ hấp dẫn hơn khi người ta ngã vào cánh tay họ mà không rơi vào bàn tay của họ."

"Thụy này," Giọng chàng trầm xuống. Phong nhẹ nhàng nắm thử tay nàng. Bàn tay mềm, mát rượi như một giải lụa. Thụy e dè, nhưng nàng vẫn để yên.

"Gì ạ."

"Có thể xem anh như ngày xưa, được không? Có khó khăn gì, cứ nói. Nếu giúp được, anh sẽ giúp."

Thụy hy vọng, Việt kiều đa số đều rộng rãi, biết đâu Phong sẽ giúp nàng. "Khó khăn của em là hai căn nhà chưa bán được."

"Sao không đợi giá lên hãy bán."

"Không chờ được. Lãi suất bây giờ cao lắm."

"Cứ hạ giá nữa. Thế nào rồi cũng bán được."

"Hạ quá thì lỗ nặng."

"Đừng lo lỗ." Phong nói, "Anh có cách bù."

"Cách gì?" Mắt Thụy sáng lên.

"Đầu tư ở Mỹ." Không đợi Thụy hỏi, chàng giải thích, "Tự mình có thể mua nhà bên đó rồi cho thuê, lợi nhuận tính bằng đô, cao hơn nhiều."

"Nhưng nghe đồn, ở bên lúc này cũng bị khủng hoảng nhà cửa mà?"

"Tạm thời thôi, rồi kinh tế sẽ phục hồi."

"Em ở đây, làm sao mua bán bên đó?"

"Cứ tin anh." Phong trấn an, "Để anh mua bán giùm cho."

Thụy kinh ngạc, nàng nghe lầm hay Phong đang nói giỡn. Mua bán kiểu này có khác chi quảng tiền xuống giếng.

Tuy không ưa đề nghị của Phong nhưng Thụy vẫn làm thinh. Nàng nhìn mái tóc phồng của Phong đang lâm râm điểm bạc. Tuy nét trẻ trung không còn nữa, nhưng sự cường tráng của người đàn ông ở tuổi trung niên vẫn còn đó. Nhưng mà đâu rồi cái ngọn lửa nồng nhiệt của ngày xưa? Qua biết bao năm tháng, kỷ niệm đã mờ mịt, tình yêu cũng lụi tàn. Bây giờ hai

người ngồi đây như hai khúc củi ướt, khó mà nhóm lên một ngọn lửa nào.

“Có quen ai, hỏi dùm anh một trăm ngàn, được không?”

Mắt Thụy tròn xoe, nàng không tin vào tai mình, “Một trăm ngàn đô?” Phong chưa gạt, nàng đã kêu trời, “Một trăm ngàn đô, nhiều quá. Ở đây, đâu ai có nhiều dữ vậy.”

“Năm chục ngàn, có không?” Phong mau mắn, hạ giá.

“Cũng không có đâu.” Thụy lắc đầu nguầy nguậy, ánh mắt vẫn tròn xoe kinh ngạc.

“Anh trả tiền lời thật cao, 20, 25 phần trăm hay hơn nữa cũng được.”

“Thế sao anh không ra ngân hàng?”

“Viết kiều không vay được, mà đang cần gấp lắm.” Chàng nói thêm, “Anh có một số máy móc mới nhập về nên kẹt thuế. Đóng xong, lấy khỏi kho là có tiền ngay.”

“Em không có tiền, mà cũng chẳng quen ai.”

“Em không tin ư? Ngày mai anh dẫn em đi coi máy.” Phong cố gắng chứng minh.

“Vấn đề không phải tin hay không, mà là không có tiền.” Nàng nhăn mặt, khó chịu.

“Ráng xoay cho anh một ít, bao nhiêu cũng được.” Phong năn nì, “Giúp anh lần này, anh sẽ đền ơn em thật nhiều.”

Phong đề nghị, “Hay mình thế dỡ căn nhà này, được không?”

Thụy choáng váng. Nàng nhìn vào miệng Phong, hai hàng ria như hai con râu ngọ nguậy trên mép.

“Căn nhà này đã cầm rồi. Nợ từ đầu tháng đến nay vẫn chưa có để trả đấy.” Nàng cười khẩy.

Một sự yên lặng ngắt ngang câu chuyện. Hai người theo đuổi hai ý nghĩ riêng tư. Một bầu không khí tẻ nhạt đang tràn ngập. Bên ngoài trời đã tối. Ngọn đèn đường vàng vọt, lẻ loi. Trong nhà chỉ còn tiếng quạt trần kêu lè xè.

Thụy đứng lên, định vờ đi châm trà để vòng qua chiếc ghế bên. Thật chán ngắt. Và vô duyên. Bây giờ mọi cử động đều trở nên máy móc, đầy kịch tính. Nàng muốn tổng anh chàng đi như tổng mấy người khách chuyên môn đến dò giá.

Trên chiếc ghế dài chỉ còn một mình Phong ngồi, mắt lim dim như sắp ngủ gật. Được một chút, Phong mở mắt, ngơ ngác như không hiểu tại sao mình lại ở đây. Chàng đưa tay lấy ly trà ực một cái, trà nguội ngắt. Rồi tỉnh hẳn. Phong đứng lên, chàng vươn vai, ngao ngán, cảm thấy giữa đàn ông và đàn bà mà không đậm tình thì người đàn bà cũng chỉ là một người đàn ông nhỏ con.

“Thôi anh về.” Giọng chàng mệt mỏi.

Thụy cũng mau mắn, mời lời.

“Khi nào có dịp, anh lại ghé chơi.”

Nàng đứng vậy cho đến khi chiếc xe Phong khuất hẳn. Tự nhiên, Thụy mơ hồ có cảm giác như đêm chia tay của hai mươi năm về trước. Đó là đêm vĩnh biệt.

\* O.Herford

\*\* Giấy phạt tội say rượu lái xe

## Qua khe cửa



*Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế...  
“Đi. Đi qua. Đi qua nữa. Đi qua nữa. Nữa,...”  
Bát Nhã Ba La Mật Đa*

Ngày hôm đó là một ngày đẹp trời. Nắng vàng hanh và trên cao mây trắng trôi lang thang kết thành từng mảng lớn. Anh ngồi trước sân, lơ đãng ngắm giàn mướp vừa thả xuống vài trái. Mướp non, trái thon nhỏ, giống như những ngón tay xanh nõn trở xuống đất. Dưới giàn, mấy con ong vo ve lượn lờ quanh những búp vàng mới hé. Gió phơn phớt mát da. Ngọn gió Hè thơm thơm mùi cỏ cháy. Anh nhấp một ngụm cà phê. Hương vị tan loãng ngấm trong miệng tràn lên ký ức. Cũng trên cánh đồng trước nhà, đám cỏ gà này và tuổi thơ anh cùng lớn. Đám cỏ, anh có cảm tưởng cũng là đám cỏ cũ, thân thiết ngày nào. Và trăng sao, cũng trong vòm trời này, cũng đứng nguyên ở đó. Những tối khuya trốn ngủ, anh vùng chạy khỏi những trang sách đang đọc dở, thả mình trên cánh đồng này, ngược nhìn nghìn sao lá tá. Đêm lấp lánh rơi xuống trong anh. Rơi. Rơi mãi. Bây giờ thì tóc anh điểm trắng. Anh tin, đó là những bụi sao trời còn sót lại. Bất giác, anh định đưa tay phủi phủi mấy ngọn tóc lò xo, nhưng mấy ngón tay cứ lóng cóng thèm quen một điều thuốc.

Gần trưa, mặt trời bắt đầu đứng bóng. Mặt đường bốc hơi. Đất đá, sỏi cát... bồng mờ hoặc, lung linh như ảo giác. Con đường hình như đang mềm ra, ngoặt ngoẹo cố giữ cho còn là một đường thẳng.

Cả ngày hôm đó, hình ảnh ngay đơ của một vạch thẳng: thẳng đứng, thẳng ngang, thẳng xiên ám ảnh anh suốt. Làm thế nào để sống giữ mình như là một đường thẳng? Bữa cơm tối xong, anh vẫn còn loay hoay với chiếc đĩa trong tay.

Tám giờ tối, một chiếc SUV xích đồ trước ngõ. Một tốp công an áo vàng có vũ trang nhảy xuống xe, hối hả tràn vào nhà. Họ hỏi tên anh. Một người ra dáng chỉ huy móc trong túi tờ pháp lệnh, hấp tấp đọc. Anh sửng sốt với tội danh bị bắt. “Tuyên truyền chống phá thành quả cách mạng. Âm mưu lật đổ nhà nước Chủ Nghĩa Xã Hội.” Anh định cãi. Người công an chỉ huy gấp tờ pháp lệnh làm tư bỏ vô túi, dứt khoát bảo, mọi ý kiến về cơ quan sẽ giải quyết. Họ xét nhà. Thực ra, từ sau năm 75 qua mấy lần khám, căn nhà đã trống hoác từ lâu, nhìn quanh cũng không có gì để khám. Một vài cuốn vở không có chữ để trên góc bàn, kê sát vách. Một cây viết bi chảy mực gác trên mẫu giấy. Một hai người đi loanh hoanh, rờ mó cho có lệ. Họ liếc vô buồng, căn buồng ngăn nắp, trống huơ. Họ bước ra, cho phép anh thu xếp vài thứ vật dụng quần áo.

Khi đi ngang qua cửa buồng, anh nghe được hơi thở run rẩy của vợ, tiếng tim đập thình thịch cơ hồ muốn vọt khỏi lồng ngực. Đôi mắt ngó anh thất thần, chị lặc giọng hỏi, “Bây giờ, mình phải làm gì đây anh?” Anh cũng nhỏ giọng, thăm thẳm, “Cứ cho nhiều người biết. Càng nhiều, càng tốt.”

Những người công an bẻ tay anh, còng quặp sau lưng. Hai người cặp tay anh đi ra xe. Trời tối, hai bên đường đông nghịt, những người hiếu kỳ dạt vô lẽ. Anh cố tìm ra một gương mặt quen. Nhưng chịu. Ngọn đèn đường tắt ngúm, bóng tối đã bao trùm. Anh ngoái nhìn căn nhà

của mình. Mắt anh mở lớn như muốn thu hết hình ảnh ám cúng thân thương một lần cuối. Có phải đây là lần cuối? Có thể lắm. Mọi chuyến đi của anh đều là định mệnh. Mắt anh nóng hổi. Chuyện bị bắt lại lâu nay anh vẫn nghĩ tới. Tin đồn râm ran trong giới bạn bè mấy ngày nay. Nhưng đó là tin đồn. Điều bất ngờ nó tới với anh, mà lại tới quá sớm. Anh hầu như chưa chuẩn bị gì cả. Đột nhiên anh cảm thấy hối hận, tự trách. Đầu óc anh lan man loáng thoáng một vài địa chỉ quen. Anh tự rà lại mình, anh chẳng làm gì sai. Từ khi tù về, anh vẫn rập khuôn theo mọi quy định quản chế của địa phương. Không vắng nhà, không tụ tập bè bạn, không tuyên bố một điều gì, cũng không viết ra một câu thơ nào. Thơ, anh làm trong đầu, viết trong đầu, người ta không thể tìm ra một chứng cứ. Vậy, tại sao anh bị bắt? Cả trăm câu hỏi lảng vảng nhảy múa trong tích tắc. Khi chiếc xe lăn bánh, anh cố ngoái đầu nhìn lại. Có bóng người chạy lúp xúp theo khi chiếc xe lăn bánh. Chắc chắn, đó là vợ con anh.

Đoạn đường từ nhà anh tới trại biệt giam 3C Tôn Đức Thắng không bao xa. Đường xá Sài Gòn quen thuộc như trong lòng bàn tay. Nhưng chiếc xe công an cứ chạy vòng vo như nhằm đánh lạc hướng, họ định tung hỏa mù hay tránh những bất trắc nào đó. Xe chạy, mắt anh nhấp nhòm nhìn quang cảnh hai bên đường. Bây giờ là thời đổi mới. Buổi tối, thành phố sáng choang, tiếng nhạc xập xình phát ra từ những quán cà phê ồn. Anh vẫn mơ hy vọng, ước chi có một người qua đường nào đó thấy anh. Xe vẫn chạy lòng vòng. Anh cố gắng phác họa bản đồ tưởng tượng theo đường xe lăn. Tìm anh nhói khi nghĩ tới những trại tù, những mùa đông dài trôi nổi trên những núi rừng miền Bắc. Giờ này, chắc là những lán trại không còn ai. Những bạn tù xưa, kẻ vượt thoát, người trôi giạt lầy lất sống qua ngày. Cầu trời anh không bị bắt đi xa, hay ít nhất trong thời gian bị giam anh vẫn còn đâu đó trong thành phố. Còn ở đây, còn hy vọng. Ôi, cái thành phố của anh!

Mười Một giờ tối, xe dừng lại trại 3C Tôn Đức Thắng. Hơn hai tiếng đồng hồ quanh co trên đường phố, anh chuẩn bị trong đầu cả chục kiểu thăm vấn, điều tra. Sẵn sàng tranh biện những cáo buộc, áp đặt. Anh tự nghĩ, điều chứng minh duy nhất là họ không có bằng cứ. Bởi vì, bấy lâu anh chẳng làm gì cả. Mà trước đó thì anh cũng chẳng làm gì. Cả cuộc đời anh chỉ muốn đọc sách và làm thơ. Sách, anh đã ngưng đọc. Và thơ, chỉ làm ở trong đầu. Vậy có gì họ bắt? Dự kiến những tình huống tồi tệ nhất có thể xảy ra. Họ muốn thủ tiêu anh? Điều đó dễ ợt mà không cần phải bắt bớ.

Nửa đêm, họ lôi anh đi qua những dãy hành lang dài và hẹp. Xuống vài bậc thang, rồi tổng anh vô căn xà lim tối ám. Cánh cửa sắt bít bùng đóng sầm. Tiếng sắt nghiêng ken két để lại một âm thanh khô và lạnh. Một mùi hôi ẩm trộn lẫn những mùi khai nồng nặc đập vào mũi. Anh nín mũi và tập thở bằng miệng để quen mùi. Bắt đầu định thần, anh ngồi xuống quan sát. Căn khám nhỏ xíu. Đứng ra nó là phòng biệt giam cho những tội phạm nguy hiểm. Bốn bức tường xám ngoét. Trần thấp. Trên có một bóng đèn mù mù, ánh sáng không đủ để soi đường. Mấy con thiêu thân bay vo ve, bóng động đập bám vào ánh đèn.

Thời gian tích tắc trôi qua từng giây một. Anh dựa lưng vào tường, tay ôm túi đồ vào lòng để giữ một chút hơi ấm. Thời gian trôi qua lâu, rất lâu... Anh nhắm mắt, cố dỗ giấc ngủ. Mắt đã mỏi, tay chân rã rời, anh cần ngủ một giấc để lấy sức. Ngày mai sẽ là một ngày căng thẳng. Mắt nhắm, nhưng anh “thấy” rõ mồn một quang cảnh thăm vấn. Thần kinh anh căng cứng như một sợi đàn.

Hình như anh chớp mắt được mấy phút thì tỉnh dậy. Có tiếng xe chạy. Tiếng động cơ xình xịch nổ. Tiếng bánh xe nghiêng trên đường phố. Tiếng bước chân lẹp xẹp. Tiếng dép kéo lê. Rồi tiếng người. Những tiếng nói xa xôi, âm vọng đâu đó. Thi thoảng, anh nghe như không thật. Có thể đó là tiếng nói từ trong trí tưởng. Mà cũng có thể đó là tiếng rao của người hàng xóm ngoài ngõ nhà anh mỗi sáng. Anh lắc đầu, lắc mạnh như thể muốn hất văng những tưởng tượng bám rễ trong ký ức. Tiếng động phát từ trên cao không phải ngang mặt đất chỗ anh đặt chân đứng. Anh sức nhớ những bậc thang dẫn xuống xà lim này. Đích thực anh đang ở dưới mặt đất. Anh bị giam trong căn phòng này. Phòng biệt giam? Nó không hẳn là một căn phòng. Chu vi nhỏ

xíu, nền trắng xi-măng cũ kỹ, bốn bề kín mít. Mặt trước có một cánh cửa bằng sắt dày, có một ô cửa nhỏ vừa bằng nắm tay cài then bên ngoài để đưa cơm nước. Căn phòng hầm, âm mốc, thông thương với thế giới bên ngoài chỉ bằng một khe cửa. Anh phát hiện ra khe cửa khi trời sáng. Một đường kẻ dưới cánh cửa tù hờ với mặt đất chừng khoảng một đốt tay. Ánh sáng rục rở vạch nên một đường thẳng nằm ngang cũng ở bên ngoài.

Qua khe cửa, anh phát giác ra nhiều thứ không thuộc về thế giới bên ngoài. Ngày hay đêm, căn phòng vẫn tối ám. Ánh đèn tù mù trên trần chỉ đủ cháy đồ tim, chứng minh nó chưa tắt. Mấy con thiêu thân vẫn gắng sức bay vòng vòng không biết trời đã sáng. Anh đưa tay lần mò trên tường tìm chữ viết. Có thể trong số bạn bè anh có người đã từng bị giam ở đây. Hoặc giả, bất kỳ ai, bất cứ một cái tên nào, của ta hay của địch. Chỗ này từng là nơi giam những người tình báo hoạt động nội thành. Những dòng chữ của họ đâu. Trại 3C này anh không lạ, trước đây anh đã từng ra vô và làm việc ở đây. Nhưng chưa bao giờ anh ngờ mình bị trở lại với thân phận một người tù. Anh thở dài, nuốt nước miếng, cổ họng khô khốc. Anh đưa tay gõ gõ. Âm thanh như đọng lại trong bức tường. Không có tiếng phản hồi. Những miếng sơn mới khô rơi lả tả. Anh lấy móng tay cào gỡ. Chữ đâu? Anh mở lớn mắt tìm.

“...Ta nhìn lên những dòng chữ trên tường  
Viết bằng gạch, bằng than và hình như bằng cả máu  
Những phần nộ, quyết tâm, nguyện cầu, ký thác, than van,  
Ngày tháng năm, tên họ...  
Như những nỗ lực tuyệt cùng lưu hậu bản thân  
Đang khốc liệt đương đầu những bất trắc đập xóa,  
Như những mưu toan vô vọng ra khỏi chính mình,  
Trốn chạy dầy vò  
Của những người ở trước  
Nay về đâu?  
Ta cũng hình dung sau những lớp cáo chung với sơn chông cộm,  
Những lời lẽ tối tăm tương tự  
Cất lên từ những thời thế đã đi qua.  
Căn phòng này hồi trước nhốt Việt Cộng,  
Bây giờ nhốt phản động...  
Lịch sử đổi phiên người gác ngục...”

Anh cúi mình, ghé sát mắt qua khe cửa. Có nhiều tiếng chân đang đi tới. Anh ngồi bật dậy. Tiếng chân ngừng trước cửa phòng. Tiếng khóa lách cách. Tiếng rút then. Cửa bật ra. Cái vạch thẳng ngang dưới đất mở thành hình tam giác. Ánh sáng lùa vào. Anh nheo mắt vì chói. Người ta gọi anh đi thẩm vấn. Anh vuốt sơ quần áo, bước ra ngoài. Đứng bên ngoài anh mới thấy. Quả, phòng biệt giam là căn tầng hầm, hơn nửa nằm sâu dưới đất. Hèn chi, anh nghe tiếng động, tiếng người đi lại ở trên đầu.

Anh đi theo hai người mặc sắc phục. Bây giờ đã là trưa, không phải sáng. Vậy mà trong căn phòng đó anh cứ ngỡ trời mới sáng. Mặt trời ngay trên đỉnh đầu. Anh đập lên bóng mình mà đi. Anh đi chậm chậm, cố kéo dài thời gian để thở. Không khí trên này hình như loãng hơn, trong hơn và thơm hơn. Anh tham lam hít những hơi thật sâu để lùa oxy đầy nhóc hai buồng phổi.

Khu chỉ huy nằm bên trái. Họ đưa anh vào một căn phòng. Căn phòng này trước đây anh đã từng vô. Anh nhìn bàn ghế, đồ vật. Chịu, không thể nhận ra. Cách trần thiết chói chang bằng một màu đỏ. Lá cờ, khẩu hiệu, khung hình,... hết như văn phòng của những ủy ban phường.

Ban thẩm vấn gồm ba người. Một mặc quần áo dân sự, mắt đeo kính trắng, trông giống cán bộ văn hóa. Hai người kia mặc sắc phục. Họ kéo ghế, mời anh ngồi. “Cán bộ văn hóa” chia ra một gói Hoa Mai đang hút dở, mời. Một người khác rót trà, đẩy cái ly trước mặt anh.

“Đêm qua, anh ngủ ngon chứ?” “Cán bộ văn hóa” hỏi.

Anh nhấp một ngụm trà. Rồi ngụm nữa. Anh phát giác, cổ họng khô kinh khủng. Có uống hết một bình trà kia may ra mới đỡ khát.

“Tôi bị bắt vì tội gì?” Anh hỏi thẳng.

“Ồ kia, anh không biết sao?” Tên đeo kính nhếch mép, rút từ học bàn tờ pháp lệnh bắt giam. Hấn đọc. Anh ngạc nhiên, đây là tờ pháp lệnh mới, không phải là tờ hôm qua.

“Tội danh: làm thơ mạ lỵ, phỉ báng, chỉ trích Đảng và nhà nước.” Hấn rút trong học bàn một tờ giấy học trò chép tay. Miếng giấy nhàu nát, những dòng thơ viết vội.

“Ta nhật từng trang sách rách toang

Đưa ngu đã xé vút ra đường.

Ta gom từng hạt cây luân lạc,

Mong mỗi gầy lên một địa đàng.

... Bao giờ ta trở về dương thế,

Sống đáng vinh danh lại kiếp người,”

“Ngu? Anh chửi ai ngu?” Hấn lừ mắt nhìn anh.

“Đứa nào xé sách, đứa đó ngu.” Anh nói. “Lịch sử xưa nay chỉ có những kẻ bạo ngược như Tần Thủy Hoàng mới đốt sách, chôn học trò. Không phải sao?”

Hấn đặng háng lấy giọng, tăng lời lái sang chuyện khác.

“Tội danh 2: làm thơ tuyên truyền chống phá chủ trương chính sách nhà nước.”

“Sai. Cáo buộc vô căn cứ.” Anh phản đối, “Tôi không làm thơ tuyên truyền. Cũng không có câu nào chống phá chính sách chủ trương nhà nước.”

“Còn không ư?” Tên kính trắng lôi ra một trang báo ngoài nước, chỉ vào một bài thơ. “Bằng chứng đây. Chế độ luôn bắt đúng người, đúng tội.”

Cầm bài thơ đã được cắt ra từ một trang báo hải ngoại, tay anh run, bụng sưng rợn. Bài thơ anh làm dạo mới ra tù không biết ai truyền ra nước ngoài, đã đăng khắp nơi.

“Bài thơ này tôi chỉ nói lên cảm xúc của chính mình. Trong 124 câu, chẳng có câu nào tuyên truyền chống chính sách nhà nước.” Anh nói quả quyết.

“Cán bộ văn hóa cười khẩy, giật lấy bài thơ trong tay anh, chậm rãi đọc từng chữ.

“Mười năm, mặt xạm soi khe nước,

Ta hóa thân thành vượn cổ sơ.”

“Chế độ đã khoan hồng, thả anh ra. Vậy mà anh nhạo báng, chỉ trích chế độ đối xử khắc nghiệt biến anh thành vượn ư?”

Anh bật cười thảm, “Tôi không chỉ trích hay nhạo báng ai cả. Trong tù, tôi thấy mình giống vượn. Tôi nghĩ sao viết vậy. Có thể thôi.”

“Anh làm thơ phát tán ra nước ngoài. Liên lạc với ngoại quốc, thư từ chứng cứ chúng tôi đều có cả.” Tên kính trắng nói, “Anh hãy thành thật khai báo, sẽ được khoan hồng. Anh liên lạc với những ai?”

Họ đặt một tờ giấy trắng và cây bút bi Hồng Hà ngay trước mặt. “Anh khai tất cả vào đây.”

“Bạn bè viết thư gửi tôi, tôi không cấm họ được. Tôi không liên lạc với ai. Thư từ gửi tới các anh tịch thu cả. Tôi không còn gì để khai.”

“Hừm. Anh ngoan cố hả?” Tên đeo kính đập bàn, lớn tiếng đe, “Làm thơ chống chế độ. Liên lạc hoạt động gián điệp với nước ngoài. Âm mưu lật đổ nhà nước. Ba tội danh này, tội nào cũng đụng tới khung tử hình. Anh không đủ mạng để đền tội đâu.”

Anh giận dữ, la lớn, “Tử hình? Muốn tử hình, phải đưa tôi ra tòa. Các anh không có quyền hành xử bằng luật rừng.”

Một tốp công an lôi anh ra ngoài. Anh còn ngoái cổ, thách họ ra tòa.

Ra tòa. Anh tin, anh đủ sức tự bào chữa. Phải cố đòi ra tòa cho được. Không phải anh hy vọng ở tòa án của họ có một thứ gì khác. Nhưng ra tòa, anh tin anh có cơ hội. Cái cơ hội không bị thủ tiêu lạng lẽ.

Trở về căn phòng biệt giam, niềm tin lập tức biến mất. Bên ngoài nắng còn gay gắt, căn phòng vẫn tối mù mù. Nó giống như một thứ hầm mộ. Chui xuống đây, mọi tiếng động ngoài đời trở thành một âm hư xa lác. Có thể một tối nào tùy thích, dăm ba tên tràn xuống. Họ có thể bắn anh, đâm anh, siết cổ, đè đở thuốc độc. Một cái chết không gây tiếng động. Rồi lấp đất lại.



Nơi đây sẽ là huyết mộ của anh. Ai hay?

Qua vài lần thẩm vấn nữa, anh chợt hiểu. Ban thẩm vấn không phải đang điều tra. Họ tìm cách chụp mũ và cà khịa đủ thứ chuyện. Trong khi anh gân cổ tranh cãi bờ hơi thì họ nhếch mép cười. Những lý luận, nguyên tắc, quy ước, luật lệ,... đều vô ích. Họ nghe anh như vịt nghe sấm. Óc họ đặc nên không còn nghe ra một lý lẽ nào khác. Hay anh đang nói với những người không cùng tiếng nói. Khi nhận ra điều này anh ngưng bật. Lời nói bỗng vô ích. Trước mặt họ, anh đã là một người không tồn tại.

“... Tôi giật giành đồ máu với tôi  
Từng chữ một

Những tên cai ngục  
Ngôn ngữ bất đồng.

Với thứ linh hồn quốc cấm,  
Tội tù tội chung thân...”

Một hai lần sau, anh dùng chính cách của họ để đối phó. Anh kể lể những chuyện trên trời dưới đất. Và uống trà, uống rất nhiều. Khi những cuộc thẩm vấn đã trở nên vô bổ thì họ ngưng.

Mỗi ngày qua. Mỗi tuần qua. Mỗi tháng qua. Hầm mộ tối tăm như cổ mộ. Thời gian ở đây như đọng lại. Không khí đặc quánh. Mọi tiếng động đã trở nên huyền hoặc. Thế giới sinh động đang ở trên kia, loài người như ở một cõi xa xăm nào khác. Còn anh, mỗi ngày một đi sâu xuống địa huyết. Chính anh, đã lâu lắm rồi anh cũng chưa nhìn thấy mình. Anh đưa tay sờ mặt, râu tóc lờm chờm, da sần sùi, mắt sâu hoắm, môi nứt nẻ. Anh tưởng tượng mình giống như những người tiền sử, tóc cứng chân trần. Một xác chết còn suy nghĩ. Một xác ướp. Một Pharaong đang sống lại không ai hay. Đôi khi ngẫm nghĩ anh lại tự trách, trước đây mình đã lãng phí quá nhiều thời gian cho những việc không đâu. Anh đã làm gì trong lúc tự do? Hình như phần lớn anh chẳng làm gì cả. Anh không biết quý thời gian của chính mình. Bây giờ thì đã hết. Có lẽ anh sẽ kiệt sức và chết ở đây. Bốn bề vây hãm. Bỗng dưng anh rút nước mắt. Những giọt nước mắt nóng hôi hổi. Anh tự hứa với lòng, sau này nếu ra khỏi, anh sẽ dùng thời gian còn lại để thở, thở cho hết cái thứ không khí thơm tho trong lành ngoài đời. Anh sẽ đi nhiều hơn, sẽ nhìn nhiều hơn. Anh chợt ngộ ra, được đứng tự do ở ngoài trời thổi, cũng đã là một ân sủng của Tạo Hóa. Nghĩ lại, đột nhiên anh tự giận chính mình.

Hình như đã lâu lắm, lâu lắm, anh có một thói quen: gõ tay lên tường. Sáng, trưa, chiều, tối. Rảnh, anh gõ. Thức, anh gõ. Nhớ ra, anh gõ.

“...Ta ngồi dậy  
Và như một thói tật,  
Gõ gõ hỏi han  
Hai bên tường tả hữu.  
Có ai không?  
Không có ai sao?  
Ta khắc khoải chờ nghe  
Những tiếng động của người,  
Tiếng động nào bất kể,

...  
Bây giờ là mấy giờ?  
Ta ước lượng thời gian  
Như mò tìm một khe hở bất ngờ  
Trên trường thành dằng dặc những thiên thu...”

Bốn bề vắng ngắt. Một sự im lặng đặc sệt. Bây giờ nổi ao ước thèm nghe tiếng người lớn hơn tất cả. Anh khan giọng cất tiếng kêu, để lắng nghe tiếng của chính mình. Cổ anh nghẹn,

âm thanh ú ớ trong cuồng hộng. Anh dang hắng, lấy giọng, định đọc một câu thơ. Nhưng tiếng nói không phát được. Anh phát hoảng khi chợt nhớ, hèn chi, trong những truyện đường rừng, người ta hay mô tả những sơn nhân quên tiếng nói của mình.

Trại biệt giam 3C khá rộng, trại không dành riêng để nhốt chỉ mỗi một mình anh. Mãi về sau, anh nghiệm ra, người ta giam anh bằng bốn bức tường không khí. Cố cách ly anh với thế giới loài người. Không phải ngẫu nhiên mà họ lấy vôi sơn chổng chịt bốn bề. Không đọc được chữ. Không nghe tiếng người. Không tiếp xúc với ai. Họ không phải chỉ giam thân xác anh. Họ muốn cùm kín tư tưởng anh, triệt tiêu mọi cảm xúc. Anh như bị lưu đày ra giữa khoảng không vô tận, đầu óc chơi với không tìm ra điểm tựa. Người ta khiến anh sống đời sống thực vật, không còn suy nghĩ. Mục đích cuối cùng để anh không thể làm thơ.

Mùa mưa tới. Anh ngửi mùi không khí ẩm ướt. Trên kia, tiếng trời đất chuyển động. Gió lồng lộng thổi. Và mưa, bắt đầu tí tách. Nửa đêm có tiếng ếch nhái, ễnh ương hòa lẫn tạo thành một bản trường ca bất tận. Anh ngồi bó gối, kiêu ngồi bất động như đã từng ngồi đây suốt cả trăm năm. Mấy lúc gần đây anh chợt liên tưởng đến cái chết. Khi chết, mình ở trong tư thế nào. Chết ngồi bó gối, hay xác bỏ cong queo. Suy nghĩ vẩn vơ, anh nhìn qua khe cửa, lũ gián, chuột lội mưa lộp ngộp bò vô.

“...Ta nhìn theo  
Mấy con thằn lằn uể oải,  
Lũ gián ào ào,  
Con nhện bỏ trống lưới giăng xong,  
Bầy chuột phóng chạy...”

Anh cảm que nghịch chơi, khều con gián. Con gián khựng mình lại, rồi quày quả quay đầu. Chặn đầu này nó quay hướng khác. Đường đi trăm ngã. Còn người? Sao lẩn quẩn có một sự lựa chọn. Chết trong này hay sống ở ngoài kia? Thậm chí anh không có tự do như một con gián. Tự nhiên ra vào qua khe cửa. Còn anh, mỗi ngày chờ đợi người ta mở cửa, như chờ đợi một điều gì mới mẻ, lớn lao

“...Bao giờ cửa mở?  
Bao giờ?  
Lịch sử dường như đã ngắt là  
Sau những liên hồi vật vã điên cuồng...”

Mùa mưa dứt. Trời nổi gió. Anh áp tai xuống đất mà nghe gió quyện lên trời. Cuối năm, thời tiết thay đổi bất thường. Thân nhiệt anh tăng dần. Đầu nặng chịch, tay chân rã rời. Nửa đêm anh lên cơn sốt. Trong cơn mê sảng, anh nghe được còi tàu rúc về sáng. Tiếng rúc thê thiết như tiếng con thú trúng thương. Anh nhớ những con tàu quay đầu ra biển ngày xưa. Anh đứng trên boong, và vẫy. Trên bến, từng người tinh trông theo chào biệt. Nhưng mà trong mơ, anh kêu làm nhảm. Con tàu lướt sóng Trường Sa, rồi cất mình bay lên khỏi mặt nước. Anh ngược đầu nhìn. Đột nhiên con tàu rùng mình biến thành chiếc trực thăng. Ngó xuống dưới, “Bờ bãi hỗn mang, dòng bát ngát,” Phá Tam Giang, Phá Tam Giang đây mà. Người tinh áo trắng của anh đâu? “Chiếc trực thăng bay là mặt nước” Một tà áo lụa phát phơ. Anh cất tiếng kêu. Bóng trắng quay lại. Gương mặt thần chết với hai lỗ mắt sâu hoắm, giơ lưới hái, phá ra cười.

Có tiếng người đẩy then, mở ô cửa đưa cơm kêu vói. “Này, này. Dậy uống thuốc.” Anh lừ đừ chống tay, rồi ngã sập. Cơm chiều qua, anh bỏ. Cơm trưa nay, cộng với hai viên thuốc, còn nguyên.

Cả ngày hôm đó, anh nằm bất động. Lúc tỉnh, lúc mê, lúc mơ màng. Không lúc nào như lúc này, đầu óc anh dính chặt với cái chết. Chết bây giờ, dễ như lật một trang sách. Trang sách nào? Đời anh đã nghe qua biết bao tiếng lật những trang sách. Cái chết của những người lính. Của những người tù. Của bạn bè. Với anh là cái chết của một thi sĩ. Anh còn nhớ trong vở kịch Cuộc Chiến Thành Troy<sup>1</sup> của Jean Giraudoux<sup>2</sup> Màn cuối, khi quân lính tràn vào thành, kẻ chiến thắng giơ cao ngọn giáo đâm xuyên qua ngực người thi sĩ cuối cùng của thành Troy. “Thi sĩ thành Troy đã chết. Lời nói thuộc về thi sĩ Hy Lạp.”<sup>3</sup> Cái chết của người thi sĩ trong vở kịch trở

thành một nỗi day dứt bây giờ đang chực nghiền nát anh. Định mệnh ư? Chẳng phải anh đã từng ước ao được chứng kiến cái chết của chính mình. Với ước mơ, mình không phải là thi sĩ cuối cùng phe thất thế. Cái chết của anh, ôi mong sao chỉ là sự ra đi.

“... Ra đi như một bình minh lạ  
Trên kỷ nguyên chưa kịp hiện hình.  
Thi sĩ Bắc, Nam đều chết rạp.  
Ba trăm năm lịch sử làm thình...”

Những đêm liền anh mê sáng. Hồn phách lửng lơ ra vào giữa sống và chết.

Nếu chết đi. Anh đã quay lưng với cuộc sống. Như có lần anh đã quay đi. Nhưng mà ở phía nào? Trong cơn mơ anh loay hoay không định được hướng. Lòng anh nặng như núi. Hơi thở vẫn tự nhiên thổi vào hai buồng phổi. Tim vẫn đập, từng nhịp một như được điều khiển từ đâu. Có một điều gì đó khiến anh sống, vực anh nửa đêm đứng dậy.

“...Tháng tháng năm năm,  
Lòng như núi nặng.  
Ta đứng lên,  
Đi tới đi lui  
Trăm lượt nghìn lần  
Như một hồn ma cổ đại  
Trong hầm mộ muôn đời  
Vì một đôi điều sinh thời chưa thỏa nguyện.  
Ta cố nhớ giấc mơ  
Nhưng rồi không nhớ được.  
Ta nằm xuống,  
Dỗ mình hãy cố ngủ,  
Tập quen dần với giấc thiên thu.”

Cuối cùng, cái chết vẫn chưa đến. Cuộc sống vẫn thoi thóp chờ anh ở phía trước. Mà cái chết cũng chưa bỏ hẳn. Nó như đôi bạn đồng hành. Như chân phải, chân trái, đi song song mà rượt đuổi nhau. Như anh đã từng quay lưng với thực tại, với người yêu.

“...Sao đôi ta không cùng quay lưng đi  
Đến với rừng xanh, với núi đỏ,  
Vùi trọn giấc hoành môn,  
Không buồn trở dậy nữa.  
Đôi khi hạnh phúc ngợp trời cũng chỉ là một cái buông tay  
Nhẹ nhàng không nghĩ ngợi.  
Ờ, sao chẳng là cặp tình nhân thứ nhất trên trần gian  
Sẵn sàng đổi bỏ cả vĩnh cửu,  
Đạp vô thường đổ nát mà đi?  
Ờ, sao chẳng ở lại đây luôn  
Với rừng xanh, với núi đỏ,  
Đơn độc tột cùng  
Như con thú đã già,  
Chọn lấy cho mình một cách sống,  
Chọn lấy cho mình một cách chết?...”

Anh nghĩ đến Adam và Eva. Trước tình yêu, họ đã quyết định đổi bỏ cả cuộc sống vĩnh cửu, vô thường trong Địa Đàng. Sống ư mê sao bằng chết trong tình thức? Adam, Eva đã quyết định cho số phận của cả nhân loại. Con người từ đó đã thoát ra vòng kềm tỏa của Thượng Đế để tự định đoạt số phận của mình. Sống và Chết. Còn anh? Sao anh lại để số phận mình trong tay người khác?

Anh quyết định, anh phải sống. Anh còn nhiều việc phải làm. Những bài thơ chưa viết. Những bạn bè chưa gặp. Những cuộc tình chưa yêu...

Hôm đó là ngày thứ mấy? Anh cũng không nhớ ra. Điều đó, chẳng còn quan trọng nữa. Sau cơn bệnh, anh tỉnh hẳn. Anh thường ép đầu sát đất để hé mắt qua khe cửa. Một vệt đất sáng, tối, đậm, nhạt khác nhau giúp anh ước đoán thời khắc. Nó không làm anh thấy được thế giới bên ngoài, nhưng tâm anh thấy. Thần trí anh xuyên suốt qua bốn bức tường. Tư tưởng anh được tự do. Ký ức bay nhảy qua những miền không gian rộng mở. Anh còn nhớ, những đêm trăng trên ngọn Hoàng Liên Sơn đã làm anh bàng hoàng. Trăng đẹp lạ thường. Bóng rừng sáng rực dưới ánh sáng huyền hoặc của trời đất. Anh run rẩy trong sự xúc động, choáng ngợp trước vẻ đẹp lớn lao dị thường này. Trong phút chốc anh nhận ra mình như con chim núi trong câu thơ “Nguyệt xuất kinh sơn điệu” của Vương Duy. Trên đầu anh, và dưới, dưới chân anh nữa, vũ trụ bao la đang ôm ấp. Hàng triệu triệu vì sao lấp lánh. Và cả anh. Mỗi con người ví như một thiên thạch, một hạt bụi nhỏ nhoi nào đó đang vận hành theo quỹ đạo trong trời đất, và ngay của chính mình. Hạt- bụi- anh, tình cờ mà ghé qua đây. Tạm trú trên đời. Sống thử kiếp người. Vinh nhục khổ đau, hay yêu thương thù hận rồi cũng qua đi. Cuộc du hành đang còn ở phía trước, kể cả sau cái chết.

“...Ta đến đây

Bờ bãi hỗn mang  
Những di thể lên nắm lên rêu  
Của những gì một thuở huy hoàng,  
Làm khách tạm,  
Những chiều hôm nhìn lửa nhớ tiền thân.  
Nào phải chỉ đêm nay  
Mà hằng đêm  
Mà mãi mãi,  
Ta ngồi, đầu đắm trắng sao sa...  
Nào phải chỉ đêm nay  
Mà hằng đêm  
Mà mãi mãi,  
Lòng cời thao thức sáng âm u...  
Hành giả ơi,  
Gà lay tỉnh một mé rừng hư định...”

Rạng đông, trời đã dậy. Anh tưởng tượng mặt trời rải hồng trên bến cảng. Tiếng người xôn xao vắng vắng với gió sông. Anh bỗng vui vì anh còn sống. Ít nhất là tới hôm nay.

“...Trời dậy sáng

Như một lời nói mới.  
Hồng loang đám ruộng xa, hồng lên khóm tre cao,  
Mặt trời xao xuyên mọc...  
Ôi có hừng đông nào chẳng làm ta muốn khóc?  
Một ngày nữa xuống với đời ta,  
Vui biết mấy  
Và cũng buồn biết mấy.”

Anh nhìn những ngày “sống” trôi qua. Mỗi một ngày, mất một ngày. Mất vĩnh viễn. Không ai bắt giữ được từng giây, từng phút đang trôi qua. Trong không gian tù mù này, sự sống đang tuần tuột với. Anh lắng nghe tiếng thở của mình. Ngày hao hụt.

Bây giờ, mỗi sáng anh ngồi dậy, nhìn qua khe cửa, đoán những bước chân đi tới. Anh tin, mình từ một nơi nào đó. Anh ở đây. Và chờ đợi. Tù ngục này, cũng là một điểm đến, một điểm dừng, một nơi phải đi qua. Một lúc nào đó cánh cửa này sẽ mở. Cho anh tiếp tục cuộc hành trình.

“...Đời ta sáng mượn ánh tàn dư

Đến từ một hành tinh đã tắt nghỉ.

Cánh cửa lớn lao nào  
Mở ra và đóng lại  
Nhanh thật nhanh,  
Tường chừng không đóng mở.

Cánh cửa lớn lao nào  
Mở ra và đóng lại  
Kín như bưng,  
Tường chừng không có cửa.

Cánh cửa này, ta cũng sẽ đi qua.”

Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế...  
“Đi. Đi qua. Đi qua nữa. Đi qua nữa. Nữa...”

*Tháng 7-15-2010*

Chú thích:

Những đoạn thơ chữ nghiêng trong bài này được trích từ Thơ Tuyển Tô Thùy Yên xuất bản năm 1994 tại USA. Xin chân thành cảm ơn nhà thơ Tô Thùy Yên đã cho phép được trích dẫn.  
NTTA

1. Tên vở kịch “La guerre de Troie n’aurait pas lieu.”
2. Jean Giraudoux là kịch tác gia của Pháp (1882-1944), nổi tiếng với những vở bi kịch chiến tranh như “La guerre de Troie n’aurait pas lieu”, Électre, Ondine, Sodom and Gomorrah
3. Le poète troien est mort. La parole est au poète grec.

## Trăng trên đồi ma

*Hồn tử sĩ gió ù ù thổi  
(Chinh Phụ Ngâm)*

*“Ính lả ơi, sao noòng ơi,  
Khắp núi rừng Tây Bắc sáng ngời.  
Mùa Xuân đến ngàn hoa khoe cười.  
Ính lả ơi, sao noòng ơi.”*

Con bé ngồi vắt vẻo trên chiếc xe cút-kít chất đầy rau, vừa cật tiếng líu lo, vừa đong đưa hai cái chân khăng khiu ra chiều khoái chí.

“Ính lả ơi, sao noòng ơi.” Tiếng ca thánh thót ngân vang trên con đường vắng.

Con bé ngược mặt nhìn sao, chốc chốc lại cúi đầu chăm chú nhìn bóng mình dưới đất, rồi nó lại ngoái ra sau nhìn mẹ. Người đàn bà cứ im lặng, lằm lũi đẩy chiếc xe kêu lộc cộc.

Đêm trăng vàng vạc.

Con đường sáng trắng, thẳng tắp như một lưỡi dao rạch ngang hai vùng núi Đất. Bên này là núi Đất, bên kia núi Bạc. Lần nào ngang qua chỗ này, con bé cũng kinh hãi trở mắt nhìn vào một khoảnh rừng tối đen. Nó phát hiện, một mảng rừng đang rùng rùng di động.

“Ma. Ma.” Con bé phát hoảng, la lớn “Ma kìa. Mẹ ơi.” Nó rụt hai chân, sợ hãi bụm mặt rồi run rẩy cuộn mình như một con sâu.

“Suyt. Im nào.” Giọng người đàn bà thềm thì, bí mật. “Ma nào? Bộ đội đấy.”

“Bộ đội à?” Con bé bán tín, bán nghi. Nó ngẩng đầu, mắt mở lớn, dăm dăm nhìn vào rừng cây.

Sáu giờ chiều ngày 12 tháng 7 năm 1984, ba trung đoàn\* nhận lệnh chuyển quân. Theo kế hoạch tái chiếm, quân chia hai cánh men theo sườn đồi. Hai trung đội ém mình trong hai khoảng rừng rẽ ra hai hướng, đợi trời tối. Nông Văn Phương, Lò A Khén nguyên là những người thợ rừng chuyên nghiệp, dẫn đơn vị trinh sát đi đầu.

Men theo con đường độc đạo một khúc thì bắt gặp một vách núi đá, bám đầy rêu. Lưng chừng vách, một miệng hang nhỏ trông xa như tổ tò vò. Nhưng khi quăng dây leo lên, chỉ những người thợ rừng ở đây mới biết đó là một cái hang khá rộng, miệng thông lên tận đỉnh núi. Đúng nửa đêm, những đơn vị pháo binh ở hai cao điểm 500 và 800 sẽ mở màn bằng một trận mưa pháo. Đợi ngớt pháo, đội trinh sát ém trong hang sẽ đột kích từ đỉnh núi. Lúc đó, ba trung đoàn thiện chiến của 316, 336 và 356 từ chân núi sẽ đánh từ dưới lên, ép chặt từ hai cánh sườn Đông Tây. Ba mặt giáp công, tiêu diệt địch đóng trên núi bằng một trận tử chiến. Một đơn vị thiết giáp đóng dọc những tỉnh lộ phía Nam chốt ngay trên các hiểm lộ. Sâu trong các làng bản, những con sông con suối, những nương rẫy xa xa, các đơn vị dân quân cũng dàn ngang, đón lõng đám tàn quân.

Ngồi thù lù trong hốc đá đợi đêm xuống, Lò A Khén, miết mãi con dao rừng trong lòng bàn tay. Lâu lắm rồi hắn không có dịp sử dụng, nhưng con dao vẫn sắc, lưỡi bén ngọt, lụi rất ngọt. Xưa nay chưa có con thú nào vượt khỏi tay hắn. Cả ngày ngồi ém trong bia rừng, trong đầu hắn lóe lên hình ảnh những trận xáp lá cà, những ánh dao sáng lóe, một cái nháy mắt lúc đó cũng gọi là lâu. Trận tối nay là trận sinh tử, một địch mười. Kinh nghiệm chow hắn biết cơ hội rất mong manh. Phải thanh toán nhanh, một nhát một mạng. Hắn tưởng tượng ra những thế độc, lựa những chỗ hiểm, tấn công bất ngờ. Hắn xoay xoay đốc dao qua nhiều chiêu thế, đâm xóc, phập ngược, làm thế nào để chơi một nhát thật tận lực, địch chết không kịp kêu. Hắn nhíu mắt làm lý nâng dao ngang mũi. Tia nắng mặt trời bị cắt đôi qua sống dao, ánh sáng tím lịm tắt dần bên kia núi. Trời vẫn chưa tối hẳn.

Đêm đó trăng mọc sớm.

Trăng như một miếng ngọc trắng ngần treo lơ lửng giữa ngàn sao. Trời vẫn còn ửng tím. Mây lạt nhạt lảng ra xa như dồn lại phía sau lưng núi.

Mặt trời vừa khuất đã có lệnh tiến quân. Trung đội theo hàng một, bám sát nhau. Kẻ trước người sau, ôm súng lom khom. Mấy thằng vác bắp chuối<sup>1</sup> đi đầu, tiểu đội Tấn đoạn hậu. Đi sau cùng không có nghĩa là may mắn. Vừa đi vừa chạy tới nhưng mắt phải để đằng sau. Địch có thể đánh bọc hậu hay lọt vào ổ phục kích thì cầm chắc cái chết. Vũ khí nặng thường tập trung ở phía trước, phải khai hỏa bất ngờ để chiếm ưu thế.

Đêm ập xuống nhanh. Bóng đen dày đặc, phía trước đồng đội phóng rào rào. Những người lính vừa nương theo tiếng động, vừa theo lắng nghe động tĩnh phía sau. Trần Văn Tấn là người cuối cùng. Lâu lâu hắn rút lại một quãng. Vài người phải chậm lại chờ, kéo hắn mất dấu. Tấn quê ở Kiếp Bạc, vợ con bán vàng mã gần cửa đền Trần. Hắn tự hào, hắn là hậu duệ đích thực của Đức Thánh<sup>2</sup>. Trong đơn vị ai cũng nhạo, hàng triệu triệu người họ Trần bây giờ có ai không phải là hậu duệ của nhà Trần. Tấn ốm yếu, đánh chết cũng không có một miếng võ phòng thân,

nói ra thật hổ danh các tướng nhà Trần. Nhưng có lẽ ít ai biết, Tấn giỏi nhất môn nhịn. Nhịn đói, nhịn khát, và nhịn nhục. Tài nhịn của hắn không thua chi Hàn Tín<sup>3</sup> lòn tròn đời Hán. Mới đây, cả đơn vị đều chửi hắn một trận té tát. Trên đường chuyển quân, đơn vị đặc cách chow vài người được phép về thăm nhà. Trần văn Tấn là một trong những số ấy. Mấy năm xông xáo ở Cam-pu-chia, không biết làm thế nào hắn tích cóp sắm được một khâu vàng. Cái món trang sức quý giá mà cả anh và ả chỉ nghe qua những câu chuyện cổ tích chứ chưa bao giờ thấy được bằng mắt. Trong chuyến về phép, hắn định bụng sẽ mang về tặng vợ. Chẳng là ngày cưới hồi trước, hai họ chỉ uống nước trà và ăn bánh ngọt. Phần lễ vật trao hôn thì phải mượn cặp nhẫn bạc của người trong họ, “diễn” xong là trả. Còn bây giờ, vàng thật đấy nhé. Thỉnh thoảng, hắn vẫn ngồi một mình đầu đó, tay mân mê cái khâu, mắt lim dim mơ màng cái giờ phút thiêng liêng xỏ chiếc nhẫn vào ngón áp út của vợ. Chỉ vậy thôi cũng làm hắn sướng mê người. Nhưng rồi hắn về nhà không đúng lúc. Cái lúc định gõ cửa gây chow vợ sự bất ngờ thì chính hắn lại không ngờ. Ấy đang có khách. Khách là cái lão cán bộ Phòng Thu Mua Lương Thực. Cái lão này Tấn biết, lão vẫn xoay thóc chow vợ hắn mỗi khi. Vợ con Tấn chưa bao giờ phải ăn độn dù tình hình đang lúc tồi tệ nhất. Đêm đó, Tấn ngủ gục trước cửa nhà để chờ chow tới sáng. Cả tiểu đội phần nộ giùm hắn.

“Bây giờ cậu tính sao?” Cả đơn vị đều ủng hộ, họ hỏi. “Thịt nó hay cả đôi?”

“Phải tẩn lão một trận chow thật đã.” Nhiều người hăng hái.

“Dần nó như như cháo ấy.”

“Chow đi mò tôm mới đáng tội.”

“Không nên. Tĩa nó đi. Tĩa gọn hơn.”

Bầu không khí nóng ran. Chính trị viên đơn vị can.

“Bình tĩnh nào, các đồng chí. Tôi sẽ đưa vấn đề ra chi bộ. Tệ nhất cũng phải khai trừ ra khỏi Đảng.”

“Chỉ khai trừ thôi ư?” Cả bọn tức tối.

“Mất Đảng. Mất sổ gạo. Hắn sẽ sống giống như một con chó.” Chính ủy khẳng định.

Nhưng cuối cùng, cả bọn chững hững khi nghe Tấn ần ần một cách xuôi xị, “Thôi đi, chỉ tại con vợ em yếu lòng... Cảnh nhà bức bách quá nên mới thế...”

Có người trách hắn hèn, nhưng cũng có thể hắn đang nhịn. Những kẻ hèn không dám liều. Ở Campuchia có lần vì ham trao đổi linh tinh mà cả đơn vị lọt trúng ổ phục kích của bọn Pol Pot. Vậy mà lần đó, một mình Tấn đã liều mạng mở đường máu thoát thân chow cả đội.

Càng lên cao con dốc càng gập ghềnh. Rừng thưa dần. Trăng đã lên tự bao giờ. Từ lưng chừng núi, những mỏm đá cheo leo nổi bật dưới trời xanh. Cánh quân di chuyển âm thầm. Máy truyền tin cũng đã tắt từ lâu. Phóng qua một con lạch, trung đội trưởng dừng lại, khoát tay ra hiệu. Cả trung đội phóng theo ào ào. Nhiều người chạy tạt ngang, nấp vào sau một mỏm đá lớn. Mỏm đá có hình dáng một cái tai voi gie ra từ trong núi. Bên dưới có lổm đất vừa đủ chow cả mười người. Đây là vị trí đắc địa, một công sự thiên nhiên giống như trời đã vầy sẵn. Phạm Công Tạo, lưng vác củ chuối<sup>1</sup> nhấp nhòm lú đầu nhìn qua khe đá.

“Chặc, chặc,... Bọn khựa<sup>4</sup> đông nghịt.” Tạo đổi tư thế, chuyển B.40 lên vai.

Cả trung đội bắt đầu bò bằng khuỷu, ghìim AK, lựa điểm bắn. Hồng và Hà chọn một mô đất cao đặt khẩu đại liên. Họ bẻ một cành cây rậm lá gắn lên giá súng để ngụy trang. Vài người trong tổ súng máy khiêng những thùng đạn lom khom chạy tới.

Trung đội trưởng ra hiệu cánh quân dàn mỏng. Những ổ súng đã lên nòng. Những họng AK chĩa lên đỉnh núi, sẵn sàng khạc đạn.

Đêm Hè, gió lồng lộng. Những cành lá ngụy trang phấp phới. Dưới lùm cây những hơi thở nóng ran. Người ta nghe rõ tiếng tim đập thình thịch. Trên cao, vài con chim nghe động đập cánh chập chạng vụt lên. Tiếng côn trùng sột soạt đây đó. Thời gian nhích từng tiếng. Tích. Tắc. Tích. Tắc. Từng nhịp đều như ngưng đọng.

Mười Một giờ. Trăng hạ tuần sáng một màu xanh mờ. Ánh trăng như một thứ nắng đêm phơn phớt rải khắp núi rừng. Trong bóng tối, những cặp mắt đang mở lớn, những tia nhìn sắc mạnh như rọc suốt màn đêm. Các đơn vị xung kích vẫn nằm im. Họ đang chờ một trận pháo. Thần kinh căng thẳng đến tột độ.

Các trung đội trưởng chốc chốc lại rời vị trí, tạt ngang từng ụ, truyền khẩu lệnh. “Phải kiên nhẫn. Không được khai hỏa. Chờ pháo dập.”

Theo kế hoạch, sau trận mưa pháo, các tay B.40 sẽ thụt thẳng vào doanh trại, truy diệt những nơi pháo sót. Địch sẽ rối loạn hàng ngũ và tháo chạy. Đúng lúc đó, các tổ súng máy sẽ quạt mạnh, lia thật nhanh những chỗ dày đặc, tĩa bót mật độ địch. Các đơn vị xung kích lập tức sẽ đồng loạt xung phong. Từ trong mật động, cánh cửa Lò A Khén, Nông văn Phương sẽ đột kích từ đỉnh núi. Trên dưới đánh thốc, cùng ép địch vào giữa.

Trung đội trưởng Lâm văn Diên dặn, khi xung phong phải cố gắng hỗ trợ nhau, nên nhớ địch nhiều ta ít. Diệt 5 thì huề, diệt 10 mới thắng.

“Thế có tiếp viện không?”

“Không.” Trung đội trưởng trấn an, “Hai đơn vị thiết giáp đã chặn hai tình lộ. Đừng lo, một con ruồi Trung Quốc cũng không bay lọt.”

Nửa đêm, trăng treo ngay đỉnh đầu. Vẫn chưa có pháo.

Một giờ đêm. Không nghe động tĩnh.

Trên đỉnh núi, doanh trại địch mới dựng đài radar tạm thời, một ngọn đèn đỏ trên ngọn antenna liên tục chớp tắt không ngừng.

Lò A Khén thắt chặt cuộn dây chuyên dụng leo núi quanh dải túi giắt đồ nghề rồi bắt đầu mở đường. Vừa leo hấn vừa dùng búa đóng nêm gỗ gỗ vào vách đá vừa dỏng tai nghe ngóng. Gặp chỗ đá cứng, âm thanh cao và trong, hấn lần tay tìm khe nứt rồi quyết định chọn thứ nêm đóng hay nêm chèn. Hấn đóng nêm, cái nào cũng thẳng góc vách đá và sâu độ một tấc rưỡi, rõ đúng là một tay chuyên nghiệp.

Đội Lò A Khén lần lên đến gần cửa hang, Nông văn Phương mới bắt đầu leo. Mắc chiếc thang dây vô những chiếc khoen nêm, hấn trèo từ từ. Khi cả hai lọt thỏm vào hang thì trời đã tối sụp. Bên ngoài bộ đội trinh sát nối nhau từng người một, lần lượt bám mình trèo trên vách núi. Đồ đạc cùng những thứ vũ khí nặng được chuyển lên sau cùng.

Trong hang, ánh sáng từ chiếc đèn pin của Lò A Khén không đủ để soi đường. Quanh vách



động bóng của những người lính hiện lờ mờ thành những hình người khổng lồ bị biến dạng. Trên trần hang, những tai đá gie ra trông như những hình thù quái dị. Lòng hang ẩm ướt, rêu phủ đó đây. Khi tất cả đã hiện diện đầy đủ, họ tháo dây và soát lại vũ khí. Đường dẫn lên đỉnh dốc và trơn, Lò A Khén, Nông văn Phương dẫn đầu. Họ đi chậm như đếm từng bước. Tay bám từng tai đá, chân lừa từng ghè đất để bấu. Cả đơn vị nương thế nhau, vừa đi vừa chống. Đến Mười Hai giờ đêm, họ lên đến đỉnh núi. Lò A Khén nhìn thấy một mảng trời xanh thăm thăm trên đầu. Cỏ lùn phún thưa. Trăng ẩn đâu đó, ánh sáng không đủ làm hấn nheo mắt. Hai tổ đại liên ém ngay miệng hang. Đợi sau khi pháo dập, họ sẽ lú lên bất ngờ và quạt hàng tràng loạt đạn ngay sau lưng địch. Những người khác lùi lại phía sau.

Họ đang đợi pháo. Những đôi mắt thao láo mở lớn hết cỡ chăm chú nhìn về phía miệng hang. Một giờ đêm. Chưa có pháo.

Hai giờ. Vẫn chưa động tĩnh.

Lê Minh Hạnh ôm khẩu súng máy, mắt nhắm đếm những con dơi đang treo toong teng trước mặt. Cái giống này gớm ghiếc làm anh ghét, hình dáng chúng chẳng ra chim cũng không giống chuột. Nếu sau này có dịp quay trở lại, anh sẽ tiêu diệt không chừa một mống. Nhưng anh còn có cơ hội trở lại đây không? Anh tự hỏi mình. Tập kích từ trên đỉnh núi là chui đầu vô rọ, là làm cảnh tứ bề thọ địch, phải đánh phá vòng vây. Mười phần chết, nửa phần sống. Đây là nhiệm vụ tự sát. Anh đảo mắt nhìn quanh đơn vị, bây giờ còn đầy đủ, nhưng chỉ chốc nữa thôi sẽ có người sống kẻ chết. Đột nhiên anh xúc động, từng giây từng phút này là những khoảnh khắc sống đáng quý nhất. Có lẽ chỉ có người lính mới biết giá trị của sự sống khi phải đương đầu với cái chết. Hết nhìn anh em, anh lại đưa mắt nhìn lũ dơi đang treo ngược, có lẽ lũ dơi này sẽ sống thọ hơn bọn anh.

Nhiều người cũng định tranh thủ chộp mắt để lấy sức, nhưng không ai ngủ được. Trong giờ phút sinh tử, con người ta không còn sợ chết. Thỉnh thoảng, họ vổ vổ vai nhau như một lời ước thệ, chuyền chung một điều thuốc, trao đổi một ánh mắt. Cái cảm giác có chung một sinh mạng, thờ cùng một hơi, tim đập cùng một nhịp, nghĩ cùng một điều. Làm thế nào để giết địch nhanh, giết nhiều nhất? Trước khi chết, một mạng mình phải đổi lấy một trăm mạng khựa, thế mới hả. Lý văn Dĩnh sửa thế ngồi, ghi lại AK. Nguyễn Hữu Xuân cứ rờ rẫm bao lười lê như sợ nó tuột mất. Đình văn Thọ cứ dăm chiêu nhìn Võ Đình Bình. Cả hai cùng quê, cùng học cùng trường, cùng yêu một người. Mỗi tình tay ba chớm nở từ thuở nhỏ kéo dài chow tới sau này. Nhưng bây giờ Thọ ước chi anh có dịp nói chow Bình biết, anh quyết định rút lui. Trong tích tắc anh chợt nhận ra tình yêu không còn quan trọng nữa. Đòi người có những thứ lớn lao hơn. Có một cái gì đó đột nhiên thôi thúc anh phải nói chow Bình biết ngay lúc này. Một linh cảm bắt an? Của anh hay của Bình? Không biết nữa. Nhưng anh không thể nhảy nhồm lên, tiến lên chỗ Bình, nói một chuyện không đúng lúc. Cả người anh như thể cứ đóng đinh vào một chỗ, bất động trong sự nôn nóng.

Ba giờ sáng. Rừng đang ngủ.

Bốn giờ. Có một tiếng cú rúc lên trong đêm vắng.

Năm giờ. Rừng rặng. Mây bên kia núi rặng một màu hồng ửng.

Đột nhiên có tiếng âm ỳ từ xa như sấm dội. Rồi những ánh chớp lóe lên như xé toạc cả cánh rừng. Những quả cầu lửa không biết xuất phát từ đâu rót vào lưng núi.

Tiểu đoàn trưởng Phan Lạc Thu chết ngay trong loạt pháo đầu tiên.

Tiếp theo là những trận mưa pháo. Pháo dồn dập và dày đặc. Pháo nả vào các ghè đá, lùm cây, những lổm đất. Những tiếng nổ gần, chát chúa, xé thủng màng nhĩ. Xác người tung tóe, thịt da tan nát trộn lẫn với đồ đạc, lá rừng, đất đá và cây cỏ. Khói mù mịt, từng lùm khói như những tầng mây xám xịt phủ kín rừng cây.

Trời bây giờ đã sáng rõ. Nắng lên. Pháo vẫn rền trời. Tọa độ chính xác như chính “mình” đánh “ta”. Lại mất thêm một tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 3.

Trên trời những quả pháo rót xuống để lại những đường khói chưa tan chằng chịt như mạng nhện. Đại đội trưởng Trần Trung Hậu, trung đội trưởng Lâm Văn Diên vừa chạy, vừa tránh pháo. Nhác thấy bóng họ, những người bộ đội bật dậy tức tốc chạy theo. Họ dồn vào những chỗ pháo đã cày nát. Kinh nghiệm chiến trường chow biết, khó ai pháo một chỗ hai lần. Nhìn qua trận địa, biết ngay địch pháo theo lối rải thảm. Có lẽ kế hoạch tái chiếm núi đã bị lộ. Nhìn xuống chân núi, đây đó những vạt rừng bị đạn pháo róc gốc, xé toạc từng mảng. Rừng ngã rầm rầm. Cây cối đổ rạp, lăn tròn xuống dưới chân núi. Một ngọn lửa bốc cao rồi lan nhanh theo gió. Rừng cháy. Khói bốc mù trời, un tỏa vạn vật. Trận địa nóng kinh người. Lửa tạt mạnh, sức nóng hực lên da thịt. Những quả cối vẫn âm ầm như mưa trút. Đất đá rơi rào rào. Lẫn trong không khí, mùi nhựa rừng, mùi khét của thịt da cháy sém phà đi trong gió,...

Không chịu giam chân, “Xung phong,...” Đại đội trưởng Trần Trung Hậu vừa phát tay vừa quạt một tràng trung liên rồi xông lên phía trước.

“Xung phong,...”, “Xung phong,...” Những người bộ đội từng đợt, từng đợt, bật mình chạy theo. Họ vừa chạy vừa bắn như điên. Súng giạt bần bật, đạn lóe đỏ nòng.

Địch phản công. Hàng loạt đại liên trong các lô cốt nả đạn không ngừng. Trần Trung Hậu trúng một loạt đạn, thân ngã bật về phía sau. Toán bộ đội theo sau cũng chỉ tiến được dăm bước rồi lần lượt ngã gục. Xác họ nằm ngửa, mắt vẫn còn hướng lên đỉnh núi.

Phạm Công Tạo đang nấp sau một mô đất, điên tiết nhô người lên nhắm ngay công sự địch thụt một quả. Một tiếng nổ long trời. Lô cốt tanh bành, đất đá lẫn xác địch văng tung tóe. Hàng tràng loạt đạn bắn như mưa lên mô đất của Phạm Công Tạo.

Trung đội trưởng Lâm Văn Diên ra hiệu, “Ém quân.” Từng nhóm rải rác đây đó tìm cách tập hợp lại. Hồng và Hà cũng rê đại liên tới một hốc đá đã bị pháo nả toang hoác.

Cánh bộ đội trụ lại chờ đêm xuống. Buổi tối, lẫn trong bóng đêm họ sẽ mở một đợt tấn công khác. Trong khi chờ đợi, Lâm Văn Diên và Ngô An Huy, bộ đội truyền tin cùng lần mò các tần số để liên lạc. Nhưng mọi nỗ lực đều vô vọng. Mất liên lạc với bộ chỉ huy, tình trạng ở những trung đoàn khác cũng giống nhau, cùng tổn thất nặng.

Không đợi pháo nổ, Lâm Văn Diên đã vác súng chạy đi khắp nơi xác định tình hình. Có những tuyến không còn ai sống sót. Xác người nằm la liệt. Cả một vùng rộng lớn tan hoang, cơ hồ không còn một bóng cây nào đứng thẳng. Rừng cũng chảy máu. Vậy mà ở đây hàng ngàn

quả cối lẫn tên lửa đủ loại vẫn bắn tới tấp. Những tiếng nổ kinh hồn không ngừng như muốn toạc đôi quả núi. Thỉnh thoảng hàng tràng AK lại bật lên từng loạt lia ngang một cách băng quơ. “Không lẽ bọn khựa dư súng đạn đến nỗi muốn giết cả những người đã chết?” Ngực đau nhói, mắt cay sè, cố giữ bình tĩnh, Lâm văn Diên tháo ống nhòm đang đeo trên cổ ngắm lên đỉnh núi. Có bóng khựa nhọn nhíp, nhưng tình hình vẫn im ắng. Không hiểu cánh Lò A Khén ra sao mà tới giờ này vẫn chưa nghe động tĩnh.

Trong lòng núi.

Năm giờ sáng, ngày 13 tháng 7.

Khi nghe tiếng pháo đầu tiên rót vào lưng núi, Lò A Khén bật người dậy như chiếc lò xo. Cả trung đội cũng nhồm dậy, sóc lại súng ống, chờ lệnh. Lò A Khén nhón chân, vạch cỏ, nhóng mắt nhìn. Không thấy gì lạ, hấn áp tai vào khe núi. Lạ, sao tiếng pháo lại nhỏ và xa hơn dự đoán, đúng ra, nó phải nổ ầm ầm ngay trên đỉnh đầu. Nông văn Phương cũng áp tai vào lòng núi. Quả, nhiều tiếng nổ nghe như là tiếng dội đầu đó. Tiếng tên lửa tiem kích từ đâu réo lên từng tiếng sắc nhọn đâm vào lưng chừng núi. Đất dưới chân rung chuyển, đá sỏi lăn rào rào. Lò A Khén, Nông văn Phương bối rối nhìn nhau, khó đưa ra quyết định nào khi chưa xác định rõ tình hình. Trên chiến trường, một sai lầm nhỏ cũng gây ra những tổn thất lớn, đảo ngược tình thế.

Trong lúc còn đang lúng túng thì đột nhiên một đường khói chui tọt vào miệng hang. Ầm. Ầm. Những tiếng nổ long trời lở đất. Xác người bằm bằm ra thành từng mảnh. Đất đá trên trần rơi lộp độp. Miệng hang sụp một mảng lớn. Đất đá, cát bụi, da thịt và khói quyện vào nhau cuộn cuộn bốc lên. Lửa phụt mạnh. Cái hang đồ rực. Một sức nóng phân phật thiêu đốt mọi vật. Khi những cột khói chưa kịp thoát lên khỏi miệng hang thì những quả B.40 thứ hai, thứ ba lại liên tiếp phóng vào. Những tiếng nổ ầm ầm rung chuyển nguyên quả núi. Cái hang cơ hồ bị bẻ ra từng mảng. Trong phút chốc, ngọn lửa hung hãn liếm quanh trên miệng hang. Những đám cỏ khô cũng bắt đầu bốc cháy.

Đến chiều, lửa tắt, chỉ còn lơ thơ vài ngọn khói lơ dểnh bay lên. Bên ngoài, một toán lính Trung Quốc vẫn đang chực sẵn cả chục khẩu AK sẵn sàng nhả đạn xuống miệng hang.

Đình văn Thọ còn thờ. Hơi thở nặng nhọc ngắt đoạn từng khoảng. Anh rướn cổ cố hít thật đầy không khí vào hai cuống phổi để thở vài hơi thật dài. Cái đầu nặng trĩu, thần trí chập chờn nửa mê nửa tỉnh. Khi tiếng nổ đầu tiên phát ra, một sức đẩy khủng khiếp đã bắn anh văng vô vách núi, đầu đập vào một vật gì đó khiến anh bất tỉnh. Lúc mở mắt, lửa vẫn còn âm ỹ, mùi khói mùi khét đặc quánh trong không khí. Qua bóng tối lơ mờ, anh định thần quan sát, không gian bất động, một sự im lặng kỳ lạ. Anh cất tiếng kêu nhưng cổ họng bị nghẹn, miệng mồm khô khốc bật thành những tiếng rên. “Không lẽ mọi người đã chết hết rồi ư?” Anh định chỗi tay ngồi dậy nhưng đột nhiên phát hiện, anh không điều khiển được tay chân, thậm chí anh không có một cảm giác nào liên hệ với tứ chi. Anh cố gắng trở mình nhưng hoàn toàn bất lực. Chỉ có cái đầu, đúng hơn là bộ não còn hoạt động. Anh biết mình bị thương rất nặng, máu đang chảy ngược ra ngoài. Anh đếm từng hơi thở của mình, cái nào là cái hơi thở cuối.

Anh lại tỉnh dậy, không biết đây là lần thứ mấy. Bóng đêm đen ngòm tràn ngập chung quanh.

Trên cao, một mảng trời xanh trong vắt in rõ hình cái miệng hang. Cửa hang hẹp và nhỏ chỉ vừa lọt một người, bên ngoài phủ đầy cỏ. Sự nghi ngờ chột lóe lên trong đầu, làm thế nào địch bắn ba quả đều lọt cả ba? Không thể nào có một sự chính xác ngẫu nhiên đến thế. Có lẽ bí mật quân sự đã bị lộ. Cũng có thể địch đã biết rõ trước khi ta đổ quân. Và bọn anh đã bước vào trận địa như chui vào cửa tử. Anh không muốn chết, nhưng cái chết đang xâm chiếm trên mình mảy như vết dầu loang. Trong tích tắc cuộc đời anh vụt về như một khúc phim. Hình ảnh mẹ anh và những ngày thơ ấu bên con sông Đáy thoát hiện như mới hôm nào. Rồi nhập nhằng giữa vô vàn ký ức là hình ảnh Nụ, cô bạn học anh và Bình cùng yêu. Ôi, trời ơi! Không có ai báo tin Bình đã chết. Không có ai báo tin chow mẹ của anh. Mọi anh mấp máy, đôi tai lùng bùng nghe rõ những tiếng kêu thảm thiết của chính mình. Mẹ ơi! Ôi, Mẹ ơi!

Đêm đó, khi trăng vừa khuất qua khỏi cửa hang thì anh trút hơi.

Nhưng Đinh Văn Thọ không phải là người cuối cùng chết trên cao điểm 1509.

Bên ngoài, lúc trời vừa chập tối, các đơn vị bộ đội từ nhiều hướng khác nhau mở những đợt tấn công lên đỉnh núi. Nhiều công sự địch bị phá tan, nhưng với quân số ít ỏi, những mũi xung kích mỏng không có yểm trợ đã lần lượt ngã xuống.

Lâm Văn Diên, Phạm Công Tạo, Trần Văn Tấn, Hồng và Hà,... ngồi chụm đầu bên Ngô An Huy đang cố mò mẫm chiếc máy truyền tin. Không liên lạc được, từ chiều hôm qua nó chỉ độc phát ra những tiếng rè rè.

“Đừng bỏ công nữa.” Hồng và Hà vụt đứng dậy, bực tức hét, “Quảng cái cục sắt ấy đi chow rảnh nợ.”

“Trên đã cầm cả rồi ư?” Một vài người bộ đội mới nhập bọn bực tức đá bừa mấy chiếc vỏ đạn lăn lóc dưới chân.

“Đứt liên lạc với tổng đài.” Ngô An Huy thở ra, “Có lẽ đường dây đã bị cắt.”

“Họ bỏ rơi chúng mình ư?”

Không có ai trả lời. Một khoảng im lặng đến nín thở.

Thời gian trôi qua rất lâu.

Tiếng trung đội trưởng trầm ngâm. “Không có yểm trợ, chúng ta tấn công tức là tự sát.”

“Không tấn công cũng là tự sát.” Phạm Công Tạo thì thào.

“Chúng ta không có cách nào rút lui ư?”

“Không.”

“Có vượt qua được khu pháo dày đặc cũng sẽ bị địch chặn dưới chân núi.”

“Đàng nào rồi cũng chết.” Có người thở dài.

Đó đây tiếng pháo vẫn âm ỉ như tiếng sấm dội về. Những cột lửa phụt ngược lên trời rải những tàn tro bay lả tả. “Tạch, tạch, tạch... ùng.” Giữa rừng đêm, lâu lâu lại bật lên những tiếng súng lẻ loi không định hướng.

“Đánh đi.” Có ai đó lên tiếng.

“Phải, phải.” Nhiều người tán đồng. “Đánh đi.”

“Có chết cũng phải chơi một trận chow ra trò.”

Trung đội trưởng cầm một nhánh cây vạch một đường ngang dưới đất, rồi ngửa mặt lên trời

suy tính. Gom hết mọi người ngồi đây cũng chưa đủ hai chục, không tới một trung đội, tấn công thì tiến được mấy bước, phá bao nhiêu tuyến, giết bao nhiêu địch? Có lẽ chẳng bao nhiêu, con số có thể ít hơn số người bên ta. Không, không thể như thế được. Mỗi tấc đất Việt Nam phải bắt chúng trả bằng xương máu. Một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu.

Theo lệnh trung đội trưởng, mọi người túa ra tìm mìn và gom đạn được. Họ gài mìn dọc theo con đường chính mà quân xa hoặc xe tăng địch sẽ lên xuống. Gài mìn xong, trăng đã quá bóng. Mọi người thở phào tự kiểm chow mình một chỗ nghỉ chân. Lâm văn Diên mò mẫm mãi mới rút được một điều thuốc ra châm. Điều thuốc cuối cùng cong vồng như một ngón tay thương tật. Anh lật bật rít một hơi dài rồi chuyển tay nhau. Anh ngậm môi, hơi thuốc dồn lên trên não rồi ém xuống xông đầy hai cánh mũi. Chưa có hơi thuốc nào hút ngon như hơi này. Anh thèm làm thêm một hơi nữa, một hơi cuối cùng rồi thôi, nhưng đóm thuốc đang lóe lên và chuyển ra xa. Anh phóng mắt cố nhìn hết con đường hun hút dẫn xuống chân núi. Dưới ánh trăng, khúc đường lồi lõm bầm xói như một đường cày vung. Bọn anh đã gài vội quá. Bây giờ chỉ còn hy vọng sau khi chiến trường kết thúc, với niềm vui chiến thắng, kẻ địch sẽ bắt cần. Anh tưởng tượng đến cảnh những bánh xe cán lên những kíp mìn, đoàn quân xa nổ tung, xác giặc bắn khắp nơi. Một cách diệt địch sau khi đã nằm xuống. Anh chỉ tiếc số mìn không đủ để chôn một quãng dài hơn.

Khi trời gần sáng thì cả nhóm quyết định tấn công. Trăng cuối trời nhàn nhạt, ánh sáng hòa lẫn với màu mây. Họ đoán đây là lúc địch mỗi mệt, ngủ say nhất. Tiếng pháo bấy giờ cũng thưa dần.

Để bắt đầu đợt tấn công, Lâm văn Diên không hô xung phong, anh chỉ lặng lẽ khoát tay. Từng người từng người lom khom ôm súng chạy lên phía trước rồi nấp tạt vào một gốc cây. Họ tiến từng gốc rồi từng gốc. Chạy lên một đồi, trại địch hiện ra rõ dần. Trên cao, những họng pháo đen ngòm hung hiểm nổi bật giữa trời xanh. Đỉnh núi lấp lóe đỏ rực một ngọn đèn chớp tắt. Phạm Công Tạo nhắm thật kỹ rồi khai hỏa. Một trái B.40 phóng ngay vào giữa đài radar. Một tiếng nổ kinh hồn phát ra, lửa cuộn cuộn bốc lên theo một lùm khói đen lan rộng.

Trại nhốn nháo. Lính Trung Quốc đổ ra đông như kiến.

Súng nổ. Tạch, tạch, tạch, tạch,.... Từng tràng đại liên giòn giã không ngừng.

Lâm văn Diên trụ lại trong một cái hố. Súng của anh giật rung bần bật. Cái nòng khạc ra lửa đỏ rực liên hồi. Anh bắn như điên, hai tay tê rần, nhiều lúc có cảm giác cái nòng súng nóng đến nổi mềm ra và sắp quật xuống đất ngay.

Tới lúc tia nắng đầu tiên lấp lóe qua đợt cỏ, tiếng súng hai bên đã ngơi, anh nhấc chân trườn lên mới hay vỏ đạn lấp đầy đôi chân. Anh bò đi, kiểm điểm cả bọn, nhóm chỉ còn lại sáu người. Mọi người tập hợp bên Lâm văn Diên trong một hố pháo mới. Phạm Công Tạo, Ngô An Huy, Trần văn Tấn, Võ Hồng và Lê văn Hà bê theo một số đạn mới thu.

Chỉ trong phút chốc thì trời sáng rõ. Có tiếng loa kêu gọi đầu hàng trên núi vọng xuống. Bọn khựa kêu bằng tiếng Tàu lẫn tiếng Việt.

“Này, đầu hàng không?” Có tiếng hỏi.

“Không bao giờ.”

“Tôi cũng không.”

“Còn đạn còn bắn.”

“Minh sẽ bắn tới viên đạn cuối cùng.”

“Chết bây giờ là còn được chết trên đất Việt Nam đấy.”

“Có nhìn lên trời thì bầu trời này cũng của Việt Nam.”

Họ nắm tay nhau rồi bắt chợt vùng lên, ôm súng chạy về hướng loa.

“Tạch, tạch, tạch, tạch...”

Họ bắn nhưng không còn để ý nghe tiếng súng. Bên tai, ngọn gió mai phấp phới. Gió tràn lên mặt, mát rượi. Bất giác, họ cùng quay mặt về một hướng. Sau những hàng cây, mặt trời lấp lóa như dát bạc. Trong nháy mắt họ nhận ra, chỉ có nắng là đang sống, sống vĩnh cửu. Tất cả ánh sáng chói lòa đang lùa ngược về phía họ.

xXx

Nửa khuya, trăng vắng vắng, bóng hai mẹ con người Tày rọi xuống mặt đường. Đêm vắng lặng. Con bé người Tày đồng tai nghe. Có tiếng hát vắng vắng hòa lẫn tiếng rừng âm u từ xa đưa lại.

“Đường dài hành quân xa.

Đi khắp non sông nhà

Ngày ngày quàng trên vai

Ba lô và cây súng

Chân băng qua gió mưa

Đầu đội trời sao thưa...”<sup>5</sup>

“Mẹ có nghe gì không?” Con bé nín lấy áo mẹ, sợ hãi, “Hình như có ai đang hát.”

“Đừng sợ.” Người đàn bà vẫn lầm lũi đẩy xe. “Bộ đội đấy mà.”

Con bé len lét ngó về phía núi. Núi chập chùng. Những ngọn đen sừng sững nổi bật giữa trời trăng. Bỗng nó giật mình, dụi mắt liên tục, dăm dăm ngó. Từ trong những mảng rừng thâm u lấp lóa những tia chớp sáng rực giật tắt liên hồi. Không phải sấm sét, không nghe trời gầm. Con bé kinh ngạc quá đổi.

“Mẹ ơi.”

“Đừng sợ. Súng bắn đấy.” Mẹ nó trấn an. “Người ta chỉ pháo vào núi thôi.”

“Nhưng họ đã chết hết rồi mà.”

“Những người chết oan, linh hồn không siêu thoát. Mỗi ngày họ đều sống lại cái ngày cuối cùng của họ.”

“Mỗi một ngày hờ mẹ?”

“Ừ, mỗi một ngày.” Người đàn bà thở dài.

Hai mẹ con dừng lại đứng nhìn. Trên cao những bông lửa vùn vụt bay ngợp trời rồi rơi về hướng núi. Mãi lúc gần sáng có một bông lửa bay lạc ra ngoài. Con bé sợ hãi giơ hai tay che lấy đầu. Nhưng khi lửa rớt phụt xuống, sáng hôm sau người ta thấy tàn tro phủ trắng cả một khúc đường.

xXx

“Dongfang hóng, taiyáng sheng  
Zhongguó chu liao ge Maozedong5....”

Đây là Đài Tiếng Nói Công Hòa Nhân Dân Trung Hoa, buổi phát thanh trên làn sóng... ”6

Mỗi buổi chiều, tiếng loa phát thanh đặt ở trên đài radar trên đỉnh núi cứ bật ra những tiếng nói nhõa nhoét. Âm thanh bị gió cuốn hòa loãng trên không. Tiếng còi, tiếng mát,...

Khi mặt trời khuất sau lưng núi, bóng tối bắt đầu phủ đều lên những dải rừng. Gió bắt đầu thổi mạnh. Gió thốc qua từng hẻm núi, đuổi nhau trên những ngọn rừng. Núi bấy giờ sừng sững một màu đen. Ánh trăng như một thứ nắng đêm làm bóng tối trở nên lấp lánh.

Từ trên triền núi, bóng rừng lay động, những đoàn quân di chuyển chập chờn. Bóng họ loáng thoáng, nhẹ như hơi, bay là đà trên đất.

“Các đồng chí ơi! Gượng đã.” Những bóng đen đang nằm la liệt bên đường bỗng đứng bật dậy. “Chờ tôi với.”

“Đừng vội.”

“Phải, đừng vội. Tới khuya cũng chưa có pháo.”

“Sáng mai, khi trúng loạt pháo đầu tiên thì mình lại sẽ ngã xuống ở chỗ này này.” Phan Lạc Thu chỉ ngay một chỗ gần đó.

Nhưng, những chiếc bóng lại không ngừng lại. Họ vẫn tiếp tục lao mình về phía trước.

Trời càng tối, gió càng lớn, những luồng khí lạnh dưới các khe rãnh nương theo gió đông cứng núi đồi. Từ các hẻm núi, sương bốc lan dọc theo triền xanh xóa nhòa vạn vật. Gần nửa đêm, sương muối rắc lên cây cỏ một màu băng giá lóng lánh.

“Ôi, lạnh quá.” Có tiếng răng đánh lập cập.

“Bọn mình thì lúc nào cũng nóng như thiêu đây này, bất kể là thời tiết nào.” Vài bóng người loạng chạng ngã xuống rồi nằm lại ngay khoảnh đất bị cháy sạm.

Trên bãi pháo xưa, những mảnh vỏ đạn nằm ngổn ngang, vài quả tên lửa han rỉ vẫn còn cắm sâu trong đất. Trời lạnh, đất thờ hơi sương, nhẹ nhẹ tỏa lên vài làn khói mỏng. Trăng nhợt nhạt, tai tái một màu ma quái.

“Màu trăng ở đây y như trăng ở quê mình sau mỗi đêm mưa ấy.”

“Ôi, nhớ nhà quá.”

“Mình nhớ mẹ đến thất ruột.”

“Trước khi đi, tớ đã hứa kỳ phép tới sẽ lượ lại chái bếp chow nhà. Thế mà,...”

Đột nhiên, cả bọn ngưng bật. Có một bóng đen mãi miết đi về phía trước. Tới những xác người, hấn cuối xuống lật dò từng mặt một.

“Ai thế nhỉ?” Cả bọn ngạc nhiên.

“Tạo đấy. Phạm Công Tạo của đơn vị mình đấy.” Trần văn Tấn nhíu mắt nhìn kỹ, rồi xác định.

“Hấn làm gì thế?”

“Tìm người quen. Anh ta muốn gửi một ít đồ tiêu chuẩn về chow mẹ ấy mà.” Tấn giải thích.

“Ước mơ của cả nhà hấn là gói được một cái bánh chưng thật ngon để cúng bố. Nhưng năm

nào cũng vậy, khi có đường lại thiếu đũa, lúc có đũa lại thiếu đường.”

Cả bọn im lặng nhìn về phía trước. Bóng Tào xa dần, một lúc thì mờ hẳn.

Không bàn về Tào nữa, họ quay qua Tấn.

“Tấn này, mình vẫn không hiểu tại sao cậu “tha” chow lão ấy được?”

“Lão nào?” Tấn hỏi lại.

“Thì cái lão Trường Phòng Lương Thực, cái lão tăng tị với vợ cậu ấy.”

“May chow lão, bọn mình chưa kịp dạy chow lão một bài học.” Có tiếng chặc lưỡi, tiếc rẻ.

“Thôi đi. Đòi bộ đội, không nằm lại chiến trường này thì cũng nằm ở chiến trường khác. Mất em, giờ trăm sự đành nhờ lão.” Tấn tỏ vẻ an phận.

“Cái thằng này, đúng là nhịn chow tới chết?”

Nửa đêm, trăng đội đỉnh trời. Ánh vàng vằng vặc rớt lên kẽ lá. Sương cũng bay ra từ những hang hốc, hơi bốc như mây, giăng mắc khắp nơi.

Từ trên đỉnh núi có những bóng người men giữa đám cỏ lao lẩn mò đi xuống. Thành thạo họ dừng lại sục sạo, rồi giơ những cái móc sắt vút vào những hốc đá trời sụt dưới chân.

“Không phải cái hang này.” Có ai đó lên tiếng.

“Cái kia cũng không phải.”

“Không lẽ chúng ta lạc đường?”

“Chúng ta đã nhầm hang rồi.”

“Không phải. Bọn mình nhầm núi đấy. Nghe nói, núi này tên là Lão Sơn.”

Có tiếng gắt khẽ, “Lão Sơn là tên tạm chiếm, trước là núi Đất đá. Lò A Khén, Nông văn Phương sinh đẻ ở đây đấy. Nhầm thế nào được.”

Một đợt gió bỗng nhiên tạt mạnh. Cả bọn lúi húi thụp mình, kéo cao cổ áo.

Khi bóng họ sắp khuất sau sườn núi, có tiếng kêu vói theo, “Các đồng chí ơi,...” Âm thanh trượt dài trong gió.

“Suyt, suyt...” Lâm văn Diên đưa tay lên môi huýt khẽ.

“Gọi họ đi. Giờ này mà họ còn ngỡ mình đi lạc kia.” Có tiếng thúc giục.

“Thôi, cứ để họ đi. Thà tưởng đi lạc còn hơn biết mình bị phản bội.”

Những tiếng nói đột nhiên ngưng bật, văng vẳng trên cao chỉ còn tiếng gió xào xạc, tiếng cành khô rơi. Nằm dưới lòng đất, người ta nghe rõ tiếng đất thành thạch, tiếng lá bị giẫm, tiếng người lao xao.

“Bình ơi, chờ mình với.” Bóng Đinh văn Thọ cố kéo cái chân lạc lìa, lếch thếch chạy theo. Chưa bắt kịp bạn, anh đã nói với,

“Bình ơi, cậu về đi.” Giọng anh giục giã. “Mau về đi. Về mà thăm cái Nụ.”

“Còn cậu?” Võ Đình Bình tỏ vẻ ngạc nhiên. “Cậu không muốn gặp Nụ à?”

“Ồ, không. Không.” Đinh văn Thọ cương quyết, “Nụ là của cậu. Mình rút lui rồi.”

“Rút lui? Tại sao?” Một ý nghĩ lóe lên. Anh liếc xuống đôi chân của bạn. “Vì cái chân gãy này ư?”

“Không. Không phải.” Thọ đính chính, “Mình rút lui trước khi lên núi, chỉ có điều chưa kịp nói với cậu đấy thôi.”



“Nhưng tại sao?” Bình vẫn chưa hết ngạc nhiên. “Thế, cậu không nghĩ đến Nụ nữa ư?”

“Vẫn... Nhưng bây giờ, tình yêu đối với mình không còn quan trọng nữa.” Bất chợt, ánh mắt Thọ trở nên xa xăm.

“Hết chiến tranh, mình đi suốt chiều dài đất nước, từ Bắc chí Nam, từ Nam ra Bắc, cũng không thấy có gia đình nào không mất mát vì chiến tranh.”

Nói đến đây, bỗng Thọ xoay mặt nhìn Bình, giọng anh trở nên vui. “Gặp lại cậu, mình chợt phát hiện nhà của cậu là một gia đình toàn vẹn nhất. Đúng là tam đại đồng đường7. Thế nên,...”

“Cậu quyết định rút lui?” Bình tiếp lời Thọ.

“Mình muốn thấy một bức tranh toàn bích.” Thọ lại giục, “Về đi. Cậu về ngay, nhé.”

“Mình đã. Hôm mới chết, mình chạy một mạch về làng, tuồn ngay vào giấc mơ của Nụ.

Nhưng,... Nụ không nhận ra. Cô ấy khiếp đảm, la toáng lên. Rồi tỉnh dậy.” Anh nhìn lại mình, rồi cười buồn, “Mình dính ngay một quả, thân thể cháy trụi, mặt mày đen ngòm như thế này, Nụ nhìn không ra... là phải.”

Đúng lúc đó, có lệnh “tập hợp” của Lò A Khén. Tiếng kêu văng vẳng từ bên kia triền núi. Võ Đình Bình vội đứng lên, anh đỡ bạn gấp rút chạy về bên kia núi.

Quá nửa khuya, gió trở trời, xô trăng giạt về một mé. Cánh quân di chuyển nhanh dần. Nhiều bóng đổ tràn xuống núi, lấp đầy những hẻm hỏ, nương hào. Bóng họ cúi xuống ngàn cây, luồn trong những khe núi, vờn nhau trên tận đầu rừng. Lướt qua những nơi họ ngã xuống trước đây, bóng họ lại rớt lại như một thứ định mệnh đã sắp sẵn. Tan trong cõi vô thường.

Lâm văn Diên ngã ập xuống cạnh Ngô An Huy. Bởi vì, từ sau phát đạn nổ như chớp loé đêm hôm ấy, bọn anh đã ngã xuống, bị rơi tồm vào một khoảng không vô trọng lực. Rồi bỗng dưng anh cảm thấy mình nhẹ hẫng, bênh bồng trôi nổi như mây. Anh nhìn lại thân xác mình, hình hài mới đó đã biến dạng, nó giống như một bộ đồ cũ không còn vừa vặn nữa. Trước khi nhắm mắt, anh vẫn còn nghe tiếng rè rè phát ra từ máy gọt. Bây giờ, mỗi đêm, những người nằm lại trên đỉnh núi này đều lắng nghe cái âm thanh ấy như một điệu nhạc quen. Nhưng, bây giờ anh không còn để ý loại nhạc ấy. Mỗi đêm khi ngửa mặt, anh nhìn thấy cả một bầu trời xanh trong vắt. Mây lơ thơ vài cụm. Và trăng, như một ngọn hải đăng trong vũ trụ, một thứ ánh sáng huyền diệu thấp sáng núi đồi. Anh lan man chợt nhớ cái đêm trăng cuối cùng, cái đêm mà cả bọn nhảy ù vào cái chết. Sau này, cứ vào thời khắc đó anh lại tự hỏi, làm thế nào để tránh được cái chết. Anh phải chạy nhanh hơn hay phải nhảy mạnh lên? Để tránh một làn đạn, anh phải chạy trước nó hay sau nó? Mỗi đêm, anh ngắc ngứ giữa thời khắc này. Cứ cố, mà không làm sao thoát ra được. Bị cái sống rượt và cái chết chờ. Chết, không phải là hết. Chỉ vì không ai thay đổi được quá khứ nên người ta không thay đổi được cái chết. Bây giờ, nó trở thành một thứ định mệnh đã sắp sẵn. Nhiều đêm, khi trăng sắp tàn, tiếng một con cú rúc bên góc rừng, anh lại chuẩn bị cố nhảy qua những tia nắng lấp lóa. Anh tin, nhảy qua được ánh nắng, nhảy vô bóng mặt trời là được sự sống lại. Ôi, anh tiếc cái thời khắc đứng giữa hai tia nắng. Mỗi một đêm anh đều mơ, có một ngày lại được đi dưới ánh mặt trời, được soi mặt mình dưới một con nước nhỏ. Anh chợt nhớ, đã lâu lắm rồi anh chưa thấy được chính mình. Anh chợt nhớ chính anh. Nhớ mặt, nhớ mũi, nhớ da diết, nhớ đến cháy bỏng ruột gan. Nhiều lần anh định đưa tay lên sờ mặt,

nhưng bàn tay anh cũng không có hình thể. Anh loay hoay trong chờ đợi. Và hy vọng tìm một cơ hội chow tới sáng.

Bốn giờ sáng.

Tiếng gà rừng đầu tiên eo óc.

Tất cả bật dậy vì một bóng người vụt chạy xuống núi.

“Ai?”

“Đứng lại. Đứng.” Nhiều tiếng quát lạnh lạnh. Tiếng đạn lên lộp rộp. Nhưng bóng đen vẫn vùn vụt như cơn gió.

“Đừng bắn.” Trần Văn Tấn ghè mũi súng của Lâm Văn Diên xuống đất. “Phạm Công Tào ấy mà.”

“Trời sắp sáng, hấn còn chạy đi đâu?”

Lâm Văn Diên đưa tay che ngang tầm mắt. Cả bọn trông theo bóng Tào nhấp nhô ẩn hiện giữa rừng cây.

Khi tiếng pháo ầm ỳ cuối cùng đã lắng, Phạm Công Tào mới lú ra được khỏi chân núi. Hấn vẫy tay gọi chiếc xe cút-kít của mẹ con người Tày.

“Xe, xe ơi. Chow gửi nhờ một ít đồ về Hà Nội.”

Đúng lúc đó, sắc mây chợt ửng. Một màu hồng phơn phớt nhuộm thắm chân trời. Bóng Phạm Công Tào cũng vừa tan loãng thắm xuống đất. Bên kia lè, bóng hai mẹ con người Tày cũng biến mất.

Trên con đường hừng sáng, bây giờ, chỉ còn độc một cái càng xe mục nát.

*Georgia, tháng 10/2011*

1. Bắp chuối hay củ chuối: tiếng lóng chỉ B.40

2. Đức Thánh: Đức Thánh Trần Hưng Đạo

3. Hàn Tín: danh tướng đời Hán (Trung Hoa)

4. Khựa: ý chỉ lính Trung Quốc đang xâm lấn Việt Nam

5. Bài Ca Người Lính (CSVN) của nhạc sĩ Diệp Minh Tuyền.

6. Bài hát Đông Phương Hồng: bài hát ca ngợi Mao Trạch Đông mở đầu với những câu “  
Phương Đông đỏ, mặt trời mọc. Trung Quốc có Mao Trạch Đông...”

7. Tam đại đồng đường: một gia đình có ba thế hệ ông bà, cha mẹ, con cháu cùng sống chung dưới một mái nhà.

\*Ghi chú: Truyện viết dựa theo Tài liệu giảng dạy dành cho sinh viên sĩ quan của Tự Vệ Đội – Cục Phòng Vệ Nhật Bản – Đại Học Phòng Vệ (Nghiên cứu viên Nakamura Masanori – ông Hà Minh Thành dịch), giai đoạn 3, kế hoạch tái chiếm Lão Sơn MB84 do Văn Tiến Dũng chỉ huy. Kế hoạch MB84 hoàn toàn thất bại vì một sĩ quan cao cấp trong Cục Quân Báo Việt Nam đã tiết lộ cho phía Trung Quốc. Sau trận này Việt Nam tổn thất 3,700 binh sĩ và mất hai ngọn núi Lão Sơn và Giả Âm Sơn.